

NĂM THỨ 6 - NGÀY 1-12-62

BACH

KHOA

trong số này

TIÊU DÂN cuộc tranh chấp biên giới Ấn-Độ Trung-Cộng và chính sách Trung Lập • PHẠM NGỌC THẢO vấn đề lập căn cứ • TRẦN HƯƠNG TỬ triết lý bi đát của Clément Rosset • NGUYỄN HIỂN LỄ phải thống nhất nhan đề và thoại của các áng văn thơ cổ • DOHAMIDE đời sống gia đình của người Chăm Châu-Độc • BỬU KẾ công chúa hạ giá • VÕ QUANG YẾN vệ tinh thông-tin • TRĂNG THIÊN John Steinbeck với giải Nobel • MỘNG TRUNG những nghề mới lạ ở xứ Pháp • TRẦN ĐẠI tuổi trẻ • HOÀI GIANG thung lũng • LỮ QUỲNH tuổi thơ và tình yêu • VÂN TRANG Từ Kỳ của loài kê • ĐOÀN THÈM hòa âm 15 • HỮU PHƯƠNG tuổi trẻ ra đi • ĐẶNG TRẦN HUÂN Từ Gấu • PHẠM CÔNG THIÊN Ca sĩ • VÕ HỒNG niềm tin chưa mất • TRĂNG THIÊN diễm sách « Truyện Tòa-Án » của Nhược Hồng •

142

Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐẾN LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỂ CHẤT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẤT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẤT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIỀC NÚT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THÈ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHẨM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THÈ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LẠNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 68\$

BÁCH

KHOA trong số này

Số 142 ngày 1-12-62

TIÊU-DÂN cuộc tranh chấp biên giới Ấn - Độ Trung - Cộng và chính sách Trung-Lập	3
PHẠM-NGỌC-THẢO vấn đề lập căn cứ	13
TRẦN-HƯƠNG-TỬ triết lý bi đát của Clement Rosset	17
NGUYỄN-HIẾN-LÊ phải thống nhất nhan đề và thoại của các áng văn thơ cổ	23
DOHAMIDE đời sống gia đình của người Chăm Châu-Độc	31
BỬU-KẾ công chúa hạ giá	37
VÕ-QUANG-YẾN vệ tinh thông tin	43
TRÀNG-THIÊN John Steinbeck với giải Nobel 1962	49
MỘNG-TRUNG những nghề mới lạ ở xứ Pháp	59
TRẦN-ĐẠI tuổi trẻ — HOÀI-GIANG thung lũng — LỪ-QUỲNH tuổi thơ và tình yêu (thơ)	66
VĂN-TRANG Tử-Kỳ của loài kê (truyện ngắn)	69
ĐOÀN-THÊM hòa âm 15 (thơ)	73
HỮU-PHƯƠNG tuổi trẻ ra đi (thơ)	74
ĐẶNG-TRẦN-HUÂN Tư Gấu (dịch truyện của J. Steinbeck)	75
PHẠM-CÔNG-THIỆN Ca sĩ (thơ)	88
VÕ-HỒNG niềm tin chưa mất (truyện ngắn)	91
TRÀNG-THIÊN diễm sách : Truyện Tòa-án của Huệ-Hồng	101

BÁCH-KHOA

trong những số tới

<i>Biến chuyển của thế-giới và nền giáo - dục hiện-dại</i>	BÙI-HỮU-SÙNG DOHAMIDE
<i>Tang lễ của người Chăm Châu-Đốc</i>	
<i>Những biến chuyển của nền ca kịch sân khấu cải lương miền Nam</i>	TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ ĐOÀN-THÊM
<i>Tìm đẹp ở Người</i>	
<i>Vấn đề giáo dục của phụ nữ Nhật-Bản ngày nay</i>	ĐOÀN-VĂN-AN NGUYỄN-ĐỨC-TIỂU
<i>Sự lập chí của Cao-Bá-Quát</i>	
<i>Gamal Abdel Nasser và những bí mật về vụ kênh Suez</i>	NGUYỄN-HIỂN-LÊ TRỌNG-KHANG
<i>Chuyện phiếm chung quanh con số Pi</i>	NGUYỄN-HỮU-NGU BỬU-KẾ
<i>Những giải thưởng trong Nam thời tiền chiến</i>	NGUYỄN-VĂN-TRUNG NGUYỄN-TRẦN-HUÂN
<i>Hoàng tử nạp phi</i>	CÔ-LIÊU
<i>Câu chuyện văn chương</i>	TRẦN-THIÊN
<i>Giải thưởng Nobel về y-học năm 1962</i>	MỘNG-TRUNG
<i>Danh nhân : Claude Bernard</i>	NGUYỄN-CHÂU
<i>Tiểu thuyết di về dâu ?</i>	Cô MINH-ĐỨC
<i>Món tiền hộ mạng (truyện ngắn)</i>	VÕ-PHIẾN
<i>Con ruồi (truyện dịch của G. Langelaan)</i>	LÊ-TẮT-ĐIỀU
<i>Hiệp tá đại học « thờ » (truyện ngắn)</i>	
<i>Về dâu (truyện dài)</i>	
<i>Loài hoa trên đá (truyện ngắn)</i>	

Cùng các bạn gửi bài
BÁCH-KHOA kỷ niệm 6 năm

Năm nay Bách-Khoa số kỷ niệm 6 năm cũng là số Tết Quý-Mão. Vậy các bài về số Kỷ niệm và số Tết xin gửi đến tòa soạn Bách-Khoa 160, Phan-Đình-Phùng, Saigon **trước ngày 10-12-62**. Đa tạ.

CUỘC TRANH CHẤP BIÊN GIỚI ẤN-ĐỘ — TRUNG-CỘNG VÀ CHÍNH SÁCH TRUNG LẬP

KHÔNG-khí chiến tranh bao trùm vùng biển Caraïbes đã hòa dịu phần nào, sau khi Nga-Sô cho tháo gỡ và đem về nước số hòa-tiến đe dọa nền an-ninh của tây bán-cầu.

Bây giờ đây người ta quay nhìn về Đông. Cuộc chiến-tranh không tuyên-chiến giữa Ấn-Độ và Trung-Cộng được chú-ý đặc-biệt.

Đây là lần thứ hai, trong vòng mười năm trở lại, Trung-Cộng bước vào vòng chiến.

Bên nào nổi súng trước, châm ngòi chiến-tranh ? Bắc-Kinh cho rằng chính quân-đội Ấn-Độ đã tấn-công trước vào miền Đông giới-tuyên Mac Mahon.

Nhưng nhiều ý-kiến nhân mạnh về trách-nhiệm gây chiến của Trung-Cộng.

Tuần san « Extrême Asie » viết : « Ngày 8 tháng 9, quân-đội Trung-

Cộng vũ trang hùng-hậu và tồ-tân, đã bắt ngờ và ồ-ạt tấn công vào hai tiền-đồn biên-cảnh Ấn-Độ, trên Himă-lạp-sơn, vùng Laddakh, ở phía Tây và phía Đông (giới-tuyên N. E. F. A. hay North-East Frontier Area), hai cứ-điểm xa cách nhau 2000 cây số.. Miền Tây Laddakh đã bị chiếm một phần, cứ-điểm chiến-lược quan-yếu Tawang (thành phố 10.000 dân) cách giới-tuyên Mac Mahon 30 cây số về phía Nam, cửa ngõ mở về vùng thung-lũng Assam, đã lọt vào tay quân-đội Trung-Cộng ; xứ Bhoutan dưới chế độ bảo-hộ của Ấn-Độ cũng bị thôn tính ».

Giáo sư G. F. Hudson, viện-trưởng viện Viễn-đông tại St. Antony's College d'Oxford, cũng đã viết : « Điều hiển-nhiên là Trung-Cộng đã gây chiến để chiếm-cứ những lãnh-thổ miền Himă-lạp-sơn mà họ đòi xưa nay... »

Chính-phủ Ấn-Độ chỉ ra lệnh cho quân đội «trục-xuất quân xâm-lãng» sau khi quân Trung-Cộng đã tràn qua và chiếm đóng ngọn núi Thagla; và sức tàn-công dũng-mãnh của quân Trung-Cộng — đánh bại quân Ấn — chứng tỏ rằng đây không phải là một sự động-chạm nhỏ ở biên-giới mà đây là một hoạt động quân-sự đại qui-mô đã được Trung-Cộng sửa-soạn từ lâu, nhằm làm áp-lực cho các yêu-sách của họ về 130.000 cây sô vuông đất đai ở phía Nam giới-tuyến Mac-Mahon... ».

mấy câu hỏi lớn

Ấn-Độ đã gặp bất-ngờ. Nhân-dân thế giới cũng không chờ đợi cuộc chiến-tranh này.

Bây giờ người ta hướng về thủ-tướng Nehru, vị lãnh-tự dân-tộc Ấn, theo dõi sự phản-ứng của ông.

— Ông Nehru sẽ đòi-phó thế nào với Trung-Cộng xâm lược?

Một câu hỏi quan trọng. Câu hỏi này càng quan trọng vì ý nghĩa hàm súc và liên-hệ của nó: trong thử-thách này, chính sách Trung-lập của Ấn-Độ sẽ diễn-tiến thế nào? nói chung, chính sách Trung-lập của các quốc-gia không liên-kết với khối nào sẽ chịu ảnh-hưởng gì?

Ông Nehru luôn luôn cài một đoá hoa hồng trên ve áo. Người phương Tây đã ví-von rằng đây là đoá hoa «sống chung hòa bình». Ngày nay năm nguyên-tắc cao quý đề ra tại hội nghị Bandoeng đã bị Bắc-Kinh dày

xéo phũ-phàng. Ông Nehru có ném đoá hoa của ông vào sọt giấy?

Vấn-đề càng phức tạp vì những sắc thái lạ lùng của cuộc tranh-chấp. Cho đến nay, mặc dầu đã xua quân chiếm nhiều đất đai Ấn-Độ, Bắc-Kinh luôn luôn giả miêng kêu gọi thương-thuyết. Trong khi đó, ông Nehru nhận vũ-khí của Anh, Hoa-Kỳ, sửa soạn một cuộc kháng chiến lâu dài nhưng — khi chúng tôi viết bài này — mới đang nghiên-cứu vấn-đề tuyệt-giao với Trung-Cộng và tại Liên-Hiệp-Quốc thì đại-biểu Ấn-Độ, một lần nữa, vẫn ủng hộ Trung-Cộng vào Liên-Hiệp-Quốc. Cũng nên nhắc lại rằng chiến tranh đã bùng nổ từ ba tháng rồi mà chưa có bên nào tuyên chiến với bên nào.

Nếu quên lãng âm mưu chính-trị và chiến-thuật «tầm ăn dâu» của Cộng-Sản, người ta sẽ cho rằng đây là một cuộc xung-đột võ-trang mà cả hai phe đối nghịch đều gián-tiếp muốn cho nhau hiểu rằng mình muốn hòa hơn là chiến.

Người ta càng thắc-mắc nhiều hơn khi nghĩ tới thái độ của Trung-Cộng đối với Ấn-Độ trước ngày có vấn-đề tranh-chấp. Mọi sự xảy ra cho thấy Bắc-Kinh tìm mọi cách tranh thủ cảm-tình của Ấn-Độ và cố gắng giữ quốc-gia lớn ấy trong hàng — nói đúng hơn, ở đầu hàng — các quốc-gia theo chính-sách Trung-lập.

Vậy mà ngày nay Bắc-Kinh đập đổ tất cả kiến-trúc tình-cảm quý giá vô song ấy chỉ vì một đường biên giới mập mờ, chỉ vì một vùng có những

bộ lạc bán khai, sáu tháng tuyết phủ không có sự quan trọng sinh tử về chiến lược?

Thật là phi lý. Thề tât phải có những nguyên nhân sâu xa hơn, gây ra cuộc khủng-hoảng nghiêm-trọng này.

một lối thoát?

Giáo sư G. F. Hudson nhận định rằng Trung-Cộng cần có chiến tranh. Trong hiện-tình ở đại lục Trung-Hoa, nguy cơ đe dọa làm lay chuyển uy-thề tinh-thần, uy-thề chính-trị của chính phủ và của Đảng Cộng-Sản ngày càng nghiêm-trọng. Sự thất bại lớn lao của « bước nhảy vọt », của chế-độ công xã nhân dân, cộng thêm những thiên tai, làm cho dân-chúng cơ-cực và bất-mãn.

Có chiến-tranh, nhà cầm quyền Bắc-Kinh sẽ xoa dịu được sự chống-đôi của dân chúng, chia mũi dùi bất-mãn vào kẻ thù ngoài biên giới. Tinh thần quốc gia, dân tộc sẽ giúp nhân-dân tạm quên những khó-khăn trong đời sống hàng ngày hoặc chấp-nhận nó như là một sự kiện tất-yếu trong hoàn cảnh chiến-tranh. Đó là chưa kể rằng chiến-tranh có thể đem lại đất đai, tài nguyên, nguồn sông mới. Cũng chưa nói rằng chiến-tranh tạo thuận-lợi cho chính-quyền độc-tài khép người dân vào vòng kỷ-luật chặt chẽ hơn, thu-hẹp tự-do dân-chủ dễ dàng hơn, tiêu-diệt ý-chí đòi kháng hiệu-quả hơn.

Tuy nhiên không phải Trung-Cộng muốn có chiến-tranh là có thể gây chiến-tranh được.

Trung-Cộng cần chọn một hình-thức chiến-tranh thích hợp với điều kiện của mình và một đối-tượng để gây chiến thích-hợp với hình-thức chiến-tranh ấy.

Cuộc chiến-tranh ở Hàn quốc trước đây đã giúp cho người Cộng-Sản Trung-Hoa một kinh-nghiệm quý giá : trong khi gặp những khó khăn nội-bộ, nếu gây ra được một cuộc chiến tranh nào mà Trung-Cộng có thể chắc chắn lãnh-thỏ của mình không bị đối-phương tàn-phá thì chiến-tranh ấy rất lợi.

Trong cuộc chiến-tranh ở Hàn quốc Trung-Cộng không hề bị phong tỏa, oanh tạc hay xâm chiếm. Bây giờ Hoa-Kỳ và các quốc gia đồng minh không muốn chuyện phiền phức với Nga-Sô nên mặc-nhiên giới-hạn chiến tranh trong phạm vi đất Hàn. Vì thế chỉ có chí nguyện quân Trung-Hoa lục-địa thương vong ở mặt trận Hàn quốc, còn đại-lục Trung-Hoa hoàn toàn yên ổn.

Kinh-nghiệm ấy có thể giúp Trung-Cộng một lối thoát tình hình khó khăn nội bộ hiện thời. Nhưng áp dụng ở đâu?

Phát động chiến tranh ở Đại-Hàn một lần nữa chăng? Muốn như vậy, Bắc kinh phải có sự đồng tình của Mạc-Tư-Khoa. Nếu không, sự đụng độ lần này với Hoa-Kỳ sẽ nguy hiểm nhiều. Và lại, nếu nhờ Nga-Sô ủng hộ, tất-nhiên Trung-Cộng sẽ phải lệ thuộc vào Nga-Sô, một điều mà họ Mao không muốn.

Tần-công Đài Loan chẳng ?

Càng khó. Đối với Nga-Sô, Đại-Hàn còn có dính-dấp với Nga ít nhiều chứ Đài-Loan thì chỉ là một mục phêu đặc-biệt của Trung-Cộng. Có thể chắc rằng Kroucht hev không ủng hộ cuộc chiến-tranh này, một cuộc chiến-tranh có thể lôi kéo Nga-Sô vào đại-chiến thế-giới.

Trong tình-thế này, họ Mao có thể tự lực thôn tính Kim-Môn, Mã-Tổ nhưng Bắc-Kinh lại không chắc hăm dọa thứ bảy sẽ dễ yên, không can-thiệp với võ-khí nguyên-tử. Động tới Hoa-Kỳ nguy-hiểm quá, mà Trung-Cộng thì cần có một hình-thức chiến-tranh « khoé khoán », không có những hậu-quả nghiêm-trọng.

Xem lại thì chỉ có gây chiến với Ấn-Độ là thuận lợi. Ấn-Độ không liên-kết với khối quân sự nào. Quân-đội Ấn sút kém quân đội Trung-Cộng về quân số cũng như trang-bị. Và lại bấy lâu nay quân-đội Ấn chỉ được sửa-soạn để chống lại Hối-Quốc mà thôi.

Gây chiến với Ấn-Độ, Trung-Cộng hi-vọng thâu đạt một vài thắng-lợi quân-sự để vận-dụng ảnh-hưởng thắng lợi này, củng cố nội bộ trước hết.

Điều quan-trọng là gây chiến với lý-do nào. Văn đề giới-tuyến Mac Mahon là một lý-do dễ ăn nói nhất đối với họ.

Hậu-quả của một nước cờ sai

Bắc-Kinh nhứt quyết rằng họ có lý và nkững đất mà họ đòi ngày nay

đúng là của Trung-Quốc. Họ bảo đề-quốc Anh ngày xưa đã lợi-dụng sự nhu - nhược của nhà cầm quyền Trung - Hoa bây giờ để cướp của Trung-Hoa các lãnh thổ ấy. Sau này Ấn-Độ cũng đã cố ý giữ không chịu trả.

Cái lý của Bắc-Kinh dựa vào sự-kiện là hiệp-ước Anh — Tây-Tạng qui-định đường ranh Mac Mahon (24 tháng 3 năm 1914) không được Trung-Quốc duyệt-y và hiệp-ước này vô giá-trị vì Tây-Tạng không có quyền ký một hiệp-ước với nước ngoài, nếu không được sự chấp-thuận của Trung-Quốc.

Giáo sư G. F. Hudson nhận định rằng phương-diện pháp-lý của yêu-sách Trung-Cộng như thế làm khó Ấn-Độ, bởi vì Ấn-Độ đã thừa nhận Tây-Tạng thuộc về Trung-Quốc.

Đối với người dân Trung-Quốc có tinh-thần yêu nước thì, với các lý này, họ phải xem yêu-sách kia của Trung-Hoa là chính - đáng : Trung - Hoa có quyền đòi lại những quyền-lợi đã bị đề-quốc chủ nghĩa tước đoạt trong lúc Trung-Hoa còn suy yếu.

Bắc-Kinh đã khôn-ngoaan đưa yêu-sách lãnh-thổ này ra, biến cuộc chiến-tranh mà họ muốn gây chống Ấn-Độ, thành một giai-đoạn chống đề-quốc chủ-nghĩa. Điều tề-nhị trong văn-đề là yêu-sách này vừa thích hợp với đường lối Cộng-Sản ngày nay, vừa nằm trong chương-trình hành-động của Quốc-Dân-Đảng Trung-Quốc ngày xưa (Phục hồi chủ-quyền). Sự thật là từ cuộc cách-mạng 1911 đến nay, bất cứ chánh-phủ Trung-

Hoa nào cũng xác nhận rằng Trung-Quốc bao gồm các lãnh-thổ của đế-quốc Mãn-Châu, kể cả Tây-Tạng với các vùng phụ thuộc ở Hi-Mã Lạp-Sơn.

Ngược giòng lịch-sử ta thấy người Anh phạm một sai - lầm nghiêm - trọng với chính sách : Anh đã không thừa nhận Tây-Tạng là một quốc gia độc lập (ngoài Trung-Quốc). Nếu chính phủ Anh làm việc đó thì ngày nay giữa Ấn-Độ và Trung-Cộng đã có một nước đệm ; quốc gia Tây-Tạng độc-lập đã che-chở cho Ấn-Độ. Lúc bấy giờ huân tước Curzon, phó vương Ấn-Độ đã đề-nghị với chính phủ Anh hãy bỏ sự thừa nhận chủ-quyền Trung-Quốc đối với Tây-Tạng và tuyên-bổ thừa nhận Tây-Tạng độc lập. Nhưng bộ ngoại giao Anh lại không thấy cần thiết, vì cho rằng cái nguyên-tắc chủ-quyền của Trung-Hoa đối với Tây-Tạng ấy thật ra chỉ là một điều hư không, vô hại, nên giữ nguyên-trạng để khỏi làm Trung-Quốc bất bình.

Sau khi thu-hồi chủ-quyền độc-lập. Ấn-Độ cũng tiếp-tục chính-sách ấy, cũng với lý do không muốn làm mất lòng Trung-Quốc.

Năm 1950, trong khi Trung-Cộng phải lo chiến-tranh ở Đại-Hàn, Tây-Tạng lên tiếng đòi độc lập. Lần nữa Anh và Ấn không bảo trợ công cuộc vận-động của Tây-Tạng.

Đến năm 1954 thì Ấn-Độ chính-thức thừa nhận Tây-Tạng thuộc về Trung-Quốc. Hậu quả của một nước cờ sai...

Để cho đến bây giờ Trung-Cộng dựa vào một cơ sở pháp lý nào đó đưa yêu-sách rồi từ đây gây ra một cuộc chiến-tranh mà thế-giới tự-do cũng như ông Hudson nhận rõ mục-đích xâm-lược.

Nhưng tương-quan Ấn-Độ Trung-Cộng còn phải được đặt trên một bình-diện rộng-rãi hơn, quan-trọng hơn để xét : bình-diện cách-mạng vô sản thế-giới.

Trên bình - diện này, khi Trung-Cộng tấn công Ấn-Độ một quốc-gia tiên - phong và có uy - thế nhất của phong-trào Trung-lập, phe Cộng phải thấy rằng nếu Trung-Cộng có « được » ít nhiều đất đai và uy-thế, đi nữa, thì ngược lại thế-giới Cộng-Sản sẽ « mất » rất nhiều. Bất-mãn nhất có lẽ là quốc-gia đồng-minh lớn nhất của Bắc-Kinh : Nga Sô.

Sao ? Trung-Cộng ngang nhiên ném xa, vứt mạnh lá bài sông chung hòa bình ? Bao nhiêu cò găng của Nga-Sô, của các nước dân-chủ nhân-dân (Cộng-Sản) Đông - Âu và của chính Trung-Cộng, bao nhiêu năm trời để gây cảm-tình, ảnh-hưởng với các dân-tộc Á - Phi phải kết - thúc một cách thảm-bại ?

Lénine có bảo rằng một ngày kia « Luân-Đôn và Hoa-Thịnh-Đôn sẽ đổ nhào xuống Dương-Tử-Giang » trước sức tấn công của Cộng-Sản. Ông ta cũng có những câu nói khác nhấn mạnh về sự quan trọng chiến - lược và chính-trị của kho nhân-tài vật-lực Á-Phi vô biên vô lượng.

Thề thì sự thắng lợi của Trung-Cộng — nếu có — trên một vài mục-phiếu quốc-gia nào đó có đến bù lại chăng sự thiệt-thòi nghiêm-trọng đối với phong-trào Cộng-sản quốc-tê là ác-cảm của các dân-tộc Á-Phi?

Trung-Cộng thề tất thừa hiểu những điều ấy nhưng vẫn hành-động theo ý mình. Thái độ này chỉ có thể hiểu được, nếu Trung-Cộng bị thúc-bách vì một nhu-cầu hết sức khẩn-yếu, có lợi-ích tồn-vong.

hai cái đầu của Châu-Á, hai giải-pháp xây-dựng tương-lại

Người ta nhớ rằng Ân-Độ và Trung-Cộng có một số điểm giống nhau.

Đây là hai quốc-gia có dân-số vĩ-đại nhất thế-giới và cũng là hai quốc-gia có nền kinh-tê vào hạng lạc-hậu nhất.

Ân-Độ sau khi thu hồi độc-lập, Trung-Cộng sau khi chiếm lãnh toàn đại-lục, đều đứng trước một vấn-đề sinh-tử: xây dựng tương-lai của dân-tộc, quốc-gia, cải-thiện sinh-hoạt của hàng trăm triệu con người.

Một vấn-đề xã-hội, kinh-tê đồng thời là một vấn-đề chính-trị, ý-thức hệ.

Người ta đứng trước hai con đường, hai giải-pháp. Con đường: liên-kết với Tây-phương tự-do hay với Cộng-Sản quốc-tê.

Giải pháp: dân-chủ hay cưỡng-chế.

Ân-Độ và Trung-Cộng phải chọn lựa một trong hai con đường, một trong hai giải pháp ấy.

Nhưng nếu Bắc kinh đã làm cuộc chọn lựa dễ dàng — tiếp tục đường lối, giải-pháp Cộng-Sản — thì Tân-Đế-Li trái lại bị đặt vào một hoàn cảnh tế-nhị hơn, do đó làm cuộc chọn lựa khó khăn hơn. Ân-Độ quay lưng với chủ nghĩa tư bản nhưng cũng không chấp nhận ý-thức-hệ Cộng-Sản. Ân-Độ chọn đường lối trung-lập và giải-pháp dân-chủ theo một tinh-thần mưu cầu lợi-ích cho dân-tộc.

Từ đây hai cuộc tiến-hóa diễn ra song hành. Ân-Độ nhận viện-trợ của thế-giới tự do cũng như của Cộng-sản, trong khi Trung-Cộng chỉ trông vào thực-lực của mình, ngoại trừ một sự viện-trợ không quan trọng lắm của Nga-Sô.

Nhưng sau mười năm — một con toán thời-gian không dài — người ta bỗng nhận thấy một tình-trạng khác biệt giữa hai quốc gia có nhiều ý nghĩa quan-trọng.

Rõ là Trung-Cộng đã tiến những bước lớn lao trên con đường kỹ-nghệ hóa xứ sở và cải-thiện sinh-hoạt đại-khối nhân-dân nông-thôn. Cũng rõ là nhân-dân Trung-Hoa lục-địa đã trả những thành-tích ấy với một cái giá vô cùng đắt: nhân-phẩm bị chà đạp, con người cần rãng thất lưng buộc bụng lao động, sản-xuất để kiên thiết xã-hội chủ-nghĩa. Trong khi đó, Ân-Độ tiến từng bước, bước, vững nhưng mà chậm. Đám đông nhân dân lao khổ Ân-Độ không khỏi nhìn về

Trung-Cộng, bị kích-thích, hấp dẫn vì giải-pháp độc-tài.

Mâu-thuân tất-nhiên phải nảy mầm. Ấn-Độ cần làm cho nhân-dân hiểu thà bước chậm hơn là nhảy vào vòng nô-lệ tinh-thần. Trung-Cộng cần cho nhân dân thấy ưu-thế của giải-pháp pháp cưỡng-chế Cộng-sản đối với giải-pháp dân-chủ tự-do.

Nhưng rồi Trung-Cộng say sưa với những bước nhảy vọt, với chế-độ Công-xã nhân dân và các kế-hoạch kinh-tế đầy tham-vọng. Và đến khi họ thất-bại, họ mới thấy rằng những thành-tích buổi đầu thật ra không phải là những thắng-lợi căn bản vì nó dễ nguyên, không giải-quyết được tình-trạng đói nghèo của ngoài 600 triệu con người, một tình-trạng còn bị thiên-tai làm thêm trầm-trọng.

Con thỏ dừng bước ngần-ngơ nhìn lại thì con rùa đã chầm-chậm tiến lên. Mỗi bước tiến của Ấn-Độ là một yếu-tố tuyên-truyền cho giải-pháp dân-chủ ôn-hòa của quốc-gia này, đồng thời gián-tiếp đánh vào tính-chất vô-hiệu của giải pháp cưỡng-chế đang tiếp tục bên kia biên-giới.

Bây giờ, ngược lại với trước, đến lượt Bắc-Kinh lo ngại về tính-chất hấp dẫn của giải-pháp Ấn-Độ.

Mâu-thuân càng trầm-trọng hơn đến độ tất yếu phải có là ảnh-hưởng chính-trị, kinh-tế của mỗi bên đụng đầu với nhau, tranh đầu với nhau để một còn một mất.

Trung-Cộng cũng như Ấn-Độ đều không thể thần-nhiên đợi chờ ngày

hàng trăm triệu người đứng dậy đòi cơm áo và đòi áp-dụng giải-pháp mà nhà đương-cuộc đã dứt-khoát chối-từ.

Đây là nguyên nhân sâu xa làm nên cuộc khủng hoảng hiện-thời. Khi người ta thấy đây là vấn đề sống còn của chế-độ, người ta mới hiểu được một phần nào cuộc xung-đột vô-trang đang diễn ra.

từ chính-sách trung-lập

đến người trung-lập

Một nguyên-nhân nữa của cuộc tranh-chấp, làm cho Bắc-Kinh nhận thấy chính-sách trung-lập của Ấn-Độ không đáng để Trung-Cộng vượt ve, mơn trớn như xưa nữa, là ảnh-hưởng thật sự của chính-sách ấy trên trường chính-trị quốc-tế.

Cộng-sản Mạc-tư-khoa cũng như Bắc-kinh đều cho rằng có chính-sách Trung-lập nhưng không thể có con người trung-lập.

Cho nên, đứng về chiến-lược, họ muốn có, muốn khuyến-kích, tranh-đầu cho có những quốc-gia theo chính-sách Trung-lập, nhưng trên bình-diện ý-thức hệ, họ lại muốn con người trong những quốc-gia ấy phải có lập trường, quan-điểm cách mạng vô-sản.

Con người có lập-trường (theo Cộng-sản) phải quan-niệm và thi-hành chính-sách Trung lập như thế nào ? Đây là khởi-điểm tranh-chấp.

Bắc-kinh xem chính-sách Trung-lập của Ấn-Độ có lợi-ích chiến-lược, nói

CUỘC TRANH-CHẤP BIÊN-GIỚI ẤN-ĐỘ — TRUNG-CỘNG...

chung là gỡ hệ-thống lực-lượng đế-quốc ra từng mảnh, làm suy yếu nó; nói riêng là chặt đứt từng khoảng vòng vây đế-quốc chung quanh đại-lạc Trung-hoa.

Trên tinh-thần này, nội-dung của chính-sách Trung-lập của Ấn-độ phải là triệt-để phản đề phản phong nhưng thân Cộng hay ít nhất là dung Cộng.

Nhưng ông Nehru và Ấn-độ không trả lời sự mong ước thắm kín đó.

Đứng về chiến-lược, nhà lãnh đạo mấy trăm triệu nhân-dân Ấn quan-niệm chính-sách trung-lập có lợi-ích, đối với quốc-tê, làm hòa dịu những vấn đề tranh-chấp giữa hai khối đế duy-tri hòa bình, đối với xứ-sở, dồn bao nhiêu tâm lực của quốc dân vào công cuộc kiến-thiết xứ-sở theo giải pháp dân chủ ôn hòa.

Với quan-niệm ấy, con người của ông đứng hẳn về lập-trường tự-do, dân-chủ. Ông chống tư-bản bóc-lột đồng-thời chống luôn Cộng-Sản độc-tài. Con người này trong khi áp-dụng chính-sách trung-lập, tất-nhiên không thể có thái-độ một chiều là chỉ làm những gì không bất-lợi cho Cộng-Sản.

Do đây, Ấn-Độ đã tiếp đón đức Đạt-lại Lạt-ma, tỏ sự lo-ngại với Bắc-Kinh mỗi khi nhà cầm-quyền Trung-Cộng dõm-dỏ vào nội-tình các quốc-gia lân-cận như Nê-Pan.

Cũng do đây, Ấn-Độ đã làm cho tinh-thần các quyết nghị của hội-ngị các quốc-gia Trung-Lập tại Belgrade (Nam-

Tur) có một mực-độ ôn-hòa, không tạo một uy-thề chính-trị nào cho phe Cộng.

Thành-thử chính-sách Trung-Lập của Ấn Độ dần dần trở thành một yếu-tố chương-ngại.

Tính-cách chương-ngại càng sâu đậm một khi quốc-gia như Ấn-Độ lên tiếng xác-nhận một tiền bộ của Tây-Phương, chẳng hạn như khi thủ-tướng Nehru chào mừng quyết-định của chính-phủ Pháp trao trả chủ-quyền độc-lập cho dân-tộc Algérie.

Từ một yếu-tố làm suy yếu, chính-sách trung-lập của Ấn-Độ dần dần trở thành sự biểu-hiện của một sức mạnh tinh-thần, chính-trị, ở giữa — nếu không phải ở trên — cuộc tranh-chấp của hai khối.

Bắc-Kinh không thể chấp-nhận tình-trạng này. Như thế, Bắc-Kinh gây ra hoặc chấp-nhận cuộc chiến-tranh này có thể vì một lẽ: dồn Ấn-Độ trở về cương-vị chiến-lược và ý-hức mà Trung-Cộng mong muốn, nghĩa là chỉ làm hại đế-quốc chủ-ngĩa nhưng không xâm phạm đến uy-thề của Trung-Cộng, nói chung của Cộng-Sản quốc-tê.

chính-sách Trung-lập

trong thử-thách

Có lẽ chưa bao giờ các quốc-gia trung-lập bị đặt vào một hoàn-cảnh tệ-nhị như hiện-thời.

Nếu ngược giòng lịch-sử, tìm lại nguồn gốc chính-sách trung-lập, người ta sẽ thấy một điều rõ-ràng: chính-

sách trung-lập ra đời một phần quan-trọng vì bây giờ thế-giới Cộng-sản muốn sống chung hòa-bình với Tây-phương cùng các quốc-gia Á-Phi.

Các nhà lãnh-đạo các quốc-gia này thuyết-phục nhân dân nước họ hưởng - ứng chính - sách Trung - lập không phải dễ-dàng như lầy đổ trong túi. Mặt khác, Tây-phương cũng bắt đắc-dĩ lắm mới đành thừa nhận một sự-trạng có nhiều hại hơn là lợi đối với họ, xét về cả hai mặt chính-trị và chiến-lược.

Nếu nhớ lại những điểm trên, người ta cũng phải nhớ luôn con người của các lãnh-tự để-xướng, cõ-động, duy-trì chính-sách Trung-lập. Dẫu họ là Nehru, Bourguiba hay Nasser, nghĩa là khác nhau về nhiều mặt, nhưng họ có một điểm tương-đồng căn-bản: họ có tình-thần dân-tộc, dân-chủ, công-bình và không tán-thành ý-thức hệ cũng như đường lối Cộng-sản. Với họ, theo chính-sách Trung-lập tức là đã làm một bước tự giải - nhiệm tinh - thần (démission intelletuelle); bước tự giải-nhiệm có thể vui vẻ mà làm vì quyền-lợi dân tộc và hòa-bình thế-giới, nhưng con người phải là con người dân-chủ, tự-do.

Khi soát xét qua các yếu-tố khách-quan, chủ-quan và lịch-sử nói trên, người ta phải nhận rằng sự tồn-tại của chính-sách Trung-lập dựa trên một nền-tảng rất bấp-bênh: bao lâu mà Tây-phương không phá-hoại, hoặc Cộng-sản quốc-tê còn tiến-hành chiến-lược sống-chung hòa-bình của họ.

Nhưng bây giờ Bắc-Kinh đã tỏ ra thái-độ cừu thị đối với Ấn-Độ, bắt-chấp năm nguyên-tắc sống-chung hòa-bình. Hậu-quả sẽ như thế nào ?

Tây-phương sẽ có dịp nhân-mạnh về lợi-ích của một lập-trường chống Cộng dứt-khoát trên mọi bình-diện. Các lực-lượng tự-do, dân-chủ trong mỗi nước sẽ gây áp-lực, buộc chính-phủ soát lại lập trường, chính-sách. Người ta nghĩ rằng rồi đây sẽ có nhiều biến-chuyển chính trị và ý-thức trong các quốc-gia ấy vậy.

Phải chăng chính-sách trung-lập sẽ cáo chung ?

Có lẽ không có tình-trạng ấy nhưng điều chắc-chắn là rồi đây các quốc-gia Trung-lập sẽ gặp nhiều khó-khăn đối nội cũng như đối ngoại. Và lại còn một yếu-tố không thể bỏ qua để có một nhận-định khái-quát về tình-hình: thái-độ của Nga-sô.

một ẩn số lớn

Có lẽ địa-vị, hoàn-cảnh của Nga-Sô còn phức-tạp, tế-nhị hơn bất cứ nước nào.

Krouchtchev và các đồng-chí của ông cương-quyết đánh lá bài sống chung hòa-bình. Ông đã không ngần-ngại tiến-hành mọi biện-pháp làm cho Hoa-kỳ và nói chung thế-giới tự-do tin ở thiện-chí hòa-bình của ông. Tất nhiên phải hiểu thiện-chí hòa-bình của ông Krouchtchev trong phạm-vi ý-thức chính trị của ông, Ông ta cho Cộng-sản có thể diệt tư-bản mà không cần có chiến-tranh thế-giới.

Đối với Trung-Cộng, sự tranh-chấp càng ngày càng trầm-trọng về tư-tưởng lý-thuyết và chính-sách, chủ-trương. Nga-Sô không còn có thể che giấu tình-trạng này và cũng đã bắt đầu nghiêm-khắc với bạn đồng-minh vĩ-đại.

Đối với Ấn-độ thì Mạc-tư-khoa còn tha-thiết hơn Bắc-kinh trong vấn đề tranh-thủ cảm-tình. Về một mặt nào, có thể nói không quá đáng rằng, Kroutchev xem ông Nehru như một bạn đồng-minh trên chiến tuyến hòa-bình. Thái-độ của ông Nehru khi chiến-xa Nga tràn vào Hung-gia-lợi đã cho thấy Kroutchev thiết-tha đến một lãnh tụ trung-lập như ông Nehru không phải là vô-ích hoặc vô-lý.

Nhưng bây giờ Nga-Sô phải đứng trước một tình-trạng vô cùng khó xử: một bên, Trung-Cộng, dầu có xích mích đến đâu đi nữa, cũng là bạn đồng-minh sinh-tử, một bên, Ấn-độ với ông Nehru là giá-trị của một giai-đoạn chiến-lược lâu dài.

« Hi-sinh » bên nào cũng không được, mà không tỏ một thái-độ nào, giữ địa-vị bàng-quan cũng không được.

Ngoài ra, Nga-Sô còn phải nhìn về các dân-tộc Á-Phi, các quốc-gia trung lập.

Kroutchev sẽ phản-ứng như thế nào với tình hình ? Cho đến nay Mạc-tư-khoa vẫn giữ một thái-độ có thiện-cảm với cả hai, thái-độ của một người đau khổ thấy hai bạn thân xung đột. Người ta nghĩ rằng có lẽ Mạc-tư-khoa đang ráo-riết vận-động giải-hòa. Nếu không thì nguy trước hết cho Nga-sô.

Trong bài toán về tình-hình tranh-chấp Ấn-Độ Trung-Cộng và triển vọng chính-sách Trung-lập, thái-độ của Nga-Sô là một con số hết sức quan-trọng.

Nhưng người ta còn phải chờ. Thái-độ kia còn đang là một ẩn-số lớn.

16-11-62

TIỂU-DÂN

Tài-liệu tham-khảo :

La guerre de l'Himalaya et l'arrière-plan du conflit sino-indien (G. F. Hudson Oxford)

L'Inde devant l'orage (Tibor Mende)

Le communisme en Chine et en Inde (N. N. Roy)

Deux économies planifiées en Asie (Heinrich Bechtholdt)

L'Inde au milieu du courant (William Clark)

- Người quân tử, ta nên thân, song không nên quá chiều mà phụ họ. Kẻ tiểu nhân, ta nên tránh, song không nên ruồng rẫy như hăn thù.

Thân-Hàm-Quang

- Nước trong quá thì không có cá ; Người xét nét quá thì không có bạn

Cồ-ngữ

VẤN ĐỀ LẬP CĂN CỨ

PHẠM-NGỌC-THẢO

NGUỜI chỉ-huy một địa-phương lớn hay nhỏ thỉnh-thoảng cần xác-định vùng ảnh-hưởng của mình và của địch để nhận-định tình-hình và đặt kế-hoạch hoạt-động. Người ta hay tô khác màu những vùng khác ảnh-hưởng, nhưng giữa hai vùng này thường có một vùng trung gian bị sự chi-phối của cả đôi bên. Nếu bản đồ vừa được tô màu mà cần phải gọi lên cho một cấp chỉ huy cao hơn để tường trình, thì nguyện vọng của mình là có thể tô màu cho vùng ảnh-hưởng địch được càng nhỏ bé càng hay, và để cho vùng ảnh-hưởng của mình bao phủ càng nhiều đất - đai càng tốt. Như vậy người Chỉ-huy nào cũng hiểu sự quan-trọng quyết-định của vấn-đề thiết-lập căn-cứ.

* * *

Nhưng tô màu vùng ảnh-hưởng trên một bản đồ mà không có ghi chép số dân-cư, khả-năng kinh-tế, trình-độ xã-hội và văn-hóa, cùng tâm-trạng

chính-trị của nhân-dân sống trong vùng, thì không có ý-nghĩa chi cả.

Vùng căn-cứ phải là một kho tàng dự-trữ nhân-lực và vật-lực. Dự-trữ này có dồi-dào và chất lượng có cao đẹp thì mới có thể tiếp-tê và nuôi dưỡng cho một lực-lượng đủ sức chiến-đấu và lớn mạnh.

Kinh-nghiệm cho biết, phải tùy khả-năng chiến-đấu của mình và của địch mà chọn vùng lập căn-cứ. Nếu phải chống trả với một kẻ địch lớn mạnh hơn mình nhiều, có phương tiện vật chất dồi-dào và kỹ-thuật chiến-đấu cao, thì phải chọn vùng căn-cứ tại những nơi hẻo lánh, địa-thế hiểm trở và thường cũng là vùng nghèo-khó ít dân - cư. Nếu sức mình tương-đương với sức địch thì phải lựa vùng nào có giao-thông thuận-tiện, khả-năng kinh-tê và dân số nhiều. Nếu sức mình mạnh hơn địch thì cũng ít khi mạnh đến nỗi có thể kiểm-soát được tất cả khả-năng kinh-tê, do đó người Chỉ-huy sáng suốt là người biết

VẤN-ĐỀ LẬP CĂN-CỨ

lựa vùng. Cái khó của người Chỉ huy là ước-đoán sao cho xác đúng tương-quan lực-lượng của đôi bên mà định vùng căn-cứ của mình. Công-tác này rất khó vì tương-quan lực-lượng không phải chỉ kể những con số binh lính, con số vũ-khí, con số tiền bạc. Nó còn bao gồm nhiều yếu-tố khác khó đo lường chẳng hạn như: ý-chí chiến-đầu của lực-lượng mình gồm quân lính và dân-chúng thuộc vùng ảnh-hưởng của mình, sức chịu đựng đóng góp về nhân-vật-lực, v. v....

Một sự ước-đoán sai-lầm về tương-quan lực-lượng tức nhiên đưa đến một ấn-định phạm-vi vùng căn-cứ sai-lầm. Có khi định vùng căn-cứ nhỏ quá tức là đánh giá địch quá cao. Có khi trái lại đánh giá lực lượng địch quá thấp để rồi chỉ-thị cho lực-lượng mình bao phủ một vùng bao la quá sức bảo vệ của mình làm cho thế mạnh trở nên thế yếu.

Cách đây 10 năm chính cũng vì đánh giá lực-lượng mình không đủ sức chiếm toàn cõi Việt-Nam nên lực-lượng Pháp đã khôn-khéo không chiếm đóng những tỉnh như Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Bình-Định, Phú-Yên, Cà-Mau, v. v.... Sau này khi lực-lượng của Pháp mạnh hẳn, chúng mới đóng lan tràn ra, nhưng cũng vì ước-đoán sai-lầm tương-quan lực-lượng nên lại muốn chiếm đóng một vùng quá sức bảo-vệ của mình, và vì thế thiếu lực-lượng cơ-động. Thế mạnh đang lên lại trở thành thế yếu.

Tương-quan lực-lượng giữa đôi bên không phải bắt di bắt địch. Có

lúc lực-lượng mình bành trướng lên mau hơn địch thì phải mở rộng vùng căn-cứ, cũng như nên thu hẹp vùng căn-cứ lại khi thế mình yếu đi. Nếu không kịp thời nhận-định tình-hình mà muốn giữ nguyên tình trạng cũ mãi thì có khi mất thời-cơ bao vây tiêu-diệt căn-cứ địch, cũng như có khi bành-trướng phạm-vi kiểm-soát ra quá sức thì, sẽ mất vai chủ-động trong chiến-lược mà có khi luôn cả trong chiến-thuật và chiến-đầu. Một thí-dụ rất rõ rệt tại Miền-Nam Việt-Nam cách đây không lâu là bộ Chỉ-huy Cộng-sản nhận định sai tương-quan lực-lượng nên vào cuối 1960 đã vội dự định tập-trung lực-lượng và bắt đầu thành-lập Tiểu-đoàn tập-trung tại khá nhiều tỉnh ở miền tây-nam Sài-gòn. Trên thực-tế, vùng mà họ cho là vùng căn-cứ của họ không vững chắc về phòng-thủ cũng như về tinh thần dân-chúng. Kết-quả là họ bị ngay những thất-bại rất nặng-nề và lúc đầu năm 1962 phải hạ lại mức tập-trung xuống Đại-đội ở cấp Tỉnh và chỉ còn giữ Tiểu-đoàn ở ấp khu. Tuy đây nói về vấn-đề đơn-vị chiến-thuật, song đó cũng là vấn-đề căn-cứ, vì có căn-cứ rộng thì mới có thể tổ-chức đơn-vị lớn. Nhìn mức tập-trung đơn-vị chiến-thuật cũng là một cách ước-đoán phạm-vi của một vùng căn-cứ. Tuy trên danh-nghĩa đôi khi có thể có sự hiểu lầm. Thí-dụ như địch có tổ-chức đơn-vị Trung-đoàn trên danh-nghĩa, nhưng thật sự Trung-đoàn đó không hề hoạt-động tập-trung, mà chỉ có xuất hiện đơn-vị Đại-đội thôi thì cũng phải hiểu phạm-vi căn-cứ

của địch chỉ có đến mức chứa đựng được đơn-vị Đại-đội thôi. Hoặc nếu có tổ-chức Quân-đoàn mà thật sự Quân-đoàn cũng chưa hề hoạt-động tập-trung thì cũng tỏ rõ vùng căn-cứ chưa đủ rộng để cho đơn-vị quân-đoàn hoạt-động tự-do.

* *

Trong tình thế Quốc-tê hiện nay, lực-lượng đôi bên tương-đối cân-đối với nhau, do đó tại các nước nhỏ có chiến-tranh nội-bộ mà phải chịu ảnh-hưởng của hai khối lớn, ít khi có thể giải-quyết chiến-tranh một cách mau lẹ được, vì không có lực-lượng nào ăn trộm được lực-lượng kia. Thắng lợi cuối cùng sẽ về bên nào có đủ dự trữ nhân-lực, vật-lực, nhất là nhân-lực. Nói một cách khác, nếu bên nào biết xây-dựng căn-cứ cho vững chắc, động-viên được lực-lượng nhân-dân, tận-dụng được khả-năng kinh-tê thì sẽ thắng. Một điểm rất cần chú-ý: kiểm-soát được nhân-dân với phương-

pháp này hay phương-pháp khác mà không thấu nguyện-vọng sâu sắc của họ để thỏa-mãn thì trên thực-tê không nên coi là có khả-năng động-viên nhân-lực để chiến-đấu. Vì nắm được nhân-dân không phải là vắn-đề bắt dễ bỏ vô hộp. Nếu không nắm được lòng dân mà chỉ lo kiểm-soát họ thôi thì khi mở hộp ra dễ sẽ nhảy đi mất hết.

Muốn cho thắng-lợi cuối cùng về mình không phải là lúc nào cũng cần có căn-cứ rộng lớn và giàu có hơn địch. Cốt yếu phải làm sao, tại vùng căn-cứ của mình, chứng-minh rằng sinh-hoạt nhân-dân phồn thịnh, chế độ chánh-quyền công-minh. Nhờ đó mà có sức thu hút nhân-dân các vùng xung-quanh. Đó cũng là triệu chứng khả-năng phát-triển tương-lai của căn-cứ mình và lực-lượng mình, tức là triệu-chứng thắng-lợi cuối cùng sẽ về với mình.

PHẠM-NGỌC-THẢO

ĐÃ CÓ BÁN

THƯ NHÀ

tùy bút của **VÕ-PHIẾN**

Bản thường giá 38 \$ phát hành do **SỐNG-MỚI**

80 B. Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

Bản đặc biệt giá 90 \$ do Ông **ĐOÀN-THẾ-NHƠN**

160, Phan-Đình-Phùng — Saigon

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplach hai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

TRIẾT-LÝ BI-ĐÁT

CỦA CLEMENT ROSSET

II. — VÀI NHẬN XÉT CỦA CHÚNG TÔI

(xin xem từ B.K. số 141)

Chúng tôi không thể không phê bình về hình-thức cuốn « Triết-lý bi-đát » của Rosset, vì Rosset viết cuốn đó lồi thoi quá, lồi thoi về loại, và lồi thoi về bề cục. Về loại, những dòng chữ của trang đầu cuốn sách làm chúng ta tưởng Rosset sẽ viết lời tìm hiểu, tức chú tâm vào việc đào sâu một vấn đề. Những dòng đó là : « Nếu suy-tưởng là tự giải-thoát khỏi tất cả những thiên-kiên do các triết-gia tiền-bồi để lại, thì chúng ta phải nhận rằng chưa một triết-gia nào đã thực sự biết suy-tưởng. Công việc suy-tưởng vẫn chưa bắt đầu » (p. 1). Ai chả tưởng

rằng Rosset sẽ là triết-gia biết bắt đầu suy-tưởng theo kiểu đó ? Nhưng khi vào sâu, chúng ta thấy Rosset chỉ lập đi lập lại mấy tư-tưởng của Nietzsche về « phi-luân », « bi-đát » và « cái vượt qua Thiện và Ác ». Hơn nữa, quá nửa cuốn sách của Rosset thuộc loại phê-bình (ông phê-bình Socrate, Rousseau và Beethoven v. v), nhất là ông phê-bình quan-niệm và chủ-trương Luân-lý. Thành thử không có chi là suy-nghiệm và đào sâu hết.

Đàng khác, cuốn sách có vẻ lai : nửa theo kiểu bộ-luận (traité), nửa

theo kiểu suy-tưởng riêng (réflexion personnelle). Theo bộ-luận, vì cuốn sách đầy rẫy những định-nghĩa, những phân-tích thành yếu-tố này yếu-tố kia. Thật không kém chi một cuốn sách giáo-khoa và khác hẳn cách viết của Descartes, của Nietzsche hay của Sartre hoặc các triết-gia khác.

Về bố cục. Chúng tôi dám nói đến bố cục, vì cuốn sách của Rosset mang hình thức khá rõ ràng của một bộ-luận (xin xem lại đầu-đề các Phần và các Chương mà chúng tôi đã ghi lại nơi đầu phần I trong bài trước). Bố cục tỏ ra kém, ít là ở hai điểm sau đây: Trước hết sự chia phần của Rosset không hợp lý: nếu cái bi-đát có bốn đặc-tính, thì sao ông lại đặt ba đặc-tính trên ở Phần thứ I, rồi bỏ lại đặc-tính thứ tư nơi Phần II? Nhưng nhất là sự phân chia của Rosset không đúng cách chút nào. Theo đúng cách thì các thành-phần phải tât cạn nội-dung của cái ta muốn phân-tích, đồng thời các phần không được trùng nhau hoặc lẫn vào nhau. Thế mà sự chia của Rosset xem ra gồm nhiều phần trùng nhau và lẫn nhau. Chúng ta biết, theo ông, cái bi-đát có bốn đặc-tính: không thể hòa-giải (irréconciliable), không thể có trách-nhiệm (irresponsable), nhất-thiết (indispensable) và phi-luân (amoral). Chúng ta cũng đã thấy Rosset chứng minh rằng: ta không có trách-nhiệm, chỉ vì ta không được tự-do trong những hành-động căn-bản của đời ta (ta không được chọn sinh làm đàn ông, không được chọn sinh ra trong gia-đình giàu sang và trí-thức, v. v. . .). Thế rồi khi nói đến tính-chất phi-luân, chúng ta

lại cũng thấy ông nói tât cả các hành-vi căn-bản của ta đều phi-luân, bởi vì ta không có tự-do thực-sự đối với đời sống của ta; ta chỉ tự-do trong những việc lật vật mà thôi, không tự-do đối với những điều-kiện chi phối cuộc đời ta. Như thế, hai tính-chất phi-luân và vô trách-nhiệm có trùng nhau không?

Về nội dung, chúng ta dám quyết rằng Rosset không mang lại một chút chi mới hết. Cuốn sách của ông chỉ nhắc lại mấy tư-tưởng của Nietzsche. Khác một điều: là Nietzsche viết trong say sưa, điên cuồng, cho nên người đọc ông cũng cảm thấy hứng thú và tin tưởng; trái lại, đọc Rosset, người ta có cái cảm-giác nặng nề như khi đọc một lý-thuyết-gia. Quả thế, Rosset đã muốn dựng xây cái lý-thuyết về bi-đát. Ông tung ra từng mớ định-nghĩa sắc mùi lý-thuyết. Khổ một nỗi là những định-nghĩa của ông non quá. Chẳng hạn ông định-nghĩa «bi-đát là cái kinh-ngạc tự bản-chất, le surprenant par essence». Chúng tôi trộm nghĩ bản-chất của cái bi-đát không phải là kinh-ngạc, nhưng là kinh-khủng (terrible) và thế thảm (triste). Kinh-ngạc cũng gần giống như ngạc-nhiên (étonnant): đó là những cái ta sững sốt, không hiểu được. Nhưng đó không phải là bi-đát: có chán vạ cái ta không hiểu, và chắc sẽ không bao giờ hiểu được (thí dụ cơ-câu của những ngân-hà, hoặc những chuyện phi-hành không-gian v. v. . .) vậy mà ta có cho là bi-đát đâu? Thành thử chúng tôi nghĩ bản-chất của cái bi-đát không phải là kinh-ngạc (surprenant). Nó là cái gì? Có lẽ nó phải có

tính-chất oan-nghiệt, đau thương, thể thâm. Cho nên trong cái bi-đất thiết nghĩ cần phải có hai tính-chất: thể-thâm và kinh-khủng. Chỉ kinh-khủng thôi, chưa phải là bi-đất. Và chỉ thể-thâm thôi, cũng chưa phải là bi-đất: bi-đất là cái thể-thâm ghê-sợ, nghĩa là cái thể-thâm làm chúng ta ngán người không hiểu chi nữa. Nói cách khác, bi-đất là cái thể-thâm vượt quá mọi cách giải-nghĩa của ta.

Rosset đã lúng túng trong mấy câu định-nghĩa của ông. Mà khi người ta dừng lại ở những câu định-nghĩa, thì công việc đào bới thực tế sẽ bị tổn thương: thay vì chiêm-nghiệm cuộc đời thực tế như các triết-gia hiện-sinh đã làm, Rosset đã chọn con đường định-nghĩa và những suy-luận trừu-tượng của những triết-gia cổ điển. Vì thế các trang sách của ông tỏ ra nghèo nàn, sáo, và trừu-tượng.

Bây giờ chúng tôi xin đi sâu vào trung-tâm của vấn-đề: bi-đất có phải là ý-nghĩa cuộc đời con người chăng? Cái bi-đất có nhất-thiết phải là cái phi-luân chăng?

Để trả lời câu hỏi căn-bản này, chúng tôi xin phép ngược lên đến nguồn gốc triết-lý bi-đất của Nietzsche. Rosset đã coi Nietzsche như cha sinh ra triết-lý bi-đất. Về điểm này chúng tôi e rằng nếu Nietzsche sống lại, chưa chắc ông đã nhận triết-lý bi-đất là con đẻ của mình. Nietzsche là triết-gia đầu tiên nêu lên tính-chất bi-đất của cuộc đời: nhưng bảo cuộc đời là bi-đất là một chuyện còn chủ-trương rằng bi-đất là bản-chất của cuộc đời thì lại là chuyện khác. Nietzsche chỉ nói cuộc đời chúng

ta bi-đất thôi, ông không xây dựng một lý-thuyết về bi-đất như Rosset.

Nietzsche tỏ cáo Socrate về tội lập ra quan-niệm luân-lý là cái phản bi-đất. Nietzsche còn nói thêm: luân-lý giết chết cái bi-đất, vì luân-lý cố tình tìm ra những giải-đáp cho cuộc đời, trong khi thực sự ta không thể có những giải-nghĩa về cuộc đời ta. Định mệnh (fatum) là một trong những nền tảng của tư-tưởng triết-học Nietzsche (không nên lẫn chữ định mệnh của Nietzsche với chữ định mệnh ươn hèn của thuyết định mệnh thông thường). Như vậy không những Nietzsche chống lại tất cả mọi nền luân-lý mà còn chống lại tất cả mọi quan-niệm luân lý. Trong Bách-Khoa các số 119 và 120 chúng tôi đã có dịp trình bày để bạn đọc thấy Nietzsche nhấn mạnh về tính-chất phi-luân của cuộc đời; ông cũng là người là người đã đưa ra chủ-trương «vượt quá Thiện và Ác», nghĩa là hành vi con người phải vượt qua những khuôn-khố tâm thường mà Luân-lý cổ truyền đã đặt ra. Nietzsche gọi luân-lý của các tôn-giáo là «luân-lý nô-lệ», luân-lý của những con người hèn kém và nhu-nhược.

Chúng ta phải nghĩ gì về thái-độ của Nietzsche đối với các nền luân-lý? Trước hết phải nhận rằng Nietzsche không hoàn toàn vô lý khi lên án các nền luân-lý, ít là luân-lý mà chúng ta thấy thực-hành trong dân gian. Có lẽ các tôn-giáo không chủ-trương như thế, nhưng trong thực-tế chúng ta thấy nhiều khi nền luân lý của nhiều tôn-giáo là mô chôn những giá-trị nhân-bản: nhiều tín đồ bị mặc-cảm

tội-lỗi đến nỗi gặp bất cứ tai nạn hay sự bất hạnh nào, họ đều cho là thần thánh trừng phạt họ; họ sống trong lo sợ, khiếp nhược, và lời nguyện cầu của họ lúc nào cũng ướt đầm nước mắt. Lời cầu khẩn mà chúng ta thường nghe thấy là gì, nếu không phải là những lời than van năn nỉ? Thực nghe mà não lòng! Khi tôn giáo và luân-lý đi vào nẻo đó, nghĩa là khi tôn giáo và luân-lý tự đặt mình làm chiếc khăn lau nước mắt cho những tâm-hồn ủy-mị, thì tôn giáo và luân-lý có đáng chịu những lời kết án của Nietzsche không? Nietzsche gọi những tôn giáo và luân-lý đó là «Thống-khổ chủ-nghĩa» (Dolorisme), coi cuộc đời là bể khổ và nghĩ rằng thân-phận con người thì đơn bạc. Nhìn vào một số tín-đồ của mấy tôn-giáo, người ta e rằng Nietzsche đã nhận xét khá đúng.

Nhưng Nietzsche chỉ đúng đối với những tín-đồ kia thôi, và phần nào đúng đối với mấy tôn-giáo, nếu quả thực các tôn giáo đó đã sa sút thành những đạo khốc lóc cả ngày. Nói cách khác, Nietzsche có quyền và có lý để vạch trần những hậu-quả xấu của những *Luân-lý chủ-nghĩa* (Moralisme), nghĩa là những thuyết chủ-trương rằng tất cả mọi đau-khổ đều do tội của riêng ta gây nên. Coi cuộc đời là bể khổ, coi thân phận con người là đơn bạc, coi những cay đắng của đời mình là hậu-quả của tội riêng mình: đó là bộ mặt của thuyết Định mệnh thông thường, một thuyết mà Nietzsche đã tố cáo lập trường nhu-nhược và những ảnh-hưởng khốc-hại cho cuộc đời con người. Còn Nietzs-

che thì khác: ông vừa nhận rằng không thể lấy nguyên một mình luân-lý để giải-nghĩa cuộc đời, nghĩa là ông cho rằng có nhiều tai vạ không do tội riêng ta gây nên; đằng khác, nếu nhận có định-mệnh (theo nghĩa của Nietzsche, định-mệnh chỉ là cái không do ta gây nên, và là cái ta không thể thắng nổi), thì *không thúc thủ trước định mệnh*, không khóc lóc than van vì đau-khổ: thái-độ của Nietzsche trong đau-khổ là *cười và nhảy múa*, nghĩa là lấy «giọng cười của núi Olympe để đánh tan mùi sát-khí của cái bi-đất». Nietzsche coi định mệnh là kẻ thù, một kẻ thù ông không thắng nổi nhưng ông không chịu thua; còn kẻ theo thuyết định mệnh nhu-nhược thì hàng phục trước Định mệnh, than thở với Định-mệnh, và cam chịu một cách ươn hèn.

Nói thế có nghĩa là Nietzsche hoàn toàn đúng không? nhất là thái-độ chống luân-lý của ông có đúng không? Chúng ta biết Nietzsche là con người chống đời, giọng nói của ông luôn luôn quá đáng, cũng như bất cứ nhà cách-mạng tinh thần nào khác. Tự chỗ chống luân-lý chủ-nghĩa, Nietzsche đã đi tới chỗ chống luân-lý: trong ý đó, Nietzsche không nhận quan-niệm về thiện và ác, không nhận con người có trách-nhiệm về những hành-vi căn bản của đời mình. Bình tĩnh mà nói, chúng ta chỉ thấy Nietzsche quyết xuống như thể thôi, không đưa ra những luận-chứng để thuyết phục chúng ta (và Rosset cũng chỉ theo Nietzsche để quyết xuống như thể thôi). Hãy thử xem tất cả ba bốn

yếu-tổ mà Rosset đã coi là bản-chất của cái bi-đát, chúng ta có thấy một cái chi tích-cực chẳng? Nhất định không. Toàn là những quan-niệm trống rỗng, vô nội-dung: « không thể hòa giải, không có trách-nhiệm, nhất thiết và phi-luân ». Không cái này, không cái kia: như thể mới chỉ là chời thôi, chưa đưa ra một cái chi tích cực để xây dựng hết.

Những quá-trón của Luân-lý chủ-nghĩa đã làm Nietzsche phần nộ đến điên-cuồng. Nhưng Nietzsche đã tự mâu thuẫn khi ông chủ-trương « lật lại các Giá-trị », như vậy Nietzsche vẫn nhận phải có những Giá-trị, và ông chỉ muốn lật lại thứ tự thôi. Phải nói thêm rằng Nietzsche chống lại toàn-thể nhân-loại trong công việc này: dân-tộc nào cũng có nền luân-lý, và luân-lý thì xây trên thiện và ác, tội và phúc. Hơn nữa, luân-lý xây trên lý-trí, còn « triết-lý bi-đát và triết-lý giá-trị » của Nietzsche thì xây trên... phi-luân và phi-lý. Xin nói ngay: chúng ta không có quyền buộc Nietzsche phải nghĩ như chúng ta. Nietzsche có quyền chống lại luân-lý. Nhưng chúng ta chỉ đưa ra nhận-định này: Nietzsche không nêu lên được một lý-do nào tích-cực để chứng minh rằng nhân-loại theo luân-lý thì vô-lý và hèn kém. Và nói cho cùng: cái triết-lý giá-trị của Nietzsche cũng chỉ là một *trá hình của luân-lý*. Điều này dễ hiểu: làm người không thể bỏ tâm-linh của mình đi được; dầu muốn dầu không, con người vẫn nhìn ra những ý nghĩa và những giá-trị hoặc thiện hoặc ác của hành-vi mình. Chỉ khi con người mất

trí hần, điên cuồng hần, thì khi đó con người mới thoát được cái danh-dự làm « con vật có lý-trí », nghĩa là thoát làm người. Nhưng chưa chắc thoát được: chúng ta thấy những người điên vẫn biết điều nên điều chẳng: khác một điều là nhiều khi cái nên thì họ lại nghĩ rằng không nên, và cái chúng ta nghĩ không nên thì họ lại cho rằng nên.

Tóm lại, làm người không thể không có luân-lý, không luân-lý của nhân-loại thì « luân-lý đảo-ngược » của Nietzsche. Như thể cuộc đời con người không thể là cái phi-luân. Đã không phi-luân, thì không thể nói là « vô trách-nhiệm hoàn-toàn ».

Chúng tôi không dám trách Nietzsche, vì dầu sao ông chỉ là một nhà cách-mạng tinh-thần, quá phần uất và điên cuồng về thực-trạng xã-hội. Đáng khác, ông không muốn nâng những tư-tưởng của ông lên hàng học-thuyết. Nhưng chúng tôi tự hỏi tại sao một triết-gia như Sartre cũng đi vào con đường phi-luân và phi-lý. Chúng ta biết, đối với Sartre, tất cả mọi hành vi con người đều phi-luân và không có lý-do (*gratuit*); trong khi đó Sartre chủ-trương rằng mọi sự vật và mọi hành-động trong vũ-trụ đều có ý-nghĩa cho ta, và ý-nghĩa đó là do ta, do phản ứng tinh-thần của ta. Thế ra mọi sự đều có ý-nghĩa, và chỉ có con người và cuộc đời con người là không có ý-nghĩa? Chúng tôi càng ngạc nhiên khi thấy ROSSET, một tác-giả trẻ tuổi thời nay đã viết những câu khó tin như sau: « *L'homme tra-*

gique se découvre soudain sans amour, sans valeur et sans vie » (p.22). Xin dịch là : « Con người bi-đất bỗng nhiên tự nhận biết mình không có tình yêu, không có giá-trị và không có cuộc đời » Nghĩa là con người bi-đất của Rosset cho tình yêu là một ảo-mộng, vì ở đời không thể có lấy một tình yêu nào đích-thực ; con người đó nhận thấy không có giá-trị nào đích-thực, cho nên kẻ như là không có một giá trị hiện ác nào hết ; sau rồi người đó nhận thấy không có cuộc đời, vì cuộc đời không ý-nghĩa thì còn là cuộc đời nữa chăng ? Rosset xem ra hãnh diện coi đó là triết-lý của người thời chúng ta : chúng ta phải khám phá ra cái bi-đất như ông ; cũng như ông, chúng ta phải tin chắc

rằng không thể có tình yêu, không thể có giá-trị hay là thiện ác chi ráo, và hơn nữa ta phải tin như ông rằng chúng ta không có cuộc đời !

Tất nhiên chúng ta còn nhiều lý-trí quá nên không thể tin được như Rosset rằng cái bi-đất là bản-chất của con người. Chúng ta đành chỉ để Rosset được toàn quyền dành riêng cho ông câu định nghĩa sau đây về con người : « Con người không phải một con vật suy-nghĩ, cũng không phải con vật biết đau-khổ, nhưng con người chỉ là con vật bi-đất — *Ni animal pensant, ni animal souffrant, mais animal tragique, voilà ce que je suis et ce que je veux être toujours.* » (p. 91)

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

● *Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique.*

● *Installations de gazothérapie.*

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

Phải thống nhất nhan đề và thoại của các áng văn thơ cổ

NGUYỄN-HIẾN-LE

AI cũng nhận thấy có nhiều bài văn thơ cổ mỗi sách chép một khác, khác về tên tác giả, nhan đề, và nhất là về thoại.

Danh-từ *thoại* xuất hiện từ hai chục năm nay, mới được dùng độ mười năm nay để thay danh-từ *bản*: chẳng hạn trước kia ta nói truyện Kiều của Nguyễn-Du có nhiều bản, bản Phụng của Phạm-Quý-Thích khác, in ra trước hết, bản Kinh của Vua Dục-Tôn² triều Nguyễn..., thì ngày nay các học giả thường nói là có nhiều *thoại*, *thoại* Phụng, *thoại* Kinh...

Tiếng *thoại* ở đây cũng tựa như tiếng *version* của Pháp, và có nghĩa là lời chép một văn phẩm. Tiếng *bản* không được rõ nghĩa vì nó thường trở một *exemplaire* (ví dụ bài này đánh máy ba bản), hoặc một *édition* (ví dụ: bản in lần đầu, lần thứ nhì), Theo hai ông Bình - Nguyên - Lộc và Nguyễn-Hữu-Ngư, (trong một bài mà chúng

tôi không còn nhớ rõ ở báo nào) thì ông Hoàng-Xuân-Hãn là người đầu tiên đã dùng danh-từ *thoại*, mà ông đã mượn của người Nhật.

Đã có nhiều nhà bàn về sự cần thiết phải thống nhất các *thoại* của văn thơ cổ, nhưng theo chỗ chúng tôi biết thì ít người chú trọng đến vấn đề thống nhất nhan đề.

Việc thống nhất *thoại* và nhan đề — ít nhất là trong sách giáo khoa — sẽ làm cho các học giả, giáo sư và học sinh đỡ mất thì giờ và tránh được nhiều điều bất tiện.

Chắc độc giả còn nhớ gần đây, chỉ có một bài thơ được vào núi Dục-Thúy ở Ninh-Bình, ông Lãng-Nhân chép lại trong cuốn *Chơi chữ*, mà đã gây ra những lời bàn đi bàn lại trong năm sáu số Tự-Do. Bài thơ đó làm cách đây mới bốn chục năm, chỉ có 28 chữ mà tới nay đã có ba bản *thoại* rồi.

Nhưng áng văn thơ dài viết cả trăm năm còn gây hoang mang biết bao nhiêu nữa. Giáo sư biết dùng thoại nào để giảng (có những thoại ý nghĩa khác nhau xa), học sinh học một thoại nấy, đi thi phải làm bài về thoại khác, tất phải lúng túng, có khi bị rớt oan.

Lại thêm, nhan đề các văn thơ cũng mỗi sách một khác, nên khi tra cứu, chúng ta phải tốn công một cách vô ích. Chúng tôi xin lấy một thí dụ: viết bài trước (*Nhan đề Việt-Nam ca trù biên khảo*) chúng tôi muốn tra xem bài *Gánh gạo đưa chồng* của Nguyễn-Công-Trứ, thoại của hai ông Đỗ có giống thoại của ông Dương-Quảng-Hàm không.

Chúng tôi đã mất nửa giờ lật qua tất cả các chương viết về Nguyễn-Công-Trứ trong những sách của họ Dương, chỉ vì nhan đề theo Dương-Quảng-Hàm không phải là *Gánh gạo đưa chồng* mà là *Đưa chồng đi thú*.

Tóm lại, tình trạng thiếu thông nhất đó thực là lộn xộn và ta càng chần chừ nó sớm ngày nào càng hay ngày đó. Văn đề đã được đặt ra nhiều lần rồi, nhưng hễ chưa giải quyết xong thì vẫn phải nhắc lại hoài.

Tuy là xét chung về thơ văn, nhưng trong những trang dưới đây, chúng tôi chỉ đưa những thí dụ về ít bài hát nói và bài *Tì-bà-hành* vì chúng tôi mới đọc xong V. N. C. T. B. K. và sẵn có những tài liệu đó trong tay, khỏi phải tra cứu lại. Nhưng nhận xét

của chúng tôi có thể áp dụng cho các thể văn thơ khác được.

Trước hết chúng tôi xin bàn về sự thông nhất *nhan đề*.

Chúng tôi đoán rằng cổ nhân làm thơ, nhất là những bài hát nói, *phần nhiều* là do ngẫu hứng, hoặc dưới ánh trăng, hoặc trong tiệc rượu, cảm xúc tới đâu thì nẩy ra văn tới đó, không bỏ cục trước, nhất là không định trước một nhan đề. Khi làm xong mà thấy đắc ý mới ngâm lên cho bạn nghe hoặc chép lại cho người khác đọc, lúc đó mới đặt nhan đề, đặt cho có, chứ không chú trọng đến nó lắm, vì có để in thành sách hay báo gì đâu. Bởi do truyền khẩu hoặc sao đi sao lại, nhan đề đôi khác đi và một bài có thể có nhiều nhan đề.

Chúng tôi chắc còn có một số bài thiếu nhan đề, hoặc chỉ có một nhan đề mơ hồ, như « *Cảm tác* », « *Ngẫu hứng* »..., tới khi đem in người sau mới đặt cho một nhan đề. Vì vậy mà ta thấy nhiều bài hát nói, hỏi nhan đề thì không ai biết, nhưng đọc lên câu đầu hoặc câu cuối thì những người hay nghe hát nhận ngay được ra là bài nào. Chẳng hạn có ai bảo. Bài « *Kẻ về người ở* » thì người ta biết ngay là một bài của Nguyễn-Công-Trứ mà câu đầu gồm bốn chữ đó. Bài *Gặp đào Hồng đào Tuyết* của Dương-Khuê thường được gọi là bài *Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết*, vì câu đầu bài đó là « *Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết* ». Bài *Trần ai ai để biết ai* và *Chơi Xuân kéo hết xuân đi*

đầu của Nguyễn-Công-Trứ và lấy câu kết làm nhan đề.

Nếu câu đầu hay câu kết mà tóm tắt đủ ý trong bài, trường hợp bài *Kẻ về người ở* và bài *Chơi Xuân kéo hết xuân đi*, thì dùng những câu đó làm nhan đề là tiện hơn cả, không lộn với bài khác được. Vì trừ những bài vịnh sử, vịnh kiều, hoài cổ..., mà nhan đề luôn luôn đích xác, khó lắm được, còn thì vô số bài về cái thú nhàn, về sự chám công danh đại ý giống nhau, nhan đề rất dễ trùng nhau, dễ lẫn bài nọ với bài kia.

Chúng tôi xin cử vài thí dụ :

Bài của Nguyễn-Công-Trứ, câu đầu là « Vòm trời đất dọc ngang ngang dọc », tác giả Việt-Nam ca trù biên khảo dùng nhan đề *Chí nam nhi*, mà bài cũng của Nguyễn-Công-Trứ, câu đầu là « Thông minh nhất nam tử » giáo sư Dương-Quảng-Hàm trong *Việt-Nam thi văn hợp tuyển* cũng dùng nhan đề *Chí nam nhi* ; còn V. N. C. T. B. K. dùng nhan đề *Làm cho tỏ mặt nam nhi*. Như vậy rõ dễ lẫn bài nọ với bài kia, vì hai bài cùng của một thi nhân.

Bài của Nguyễn-Công-Trứ câu đầu là « Tang bồng hồ thi nam nhi trái », Dương-Quảng-Hàm dùng nhan đề « *Công danh* » mà V.N.C.T.B.K. dùng nhan đề : *Trên vì nước dưới vì nhà*. Có hai tên khác nhau để gọi một bài, thật bất tiện.

Ngược lại có trường hợp hai bài cùng một tác giả, mà cùng mang một nhan đề. Trong bộ V. N. C. T. B. K., trang 251 có bài *Chơi xuân kéo hết*

xuân đi của Nguyễn-Công-Trứ câu đầu là « Ngâm cho kỹ bắt nhàn là tạo vật », câu cuối là « Nghề chơi cũng lắm công phu » ; rồi trang 274 cũng có bài *Chơi xuân kéo hết xuân đi*, nhưng câu đầu là « Nhật trảm tây linh thủy đông lưu », câu cuối là « Chơi xuân kéo hết xuân đi ».

Lại thêm có những bài mà nhan đề không hợp với nội dung lắm. Ví dụ bài câu đầu là « Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy » của Cao-Bá-Quát, giáo sư Dương-Quảng-Hàm dùng nhan đề *Uống rượu tiêu sầu*, tác giả V.N.C.T. B.K. cũng dùng nhan đề tương tự : *Chén rượu tiêu sầu*.

Bài đó theo V. N. C. T. B. K. (trang 353) thì như vậy :

*Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy,
Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười.
Thôi công đâu chuốc lấy sự đời,
Tiêu khiển một vài chung lều lão.
Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu,
Trăm tư bách kẻ bắt như nhàn.
Bóng thiếu quang thấp thoáng dưới (1)
Nam-san
Ngoảnh mặt lại cứu hoàn coi cũng nhỏ
Khoảng trời đất cổ kim, kim cổ,
Mảnh hình hài không có, có không.
Lọ là thiên tử vạn chung.*

Ý « uống rượu tiêu sầu » chỉ hiện trong hai câu 4 và 5 còn chín câu

(1) Dương-Quảng-Hàm trong *Việt-Nam Thi văn hợp tuyển* chép là *Dưới* thiếu quang... bóng Nam-san ; rồi lại có ghi rằng có bản chép : *Bóng* thiếu quang.., *dưới* Nam-san.

PHẢI THÔNG NHẤT NHAN ĐỀ VÀ THOẠI...

kia thì than về cái cảnh phù du, cái vô nghĩa của cuộc đời rồi khuyên ta nên nhàn, đừng lo tính làm chi vô ích. Khó mà tìm được một nhan đề cho thật đúng, vì vài ba chữ thường không gọi được đủ ý một bài nhất là khi cổ nhân ngẫu hứng làm thơ, không định một đề tài trước như trên tôi đã nói. Nhưng giá mượn những tiếng « Công đâu chuốc lấy sự đời » trong câu 3 mà đưa lên làm nhan đề thì có phần đúng hơn được một chút.

Bài của Nguyễn-Công-Trứ câu đầu là *Thi từu cảm kỳ khách* (V.N.C.T. B.K. trang 258) mà đặt nhan đề là *Còn nhiều hướng thụ* thì sai nhiều hơn nữa. Bài đó tác giả tự nhủ cứ hành lạc cho phí chí, cứ cảm kỳ thi từu, đừng lo buồn gì cả vì đã có sò mạng và thề nào cũng gặp lúc « tao phùng » mà nợ tang bồng sẽ trả được hết. Vậy thì *Còn nhiều hướng thụ* có lẽ nên đổi là *Cứ hướng thụ*, hoặc nếu không ngại dài quá thì mượn ngay câu : « *Cuộc hành lạc vầy vùng cho phí chí* » làm nhan đề có lẽ hợp hơn.

Tóm lại, nhan đề nhiều áng văn thơ cổ nên đặt lại cho được thông nhất và hợp ý nghĩa của bài. Công việc đó nên giao cho một cơ quan văn hóa ; và nên thực hiện theo một sò quy tắc nào đó, chẳng hạn :

— hễ nhan đề đã thông dụng rồi thì cứ tiếp tục dùng, dù không thật sát với nội dung cũng không sao ;

— nếu chưa thông dụng, còn bất nhất thì lựa một nhan đề nào đúng nhất, hoặc đặt một nhan đề khác ;

— riêng về thể Hát nói, một sò bài về thú nhàn, về hưởng lạc, có thể dùng ngay câu đầu hoặc câu cuối làm nhan đề, như vậy có lợi là người nào thuộc bài hát nói, nghe nhan đề cũng nhận ngay ra được là bài nào.

Khi thông nhất rồi thì dùng ngay trong các sách giáo khoa, và chẳng bao lâu mọi người sẽ quen.

* * *

Vấn đề *thoại* còn rắc rối hơn nữa. Mỗi người soạn sách đưa ra một *thoại* mà chẳng ghi xuất xứ ở đâu. Có bao nhiêu bản in *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*... thì có bấy nhiêu *thoại*. Thơ luật và hát nói cũng vậy. Kề ra, hễ trích dẫn một bài thơ ngắn mà cũng phải ghi xuất xứ, rồi ghi cả những *thoại* khác nữa thì phiền phức lắm, trừ khi soạn sách Giáo khoa, ít ai chịu tốn công như vậy, vì không nhằm việc. Nhưng không chịu tốn công thì do sự lăm lăm trong việc sao chép mà rồi sò *thoại* sẽ mỗi ngày một tăng lên, sau này sẽ khổ tâm cho người nghiên cứu.

Hiện nay đã có tình trạng này : nhiều bài rất được truyền tụng, đem dạy ở các trường học mà chẳng sách nào chép giống sách nào, có khi hai *thoại* khác nhau rất nhiều.

Thí dụ bài *Hỏi Phỏng đá* của Nguyễn-Khuyên.

Quốc văn trích diễm của Giáo sư Dương-Quảng-Hàm chép :

.
 Dang tay ngửa mặt trông trời
 Hay là còn nghĩ sự đời chi đây ?
 Trông phổng đá lạ lòng muốn hỏi
 Có làm sao len lỏi đến chi đây ?
 Hay tưởng trông cây cỏ nước non
 Chi cũng rắp chen chân vào hội
 Lạc ?

.
 Việt-Nam Ca trù biên khảo chép :

.
 Vắt tay ngoảnh mặt trông trời,
 Cũng toan lo tính sự đời chi đây ?
 Thầy lão đá lạ lòng muốn hỏi
 Có sao mà len lỏi đến chi đây ?
 Hay mường vui hoa cỏ nước non này,
 Chừng cũng muốn dang tay vào
 hội Lạc ?

.
 (Những câu khác, hai thoại đều như nhau)

Trung bình mười chữ khác nhau
 đến bốn rồi ; nhưng không hại gì lắm
 về ý : đại loại ý vẫn giống nhau.

Đền như bài *Giả điểu* cũng của
 Nguyễn-Khuyên thì sự khác nhau
 của các thoại có thể làm tổn nhiều
 giấy mực. Chúng tôi chỉ xin trích hai
 câu thơ trong bài đó :

V.N.C.T.B.K. chép :

a) *Tọa trung đàm tiểu nhân như
 mộc,
 Dạ bán phan viên thủ tự hầu.*

nghĩa là : « Ngồi trong đám nói cười
 thì mặt ngây như gỗ, nửa đêm lẫn
 mò tay như con khỉ ».

Giáo sư Dương-Quảng-Hàm trong
Văn học Việt-Nam chép :

(b) *Tọa trung đàm tiểu nhân như
 mộc,*

Dạ bán phan viên nhĩ tự hầu.

nghĩa là « Ngồi trong đám nói cười thì
 người như gỗ, nửa đêm lẫn mò thì
 người giống khỉ ».

Xét về ý nghĩa thì *nhân* và *thủ* có
 phần kém *nhân* và *nhĩ*.

Nhưng *Việt-Nam ca trù biên khảo*
 còn bảo hai câu đó, có bản chép là :

(c) *Tọa trung đàm tiểu nhân như mộc,
 Dạ bán phan viên nhĩ tự hầu.*

nghĩa là « Ngồi trong đám nói cười thì
 người như gỗ, nửa đêm lẫn mò thì
 tai như con khỉ ».

Thoại (c) này chỉ khác thoại (b) ở
 chữ *nhĩ* ; thoại (b) *nhĩ* là *người*, thoại
 (c) *nhĩ* là *tai*. *Tai* có phần hơn *người*.
 Thoại (c) này giống với một thoại
 mà chúng tôi được học từ hồi ở lớp
 nhất, giống ở chữ *nhĩ* là *tai* đó,
 nhưng lại khác ở hai chữ *chung thanh* :

(d) *Tọa trung đàm tiểu nhân như mộc.
 Dạ bán chung thanh nhĩ tự hầu.*

nghĩa là : « Ngồi trong đám nói cười
 thì người như gỗ ; nửa đêm nghe tiếng
 chuông thì tai sáng như tai khỉ ».

Ông giáo chúng tôi còn giảng rằng
 bài đó Yên-Đồ tự vịnh để tỏ cái ý
 chán đời, không buồn nghe chuyện
 đời nữa, chỉ đêm khuya thanh vắng,
 nghe tiếng chuông chùa mới thấy tỉnh
 táo, khoan khoái. Giảng như vậy cũng
 hợp với tâm sự thi nhân, nhưng có
 phần không hợp lắm với câu :

PHẢI THÔNG NHẤT NHAN ĐỀ VÀ THOẠI...

Chẳng ai ngờ sáng tai họ điếc tai cây ở trên.

Tác giả V. N. C. T. B. K. giảng khác :

« Bài này tác giả chê ông bạn thân giả cách điếc, bạn thấy những điều lợi cho mình thì nhanh nhẹn hưởng ứng ngay. Còn những điều bạn đến mình thì ập ã như không nghe thấy ».

Cũng là có lý mà lại hợp với những tiếng « Sáng tai họ điếc tay cây ».

Lại còn thoại thứ năm nữa :

(e) *Tọa trung đàm tiêu nhân như mộc,*

Dạ bán phan viên kỹ tự hầu.

Câu dưới nghĩa là : Nửa đêm lẫn mò thì tài như con khỉ :

Chữ kỹ ở đây hơn các chữ thú, nhĩ ở các thoại (a), (b), (c).

Năm thoại đó — biết đâu chẳng còn thoại thứ 6, thứ 7 nữa ? — thoại nào đúng ? Các học giả còn phải nghiên cứu nhiều về đời Yên-Đô rồi mới quyết đoán được. Nhưng còn tài liệu để nghiên cứu hay không đây ?

Công việc cũng lại phải làm gấp và cũng phải giao cho một cơ quan văn hóa. Và nên theo những nguyên tắc nào bây giờ ?

Tất nhiên phải trọng sự thật lịch sử trước hết. Nghĩa là nếu tra cứu mà biết chắc được thoại nào cũ nhất, gần nguyên tác của cổ nhân nhất (những sự kiện về lịch sử, về thân

thể, tính tình, bút pháp của tác giả, cả môn ngôn ngữ học, xã hội học... đều phải đem ra dùng) thì chẳng xét hơn hay kém về nghệ thuật, nhất định phải lựa thoại đó.

Trái lại, nếu không có gì cho ta quyết định được thì ta đành phải lựa thoại nào khá hơn cả về giá trị nghệ thuật. Chẳng hạn bài *Làm cho tổ mặt nam nhi* của Nguyễn-Công-Trứ, câu 4, giáo sư Dương-Quảng-Hàm chép :

Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu.

còn tác giả V. N. C. T. B. K. chép :

Chẳng lẽ tiêu lưng ba vạn sáu.

Tiêu lưng là tiêu cho vơi tới nửa đi ; còn tiêu lưng (nay ta ít nói) là tiêu gian đi, tức hưởng thụ của đời mà không trả lại cho đời được chút gì.

Nếu không tra cứu ra được thì ta có thể lựa tiếng tiêu lưng. Vì ý này hay hơn, hợp với toàn bài hơn.

Tuy nhiên ta cũng phải rất thận trọng. Gặp một thoại hay, ta còn nên xét xem nó có hợp với giọng của tác giả không, có hợp với lời nói đương thời không rồi mới được phép chọn.

Thí dụ bản dịch *Tì bà hành* của Phan-Huy-Vĩnh có nhiều thoại mà hai thoại nhiều người cho là đáng tin nhất là thoại của Bùi-Kỷ trong *Quốc văn cụ thể* và thoại của Dương-Quảng-Hàm trong *Việt-Nam thi văn hợp tuyển*. Câu thơ 62, cả hai thoại đó và thoại trong *Việt-Nam ca từ biên khảo* đều chép :

Chợt mơ màng dòng lệ đỏ hoen.

(nguyên văn chữ hán của Bạch-Cư-D là *Mộng đề trung lệ hồng lan can*).

Có thoại lại chép :

Lệ trong mơ hoen về phần son.

Lệ trong mơ thì hay thật. Song chúng ta cũng nên xét xem thời Phan-Huy-Vĩnh cổ nhân đã có ai viết như vậy không. Chúng tôi ngờ rằng *lệ trong mơ* là một lời viết hơi mới.

Lại còn điều nầy cũng khó quyết định nữa. Khi là một bản dịch thì ta phải lựa thoại nào sát nguyên văn hay là có thể lựa thoại nào hay nhất?

Chẳng hạn câu 79 cũng trong bài *Tì bà hành* nguyên văn là :

Kim dạ văn quần tì bà ngữ.

thoại của Bùi-Kỷ, Dương-Quảng-Hàm và tác giả V. N. C. T. B. K. đều chép:

Tì bà nghe dạo canh khuya,

chúng tôi cho là đúng nghĩa hơn thoại nầy :

Tiếng tì bỗng lắng canh khuya.

mặc dầu chúng tôi cùng thấy *bỗng lắng* hay hơn là *nghe dạo*.

Chúng tôi chỉ nhận xét là đúng nguyên văn hơn thôi, chứ không quyết rằng nên lựa. Vì quan niệm dịch cho sát không phải là quan niệm được đa số danh nhân thi sĩ chấp nhận.

Sau cùng, chúng tôi nghĩ rằng gặp những bài hát như bài *Tì bà hành*, khi lựa thoại, chúng ta phải rất chú ý tới nhạc, dù lời đẹp mà hát lên nghe không hay thì chưa chắc đã hợp với mục đích của tác giả.

Khi đã lựa một thoại nào rồi, cơ quan Văn hóa lãnh nhiệm vụ cũng nên trình bày lý do đã lựa chọn, rồi ghi thêm tất cả những thoại khác nữa để chặn đứng sự phát sinh thoại mới.

Công việc về văn hóa thật mệnh mông, mười năm trước đem ra bàn, có người cho là còn sớm. Không biết lúc nay đã hết sớm chưa đây ?

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

- Chẳng trách người mà trách người là phương pháp cần nhất để tu tỉnh thân ta. Hay tha thứ cho người là phương pháp cần nhất để gây nuôi độ lượng.

Lã-Khôn

- Thiên hạ có người sợ bóng mình, ghét vết mình, cầm cò mà chạy, vết lại càng nhiều, vết lại càng nhanh. Chẳng bằng đến chỗ rợp mà nghỉ, thì tự nhiên bóng mất hẳn và vết tuyệt ngay.

Mai-Thặng

- Tôi mà thí vua, con mà giết cha... đâu phải có một buổi sớm một buổi tối mà gây ra. Nguyên lai lần lần mà đến vậy.

Phial Dịch

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

NGƯỜI CHÀM CHÂU ĐỐC

(xem từ B. K. số 135)

SINH HOẠT XÃ-HỘI

d) Cuộc sống gia đình

A. — Liên-hệ vợ chồng.

Đàn ông là chủ gia đình, có uy quyền tuyệt đối, nhưng đồng thời có nghĩa vụ phải đùm bọc gia đình nuôi dưỡng các con.

Uy quyền kể trên đã khiến người chồng có thể cưới nhiều vợ dù có thỏa hiệp của người vợ chánh hay không cũng vậy, miễn là người chồng có đầy đủ phương tiện vật chất để nuôi sống tất cả.

Trên thực tế, chúng tôi nhận thấy rất ít người lấy thêm vợ hai vợ ba.

Một trường - hợp khá thông thường được ghi nhận là trường hợp một người khá giả đã có một người vợ Chăm tại quê nhà, nhưng thường đi làm ăn xa, nên lại cưới thêm một người vợ Việt ở nơi đây, sau đó đem về làng.

Muốn được chấp nhận trong thôn ấp, người vợ Việt này phải nhập Hồi Giáo. Thủ tục cũng giản-dị, vì đương sự chỉ cần được chỉ vẽ đại-cương về bốn phận của một tín đồ Hồi-Giáo và nhất là tự đọc được hai câu « Kalimah » công nhận Olloh là Thượng - đê duy nhất, và nabi muhammad là Thiên sứ. Cuộc lễ này thường diễn ra trước sự

NGƯỜI CHÀM TẠI VIỆT NAM NGÀY NAY

chứng kiến của họ hàng. Hiện một số người thuộc hạng này đã hoàn toàn sống như các người Chăm.

Ngược lại, tình trạng « khuê môn bắt xuất » của các cô gái Chăm đã gây trở ngại cho những cuộc tác hợp giữa các cô với các người trai Việt. Tập tục cấm hẳn những sự yêu thương vụng trộm, không có phép cưới hỏi. Nếu có vụ nào người con trai bị khám phá là thủ phạm thì sẽ khai trừ khỏi thôn ấp và bị bắt buộc phải cỡi con bò cái, mắt nhìn về phía sau, do một chức việc dẫn đi từ đầu làng tới cuối làng, rêu rao cho mọi người rõ việc xấu xa ấy.

Sau đó, người đàn ông thủ phạm bắt buộc phải cưới người con gái kia.

Người chồng có nhiều quyền hành nên có thể rẫy vợ (bỏ vợ) lúc nào cũng được và về bất cứ lý do gì. Quyết định rẫy vợ cần được người chồng xác nhận mình thị bằng lời nói, có ít nhất 2 người chứng kiến và người chồng phải được sáng suốt, bình tĩnh khi quyết định.

Có ba cấp bậc rẫy vợ :

- bậc thứ nhất, *talak sa*
- bậc thứ hai, *talak đũa*
- bậc thứ ba, *talak kalau*.

Nếu khi quyết định mà người chồng không nói rõ cấp bậc thì mặc nhiên kể như là sự rẫy vợ thuộc cấp bậc thứ nhất.

Sự phân chia cấp bậc kể trên có hậu quả quan trọng trong việc hòa hợp trở lại của đôi vợ chồng.

Đối với cấp bậc thứ nhất và nhì, vợ chồng có thể đương nhiên trở lại sống với nhau, không cần làm một thủ tục nào cả.

Đối với cấp bậc thứ ba quan hệ hơn, vì sự hòa hợp trong trường hợp này đòi hỏi người vợ cũ phải có chồng khác rồi lại bị rẫy thì mới được.

Thường người chồng cũ phải điều đình với một người đàn ông khác đến làm lễ cưới với người vợ cũ của mình sau 3 ngày người, này sẽ quyết định thôi và người chồng cũ nhờ đó mới có thể trở lại với vợ cũ, nhưng cũng phải làm lễ cưới một lần nữa.

Như trên đã nói, người chồng trọn quyền định đoạt về cuộc sống gia đình, nên người đàn bà chỉ còn quyền phục tòng mà thôi.

Tuy nhiên, tập tục cũng cho phép người đàn bà được giải-thoát trong một trường hợp như :

— người chồng bị bắt-lực, dù sự bắt-lực này xảy ra trước hay sau lễ cưới cũng vậy.

— người chồng không cấp-dưỡng đủ để có thể sống được.

— người chồng làm những điều trái ngược với tập tục thôn ấp, ngược với Hồi giáo pháp như rượu chè đàng điếm . . . và người vợ đã bao lần khuyên can nhưng vẫn không sửa chữa được v.v...

Ở vào một trong những trường hợp kể trên, người vợ có thể đem sự việc đến trình (*đu hăh*) với Hakêm hoặc Ahly.

Vị này sẽ cho mời người chồng đến thử hòa giải, khuyên can, nhưng nếu cuộc hòa giải bất thành thì vị này chứng nhận cho về các sự việc đó và hai người có thể chấm dứt mọi liên-hệ vợ chồng.

Con cái, thì sẽ tùy trường hợp và theo sự thỏa hiệp giữa hai bên, nhưng nếu các con ở với mẹ thì người cha có nghĩa vụ phải cấp dưỡng cho đến khi chúng khôn lớn.

Việc thôi chồng này tục gọi là « pah sây kwanh kalak » theo đó người vợ đem trình cho Hakim hoặc Ahly sô tiền đồng (sây kwanh) mà người chồng đã đem đến xin cưới mình khi trước và Hakim hoặc Ahly sẽ giao hoàn lại sô tiền đó cho người chồng.

Về tài sản thì sẽ được phân chia như phân chia gia tài (sẽ đề cập sau).

B. — Liên-hệ trong thân tộc.

Do ưu quyền của người cha trong gia đình và tập tục « ở riêng » sau 3 ngày làm lễ cưới khiến người ta có thể nói là hệ thống thân tộc của người Chàm Châu-Độc được tổ chức theo phụ hệ.

Tuy nhiên, đứng về mặt tình cảm, và do những ràng buộc của tập tục, kể ra cũng khó mà nói một cách tổng quát rằng một gia đình do sự cha truyền con nối liên hệ với bên nội nhiều hay bên ngoại nhiều.

Người Chàm cũng phân biệt họ hàng bên nội (*kăũk kanh kah amur*) và họ hàng bên ngoại (*kăũk kanh kah mēk*) nhưng về danh từ « ông nội »,

« *mur nôi* » có lẽ do ảnh hưởng của tiếng Việt.

Ông nội : ông nội.

Mei nội : bà nội

Ông ngoài : ông ngoại

Mei ngoài : bà ngoại

« *Amur* » là cha, nhưng thường chỉ được dùng vào thì thứ ba ; còn tiếng xưng hô (thì thứ 2) là « *chik* » hoặc « *yah* » biến đổi tùy theo gia-đình, nhưng thường hề mình dùng chữ « *chik* » để xưng hô với cha mình thì con mình cũng dùng chữ đó. Nói khác đi, thói quen dùng một trong hai từ ngữ đó do người cha.

« *Mek* » ít được dùng ở thì thứ 2, người ta thường dùng chữ « *Măk* » tức má.

« *Wa* » chỉ định cả anh chị của cha và anh chị của mẹ.

« *Amig* » bao gồm cả em trai, gái của cha và của mẹ.

Anh em con chú con bác, con cô con cậu gọi là « *samũk* » và được gọi bằng anh, chị không kể tuổi nếu cha, mẹ mình thuộc vai em của cha, mẹ những người này.

Trường hợp ngược lại gọi bằng em.

Anh hay chị đều cùng dùng chữ « *chik* » và thêm vào ngôi thứ của người ấy, trong sự xưng hô.

Người anh hay chị gọi em là « *Adei* » và không thể ghép nó vào từ ngữ chỉ định ngôi thứ được toàn thể chị em ruột gọi là « *Tean padjung* ».

NGƯỜI CHĂM TẠI VIỆT NAM NGÀY NAY

Đứa con đầu lòng gọi là « *anurk kachoa* » và con út gọi là « *anurk talüik* ».

Con dâu hay con rể đều gọi là « *anurk matâu* ».

« *Tocho* » chỉ định cả cháu nội lẫn cháu ngoại.

Cũng có sự phân biệt giữa họ hàng bên vợ « *käük kanh kah diük* » và họ hàng bên chồng (« *käük kanh kah pasang* »).

Địa-vị ưu thắng của người đàn ông trong gia đình đã tạo nên quan-niệm nối dõi do đứa con trai. Do đó, trong việc chia gia tài sẽ trình bày trong phần sau đây, chúng ta thấy con trai được hưởng nhiều hơn con gái.

Có một giai thoại bình dân đã giải thích việc đàn ông có quyền lấy nhiều vợ (tối đa là 4) như thế này :

« Một nhà hiền triết nọ, bị một số phụ nữ chắt vắn tại sao đàn ông có quyền có nhiều vợ mà đàn bà trái lại chỉ có thể có một chồng, một hôm đã bảo các phụ nữ này trở lại sáng hôm sau và mang theo mỗi người một trứng gà.

« Sáng hôm sau, các thiếu nữ y lời và được nhà hiền triết bảo mỗi người

« đem trứng của mình đến đập cho bể vào một cái chậu rồi đứng sang bên.

« Khi mỗi cô đã đập xong tất cả trứng của mình, thì vị hiền triết mới gọi một thiếu nữ bắt mắt nhất « bọn đền hỏi rằng : « Nàng đã đập bể trứng gà của nàng xong chưa ? »

« Thiếu nữ đáp : « Dạ xong rồi ».

« Nhà hiền triết bảo : « Vậy nàng thử chỉ cho ta rõ trứng nào của nàng xem ».

« Thiếu nữ bần khoản không biết làm sao để nhận ra trứng của mình khi này, đành chịu im lặng.

« Nhà hiền triết mới bảo : « chính đây là nguyên nhân khiến đàn bà không thể lấy nhiều chồng được. Cũng như trong cái chậu này có nhiều trứng quá, sẽ không biết là của ai ».

Kết luận một đứa con sanh ra cần phải rõ ai là cha của nó một cách minh bạch. Do đó, người đàn bà chỉ có thể có một chồng !

DONAMIDE

Kỳ tới : *Quyền thừa kế và tang lễ, thờ cúng.*

- Đại cục tuy một ngày một bại hoại, chúng ta vẫn phải nên hết sức duy trì, được phần nào hay phần ấy, còn ngày nài hay ngày ấy.

Táng-Quốc-Phiên

- Ngu độn thì người ta chê cười ; Thông minh thì người ta ghét vợ và ngờ vực ; Thông minh mà biết làm như ngu, mới thật là khôn kín.

Lữ-Khôn

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐẢM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ** **NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU** —

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM

135, Đqt-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bur au de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

Công chúa hạ giá

HẠ là dưới, giá là gả. Gả cho một kẻ địa.vị ở dưới mình. Bên Tàu, khi nào những người quí tộc gả con gái thì gọi là hạ-giá, còn người thường thì gọi là xuất giá. Bên ta cũng tương tự như vậy, chỉ hơi khác một chút là chữ hạ-giá dành riêng để nói việc các công chúa đi lấy chồng.

Thề thì sao chồng Công chúa lại gọi là Phò mã? Phò là con ngựa kéo chiếc xe phụ (ngoài chiếc xe của vua, có những phó xa — xe phụ — đi theo hầu).

Đời Hán có chức Phò mã Đô úy là một chức quan võ, có nhiệm vụ trông coi những con ngựa ở chiếc xe phụ. Qua đời Tấn, đời Ngụy về sau, người nào lấy công chúa đều được lãnh chức Phò mã Đô úy.

Cũng như bên Trung-quốc, bên ta, người nào kén được Công chúa đều lãnh chức Phò mã, hàm chánh tam phẩm và khi đạo ngự đi đâu, ông

Phò cỡi ngựa theo hầu bên cạnh cỗ xe của vua.

* * *

Tuy có câu: Nữ thập tam, nam thập lục, nhưng các công chúa không bao giờ gả vào năm 13 tuổi mà phải đợi đến năm 16.

Vua ra lệnh cho Nội thần, mỗi khi có một công chúa đến tuổi đôi tám thì phải tư cho bộ Lại, bộ Binh biết để lập một bản kê 5 người, đều là con, cháu hay cháu ba đời các vị công thần để Ngài chọn lựa. Trong bản kê phải ghi rõ tên họ, tuổi tác (ít nhất phải trên 16) chánh quán, trú quán cùng là lý-lịch của cha mẹ và điều cần nhất, ông phò tương-lai phải khỏe mạnh, không bệnh tật.

Sau khi nhận được phiên tâu của hai bộ, Vua mới cử một vị hoàng-thân thay vua đứng chủ-hôn và một vị đại thần sung chức chiêu-liệu tức là lo

lắng công việc hôn lễ. Hai vị này phải là người tuổi tác, vợ chồng song toàn, con cái đông đúc.

Ông chủ hôn và ông chiêu-liệu cùng nhau chọn người nào xứng đáng hơn cả — lẽ dĩ nhiên là phải hợp tuổi với công chúa — tâu lên cho Vua biết. Ngài vòng một vòng son vào tên người được chọn lựa, chữ gọi là châu quyền.

Theo lệ thường thì trong bản danh sách phải kê 5 người để việc chọn lựa và phải là con cháu các bậc công thần, nhưng đôi khi trong thực-tế thì khác hẳn.

Như trường hợp xảy ra dưới triều Tự-Đức. Vua Minh-Mạng đến những 65 công chúa, một số lớn chưa hạ giá kíp, thêm vào đó các công chúa con của vua Thiệu-Trị, triều-đình lại gặp luôn mấy cái đại tang, và mỗi lần có đại tang thì ba năm không được giá-thú, vì thế mà nhiều công chúa trở nên lớn tuổi. Nếu cứ theo cái lời mỗi công chúa phải 5 « ứng-cử-viên » thì không sao đủ. Và lại có những người đủ tư-cách nhưng cò ý lảng tránh bằng cách bỏ đi ngoại tỉnh hoặc mưu-mô với các bộ xin loại ra ngoài trong lúc kê tên. Không phải vì các « cậu ằm » ấy không mơ ước chức phận — bỗng dưng được lãnh cái hàm tam-phẩm ai không ưng — nhưng các cậu chỉ sợ rằng biết đâu mình không rủi ro gặp phải một bà chúa nhiều tuổi hay kém về nhan sắc. Kiếm một cô gái ở ngoài, việc chọn lựa được tự-do hơn. Và lại, dù trong cái xã-hội mà chế độ đa-thê được chấp nhận, ông Phò vẫn chỉ được phép một vợ một

chồng, trừ phi gặp trường hợp bà chúa không con, ông Phò mới được cưới thêm một người thiếp.

Nếu gặp lúc khách đông sòng khan hiềm như thế, bộ Binh và bộ Lại đều phải linh-động mở rộng điều-kiện nghĩa là không cần phải con cháu công-thần mà chỉ cần là con cháu các quan trong triều văn hoặc võ, từ tam-phẩm trở lên là được. Còn cái số năm người trở lên có thể rút xuống còn vài ba và cũng chẳng cần phải hợp tuổi cho lắm.

..

Sau khi chọn được giai-tê, vua ban cho ông phò tương-lai một số tiền là 3.000 quan để mua một cái phủ hai vợ chồng ở với nhau.

30.000 quan để sắm một bộ áo quần phò mã gồm có: áo mào hia đai và cho công chúa một cái mũ kết năm con phụng vàng nhận hạt trai, và san-hồ, một bộ áo bào thêu phụng, một cái đai khảm vàng đựng các đồ trang sức v.v... Ông phò còn phải mua sắm tất cả các thứ cần dùng trong gia đình: khay trà, ống nhổ, chén bát, giường tủ, mùng mành, chén bát v.v... và một chiếc thuyền cho xinh đẹp. Ngày trước vua thường đi thuyền hơn đi bộ. Và mỗi lần vua đi đâu, các ông hoàng, bà chúa, các quan đại thần thường đi theo chầu. Cho nên người ta sửa sang tô điểm chiếc thuyền cũng như một ngôi nhà.

Vua bảo khâm thiên Giám chọn ngày lành để mở một buổi thường triều. Trong dịp này, vua ra chỉ thị cho

Ông chủ hôn biết qua về lễ cưới sắp đến. Ông nấy có nhiệm vụ tin lại cho nhà trai hay.

Vào một ngày đã ấn định trước, gia đình ông phò đặt giữa nhà một cái hương án để tiếp đón sứ giả của Hoàng-Đề.

Sứ giả mặc áo triều đi đến có đoàn lính cầm lọng và cờ quạt theo hầu. Khi vào nhà, viên sứ giả đứng bên trái, xây mặt về hướng nam, gia đình ông phò đứng bên mặt bàn thờ. Viên sứ lớn tiếng nói chẳng hạn : Hoàng-Đề quyết định gả công chúa Đoan-Trang cho phò mã Trần-Trung-Việt con Ô. Trần-Trung-Thành và bà Nguyễn-Thị-Như-Lan. đến ngày Mồng 6 tháng 11 năm Bính-tý thì cử hành hôn lễ v.v.v...

Thế rồi trong một buổi thiết triều khác, văn võ bá quan, thái giám đứng hầu hai bên ngai vàng, thân phụ của ông phò mặc triều phục, cùng với những người đàn ông trong họ vào chầu, lạy vua năm lạy để tỏ lòng biết ơn. Đồng thời, thân mẫu của ông phò, cùng quyền thuộc đàn bà, vào cung để lạy tạ Hoàng-hậu và Hoàng thái-hậu.

Sau đó, nhà trai tiếp xúc với ông chủ hôn để biết ngày giờ cử hành hôn lễ.

Khâm thiên Giám chọn 3 ngày lành tâu lên vua chuẩn y và cứ mỗi ngày cử hành hai lễ, cộng sáu lễ cả thảy : Nạp-thái, Văn-danh, Nạp-trưng, Nạp-các, Điện-nhận, Thân-nghinh. Tất cả các lễ nhà trai đều có đệ đến các phẩm vật để tặng cô dâu.

Như lễ Nạp-thái : 1 con trâu, 1 con heo, hai vò rượu, 1 mâm cau trâu, 2 cây găm, 10 cây lụa, 4 nén vàng, 2 đôi xuyến vàng, 1 đôi bông, 1 cái trâm vàng, 2 chuỗi hạt ngọc, 16 nén bạc.

Lễ Nạp trưng : 2 con bò, 2 con trâu, 2 con heo, 1 mâm trâu cau, 2 vò rượu, 2 cây lụa trơn, 6 nén vàng, 20 nén bạc.

Riêng lễ Điện nhận, theo tục của Trung-quốc, lẽ ra nhà trai phải đem đến nhà gái một cặp nhận để làm tin, nhưng vì không có nhận nên ông phò đành đem đến một cặp ngỗng để thay thế. Ngoài ra còn có 2 hộp chỉ ngũ sắc, 100 đồng tiền tượng trưng cho sự giàu có, phồn thịnh và hạnh phúc.

Chắc có độc-giả sẽ hỏi : Lễ vật cưới xin nhiều như thế, nếu nhà trai nghèo thì lấy đâu mà chạy cho đủ ?

Nhiều trường hợp như vậy đã xảy ra. Các quan trong triều phần nhiều nghèo giàu vua cũng biết, nếu vua không rõ thì đã có bộ Binh bộ Lại tâu cho vua hay. Khi đó vua phê vào phiến đại ý : Trẫm xét Đô-Thống Huýnh-Văn-Sâm, làm quan thanh liêm, nhà nghèo, vậy chuẩn miễn các phẩm vật hôn lễ (hoặc cho giảm bớt phẩm vật hôn lễ).

Sách Nghi lễ sí hôn lễ : Chủ nhà bước lên về phía hướng đông, khách bước lên về hướng bắc, đặt chim nhận, lạy và đứng cúi đầu. Trong hôn lễ người ta dùng chim nhận vì các lý do : Chim nhận không kết đôi lứa lần thứ hai, biết tùy thời tiết khi ở phương nam khi ở phương bắc cũng như con gái lấy chồng không để lỗi thời ; khi bay khi đậu có hàng lối lớn nhỏ, có trật tự.

Tất cả các lễ nghi, trải qua các triều đại, thế nào cũng có thay đổi, hoặc nhiều, hoặc ít. Và hôn lễ cũng vậy.

Các phẩm vật ông phò đi cho công chúa, càng về sau, càng giảm bớt. Các lễ vật có thứ đem vào nội, có thứ dâng thẳng lên Vua hoặc đưa đến nhà ông Chủ hôn. Sau triều Tự-Đức hôn lễ cử hành tại Tôn nhơn Phủ, nhà thờ họ của Nguyễn phước tộc. Vì thế nên các phẩm vật đều đưa cả đến đây. Các thứ trang sức, những thoi vàng nén bạc, hàng lụa đều chuyển lại cho công chúa nhận.

Trước thời kỳ cử hành hôn lễ, vua phái một vị đại thần đem lễ vật lên dâng và vào các miếu, cáo cho các đảng tiên vương biết công chúa Đoan-Trang sẽ làm lễ thành hôn với Phò mã Trần-Trung-Việt con ông Trần-Trung-Thành và bà Nguyễn thị Như-Lan vào ngày mồng 6 tháng 11 năm Bình Tý.

Trước lễ nghinh hôn ba ngày, các nữ quan đưa công chúa vào lạy ở các miếu, đoạn vào cung lạy hoàng hậu và hoàng thái hậu.

Hôm rước dâu, phò mã vào Đại Nội lạy vua năm lạy, dâng lên Ngai vàng, bạc để xin đón công chúa.

Sau khi vua ban mấy lời giáo huấn, phò mã được đưa vào ngồi chờ tại một gian phòng riêng bên bể màn che sáo phủ.

Nội gót phò mã, các nữ quan đưa công chúa vào hầu vua cha. Nàng quì xuống để nghe lời khuyên nhủ: Vua lại bảo nữ quan rót rượu ban cho

công chúa cạn chén. Nàng lạy năm lạy, cáo từ vua để sang cung hầu mẫu thân. Cũng như lúc vào với vua cha, khi vào hầu mẹ, công chúa cũng quì xuống để nghe lời dạy dỗ và cũng lạy năm lạy trước khi giã từ hoàng hậu.

Một đoàn người đã chờ sẵn trước cung của công chúa: các ông chủ hôn, chiều liệu và phu nhân, một vị đại thần lão thành và phu-nhân, sáu nữ quan, một sỏ thị nữ, phu gánh kiệu cầm cờ, tàn quạt, những đứa bé xách lồng đèn, mặc áo mã tiên, cầm thiên tuế, ôm ngỗng. (1)

Đến giờ rước dâu, phò mã đã chờ sẵn một bên kiệu tự tay vén màn mời công chúa bước lên, và đi trước để dẫn đường. Ra khỏi cung cấm, phò mã mới được phép lên ngựa.

Về đến phủ, kiệu đưa thẳng vào tận thềm nhà. Phò mã xuống ngựa, vén màn rước công chúa vào một gian phòng riêng ở chái tây, gian phòng của phò mã nằm ở chái đông.

1— a) Trong đám cưới có tám đứa con trai hoặc con gái nhỏ tuổi mặc áo mã tiên đi trước. Thứ áo này có lẽ người ta bắt chước thứ vũ y nghệ thuật (áo bằng lông, xiêm bằng rặng tức là thứ mây sắc đỏ) ở trên cung trăng. Vì tục truyền rằng trong cung trăng có một bọn ca công, nhạc công mặc nghệ thuật, vũ y để múa hát.

b) Cầm nhánh thiên tuế, tượng trưng cho việc cầu chúc được lâu dài, do tên của cái cây: thiên tuế là nghìn năm. Trong lúc làm nhà, trên nóc cột cành thiên tuế cũng cùng một ý nghĩa ấy.

c) Hai cái lồng đèn: cái bên trái tượng trưng cho ông chồng, cái bên phải bà vợ mà người ta muốn cầu chúc được rục rở mãi mãi. Một khi ngọn nến trong cây đèn lồng được thắp lên người ta giữ gìn cẩn thận để khỏi bị tắt nửa chừng vì cho như thế là xúi quẩy.

Một tiệc rượu bày ra để khoản đãi tân khách.

Khi mọi người ra về, đúng vào giờ lành, hai vợ chồng làm lễ hợp cẩn, ăn chung mâm tơ hồng, cùng uống rượu trong hai cái ly làm bằng một quả bầu cắt làm đôi.

Hai ông bà chiều-liệu đã đến đây từ mấy hôm trước để sắp đặt giường nằm và trái chiều. Công việc này được xem như là một công việc thiêng liêng không thể giao phó cho kẻ tồi tở được.

Qua hôm sau, công chúa ra mắt nhạc phụ và nhạc mẫu. Bà đứng bên hướng tây, lạy bôn lạy. Cha mẹ chồng ở hướng đông đáp lễ bằng cách xá hai xá.

Qua ngày thứ ba thì công chúa đi lạy nhà thờ bên chồng. Đến ngày thứ chín, hai vợ chồng mới trở vào Đại Nội lạy mừng. Phò mã đứng giữa sân chầu, còn công chúa thì được lên điện, (2)

Trong dịp này, vua ban cho phò mã một bộ áo triều tam phẩm, hai cái áo gấm màu và hai bộ yên cương.

Sau đó hai vợ chồng vào cung để chầu hoàng hậu.

Ông chồng được lãnh ngay hàm Phò mã Đô - Úy, thỉnh thoảng cùng các

quan vào chầu triều, dự yến tiệc hay đi theo hầu vua chứ không lãnh một chức tước gì của triều đình. Nhưng sau khi bà chúa mất, ông phò có thể dùng cái hàm tam-phẩm của mình để lãnh một chức-vụ trong nước.

Con của bà chúa cũng gọi là « Mẹ » như con các ông hoàng. (3) Chữ Mẹ này thường đi kèm với chữ « hiệu » : Mẹ hiệu. Con bà chúa, chỉ độc một người con trai trưởng được lãnh hàm hiệu úy (tùng lục phẩm). Nếu bà chúa không con, ông phò có thể được cưới thêm một người thiếp. Con người thiếp này được lãnh hàm Kiểm hiệu (tùng thất phẩm), thua con của bà chúa hai trật. (4)

BỮU-KẾ

Kỳ sau : Hoàng tử nạp phi.

(2) Theo lệ ngày trước thì chỉ có ông hoàng mới được phép lên điện (thượng điện) còn các quan chỉ đứng ở sân chầu, trừ những trường hợp đặc biệt thì không kể.

(3) Ngày trước, con ông hoàng và bà chúa đều gọi là mẹ. Chữ này có từ đời các chúa Nguyễn. Không mục đích gì hơn là kiêng khem. Vốn là con trai, nhưng gọi là mẹ để qui thần lắm là con gái. Nhưng qua các đời sau thì lại không gọi là mẹ nữa mà gọi là mẹ.

(4) Triều đình nhà Nguyễn có 9 phẩm trật, từ dưới chót là cửu phẩm lên đến tầng trên cả là nhất phẩm. Cứ mỗi phẩm gồm có chánh và tòng (tùng cửu, chánh cửu — tòng bát, chánh bát).

- Không hứa bậy, nên mình không phụ ai.
Không tin bậy, nên không ai phụ mình.

Ngô-Hoài-Dã

SOCIÉTÉ INDOCHINOISE DE DOCUMENTATION

et de

REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co**
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18, BEN BACH DANG — SAIGON

VỆ TINH THÔNG TIN

ĐẾN nay, vấn đề truyền tin vấp phải một trở ngại lớn lao, tưởng như không vượt qua được. Ai cũng biết các máy phát thanh vô tuyến điện dùng những luồng sóng điện ngắn để có thể truyền được nhiều tin, nhưng các luồng sóng này chỉ truyền theo những đường thẳng mà trái đất lại tròn nên không thể truyền xa được. Một giải pháp tạm thời đã được đặt ra là xây trên mặt đất những trạm nhỏ để truyền tin xa ra, nhưng vấn đề phẩm lại bị hạ xuống vì mỗi lần qua trạm thì tiếng nghe nhỏ lại và hình xem mờ lên. Tuy nhiên, nếu đứng mãi trong địa hạt quả đất thì thật là một vấn đề nan giải, nhưng khi mở mắt nhìn rộng ra không gian thì có lẽ trở ngại có thể tiêu tan. Đồng thời với môn hàng không trong không gian, các tiến triển khoa học đã hiến cho môn thông tin một trạm đặc biệt: vệ tinh! Một trạm, hai đường thẳng là người ta có thể phóng tin được thật xa. Nguyên tắc thật là cực kỳ đơn giản: luồng sóng điện từ một điểm nào trên mặt đất được chiếu lên vệ tinh,

và vệ tinh phản chiếu lại xuống một chỗ khác, tựa hồ hai đứa bé chơi đập bóng vào một bức tường.

Vệ tinh thụ động.— Vệ tinh có thể là thụ động hay phát động. Thụ động nghĩa là vệ tinh giống như một cái gương chỉ phản chiếu lại tin, hình đã nhận được mà không thêm vào một chút năng lực nào. Phát động nghĩa là vệ tinh khi nhận được tin, hình còn phóng đại ra và phát lại với một công suất lớn hơn. Mỗi một loại vệ tinh đều có khuyết điểm của nó: vệ tinh động chỉ có thể truyền lại một tiếng vang nhỏ yếu; còn vệ tinh phát động thì sợ đến một lúc nào hết còn đủ năng lượng để tiếp tục sứ mệnh mà người ta đã giao phó cho.

Các quả bóng khổng lồ *Echo* được bắn lên không trung và tự động phồng lớn khi đã lên đến quỹ đạo là những vệ tinh thuộc loại thụ động. Người ta tính khi quả bóng cách xa mặt đất 1000 cây số thì chỉ phản chiếu lại được có 1/20.000 sức mạnh

VỆ TINH THÔNG TIN

của tin phát lên. Đằng khác máy, nhận tin ở mặt đất cũng chỉ nhận được 1/20.000 tin từ vệ tinh truyền lại. Như vậy nếu lúc phát ra tin mạnh chẳng hạn 10 kilowatt thì khi truyền lại chỉ còn có 25 microwatt. Năng suất này chỉ có thể dùng trong một cuộc truyền tin nhỏ và không thể dùng để truyền hình được. Người ta còn để ý trong lúc truyền tin với các vệ tinh *Echo*, tiếng nghe càng ngày càng nhỏ dần, có lẽ là mặt bóng bằng chất dẻo bị nhẵn dần như tấm gương bị lu mờ và hết còn phản chiếu lại được nhiều.

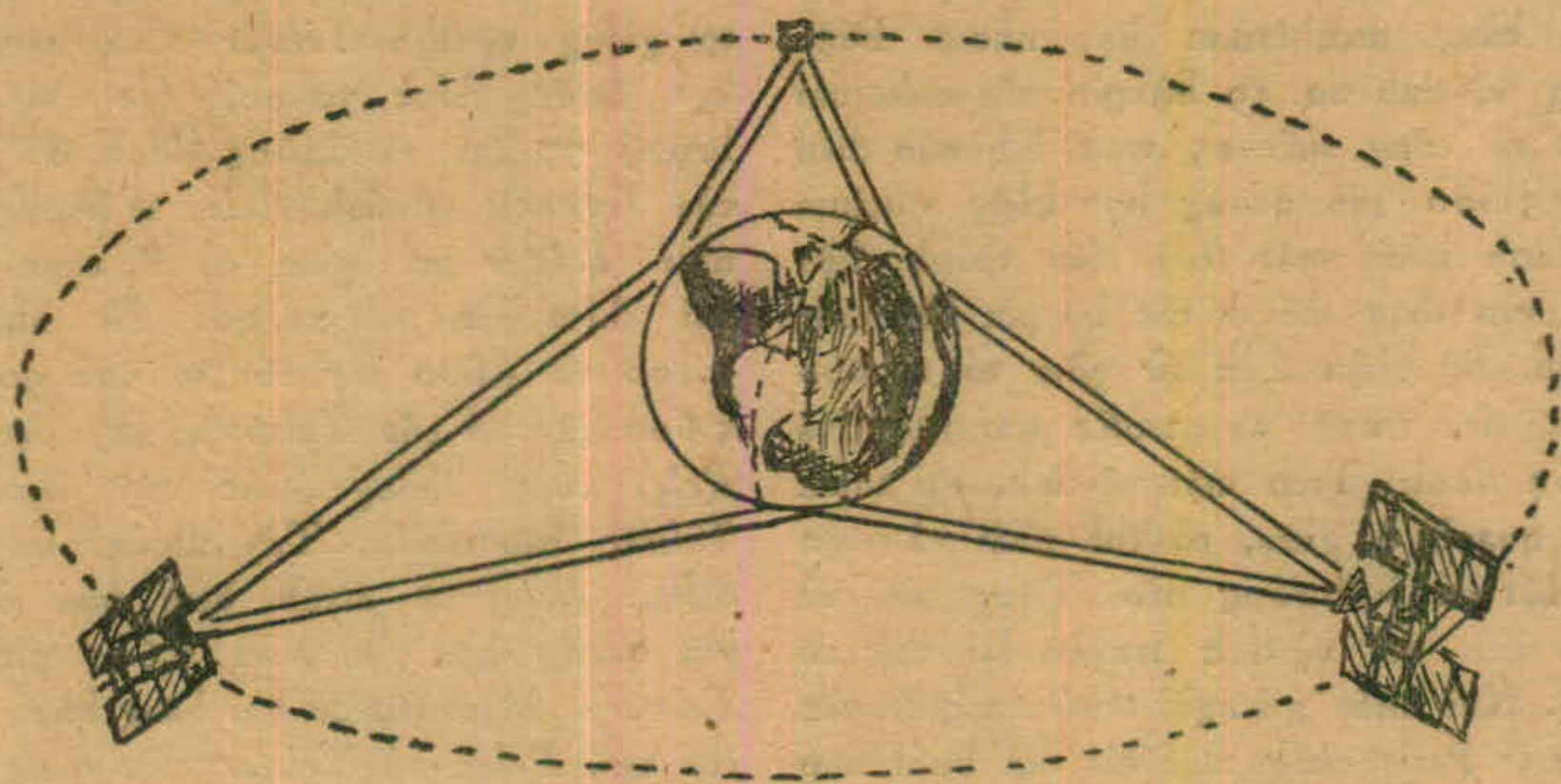
Trước những khuyết điểm này, một loại bóng thứ nhì ra đời, các vệ tinh *Big Shot* để thay thế các bóng *Echo*. Vệ tinh *Big Shot* lớn hơn, đường kính 43 thước (so với 30,5 thước) và nặng hơn: 225 kgs (so với đường kính 30,5m và trọng lượng 51kgs của các vệ tinh *Echo*). Trong các vệ tinh *Echo* bóng làm bằng chất dẻo mylar, sơn một lớp nhôm dày 1,3 ly. Các vệ tinh *Big Shot* thì lại có hai lớp nhôm bọc ngoài hai lớp chất dẻo mylar, tất cả 1,9 ly. Rủi ro, *Big Shot* 1 bắn lên cao 370 cây số, phòng lớn rồi tiến lên cao độ 1.475 cây số nhưng lại rơi xuống cháy trong khí quyển. *Big Shot* 2 may mắn hơn nhưng người ta đã tính biết, tương lai vấn đề viễn thông không nằm trong các quả bóng vệ tinh. Mục đích các quả bóng này chỉ là để khảo cứu cách truyền đạt các luồng sóng trong khoảng không gian gần quả đất.

Tuy nhiên, còn có một loại bóng thụ động sau cùng, hiện đang còn nằm trên giấy tờ mà thôi là các vệ tinh CZAR của Không quân Hoa-Kỳ. Các vệ tinh này sẽ nặng đến 1700 kgs và mang theo nhiều máy

phản chiếu tự động để có thể hướng tin theo một chiều định trước. Các vệ tinh này chỉ sẽ ra đời khoảng 2-3 năm nữa.

Ngoài các kế hoạch tương tự còn nằm trong vòng bí mật vì mục đích quân sự, tướng cũng nên nói đến kế hoạch *Westford*, không phải là một kế hoạch về vệ tinh nhưng cũng nhằm đạt cùng kết quả. Người ta không bắn lên một quả bóng mà là một cái đai làm thành bởi những mảnh kim-loại gồm 32kgs những kim dài 1,8 phân, đường kính 0,25 ly bay cách mặt đất 3000 cây số. Một lần đầu, vệ tinh *Midas* đã thả ra một ít kim này. Mặc dầu nhiều nhà thiên văn học đã lên tiếng phản đối, người ta tính rồi đây sẽ gây một vòng mảnh kim loại như vậy xung quanh quả đất để có thể cho phản chiếu lại những tin tức từ mặt đất phát lên.

Vệ tinh phát động.— Nhờ những tiến triển khoa học khắp các ngành, từ các chất bán dẫn cho các máy nguyên tử tí hon, các vệ tinh phát động dần dần chiếm ưu thế trong cuộc cạnh tranh giữa hai loại vệ tinh và cũng dần dần thay thế các vệ tinh thụ động. Nói đúng ra, các vệ tinh phát động ra đời ngay trước cả các vệ tinh thụ động. Nếu *Echo* 1 được bắn ngày 2-8-1960 và *Big Shot* 1, ngày 15-1-1962 thì vệ tinh phát động đầu tiên, *Score* có mang theo hai máy phát, nhận tin đã bắt đầu chạy trên quỹ đạo từ hôm 10-12-1958, Tiếp theo đấy, vệ tinh xác thật thông tin là *Courrier IB* thực hiện theo mục đích quân sự, được bắn ngày 5-10-1960. Vệ tinh lớn 1,30 m, ngoài mặt mang theo nhiều pin quang học, lấy năng lượng mặt trời để cho chạy 4 máy phát, nhận tin. Vệ tinh mỗi một khi nhận được thông điệp từ



Với ba vệ tinh đứng yên loại « quỹ đạo cao » còn gọi là vệ tinh « 24 giờ » là đủ để truyền tin khắp mặt đất (kế hoạch SYNCOM)

quả đất gởi lên thì ghi vào máy thu thanh rồi đợi chạy ngang qua một trạm nhận tin mới đánh về.

Các vệ tinh phát động bay cao hơn các vệ tinh thụ động nên so với mặt đất thì chạy chậm hơn và như vậy thời gian dùng được dài hơn vì từ đài phát tin và đài nhận tin người ta « thấy » được lâu hơn. Đáng khác, nếu vệ tinh chạy đúng cao độ 35.900 cây số (hay nói một cách khác, cách trung tâm quả đất 42.800 cây số) thì sẽ đứng yên vì sẽ chạy xung quanh mặt đất một vòng đúng 24 tiếng đồng hồ, giống tốc độ quay của quả đất.

Những vệ tinh loại *Telstar* của những phòng thí nghiệm Bell vừa mới được bắn, và rồi đây những vệ tinh *Relay* của hãng RCA sẽ được bắn nay mai, thuộc về loại

các vệ tinh « quỹ đạo thấp » nghĩa là bay quanh quả đất, chạy qua mỗi bầu trời khoảng 1/2 giờ, 1 giờ hay có thể 2 giờ. Trái lại, những vệ tinh *Syncom* của hãng Hughes sẽ ra đời cuối năm nay, và *Advent* của Quân đội Hoa Kỳ sẽ là những vệ tinh đứng yên thuộc loại « quỹ đạo cao ».

Các phòng thí nghiệm Bell thuộc hãng Điện báo và Điện thoại Hoa-Kỳ khảo cứu về vệ tinh *Telstar* từ lâu, ngay lúc vấn đề hỏa tiễn dùng để bắn vệ tinh chưa được hoàn toàn giải quyết. Vì vậy, nếu *Telstar* là một vệ tinh thuộc loại « quỹ đạo thấp », đây chỉ là phản ảnh kỹ thuật không gian cách đây mấy năm.

Telstar nghĩa là ngôi sao thông tin, tên chuyên môn là TSXI (Telecommunication Satellite X-1) hình quả bóng lớn, đường

kính 88 phân, gồm có 72 mặt, nặng 77 kí-lô, vệ-tinh có một cái sườn làm bằng manhêsiu bọc nhôm. Điện trong vệ-tinh do 19 bộ pin kền-cadmium phát ra, công suất 15 watt. Khi nào điện hết, 3.600 pin quang học bằng silicium bắt ánh nắng mặt trời biến thành điện dẫn vào thay thế ở các bộ pin kền-cadmium. Bộ phận điện tử gồm có 15.000 phần tử, trong ấy 1.064 transistor và 1.464 diode. Trên mặt vệ-tinh, hai anten bao quanh ở giữa, có thể phát và nhận tin bất cứ ở hướng nào. Tiếng nói và hình ảnh do vệ-tinh truyền lại thật rõ ràng. Khi khán giả ngồi trước máy truyền hình ở Paris cùng một lúc dự buổi họp của Liên-Hiệp-Quốc bên Hoa-Kỳ, thật không khỏi rung mình trước các tiến triển lớn lao của khoa-học.

Tương lai cuộc thông tin bằng vệ tinh.— Rút kinh nghiệm ở chiếc *Telstar I* vừa mới bắn và đã được dùng, nhiều kỹ thuật sẽ được hoàn hảo thêm. Các pin quang học bị các tia phát quang làm hư hỏng cần phải được bao bọc kỹ hơn. Quỹ-đạo của vệ-tinh cũng cần phải thay đổi. Hiện nay chiếc *Telstar* chỉ được « thấy » chẳng hạn đồng thời từ Hoa-Kỳ và Âu-Châu có 20-30 phút, một hay hai lần mỗi ngày. Như vậy quá ít. Người ta tính nếu vệ-tinh chạy qua hai cực của quả đất thì cứ mỗi 2 giờ 40 phút, người ta có thể « thấy » 15 phút liên tiếp trên bắc Đại-Tây-Dương. Đáng khác, vì không thể điều khiển cuộc bắn lên thật đúng một quỹ đạo định trước, phải cần bắn một lô nhiều vệ-tinh. Người ta tính cũng phải khoảng 40 vệ-tinh bay qua hai cực, 15 vệ-tinh ở vùng nhiệt đới và xích đạo mới thông tin được khắp mặt đất.

Nay mai, nghiệp hội Vô tuyến Hoa-Kỳ RCA sẽ cho bắn vệ tinh *Relay*, tương tự giống vệ-tinh *Telstar*. Cân nặng 70 kgs, đường kính 70 phân (so với trọng lượng 77 kgs và đường kính 88 phân của *Telstar*), vệ tinh *Relay* sẽ không tròn như *Telstar* mà gồm có 8 cạnh. Với hai điểm gần và xa qua đất nhất là 1.100 và 4.800 cây số (so với 900 và 5.600 cây số của *Telstar*), quỹ đạo của *Relay* cũng không khác quỹ đạo của *Telstar* bao nhiêu. Tuy nhiên, một ưu điểm: *Relay* sẽ mạnh hơn với 8.215 pin quang học (so với 3.600 pin của *Telstar*). Mặc dầu do hai hãng khác nhau chế tạo, *Relay* và *Telstar* đều dùng một luồng sóng điện giống nhau: 4.170 MHz. Đây không phải là một sự tình cờ mà là điều ước mong của cơ quan quản trị quốc gia NASA để thống nhất cách thông tin bằng vệ-tinh.

Một điều chắc chắn là môn thông tin bằng vệ-tinh, nhờ những tiến triển lớn lao trong môn khảo cứu hàng không không gian, hiện đang tiến mạnh. Giờ đây, với những kỹ thuật mới, các vệ-tinh « quỹ đạo thấp » không còn hợp thời nữa. Không chóng thì chầy, các vệ-tinh đứng yên phải ra đời, tiện lợi vô kể. Như trên đã thấy, vệ-tinh đứng yên phải bay đúng ở cao độ 35 900 cây số. Một điều kiện thứ nhì: vệ-tinh phải chạy trên đường xích đạo không thì sẽ không đứng yên mà chạy thành hình số 8 quanh quả đất. Người ta tính chỉ cần 3 vệ tinh loại « quỹ đạo cao » là có thể truyền tin khắp mặt đất. Từ năm 1961, cơ quan NASA đã chọn hãng Hughes Aircraft để đặt làm những vệ-tinh trong kế hoạch *Syncom* (Synchrone: đồng bộ). Những vệ-tinh

này, đồng bộ với quả đất, sẽ là những vệ-tinh đứng yên, còn gọi là vệ-tinh « 24 giờ ». Kích thước chiếc đầu tiên sẽ tương đối nhỏ: hình hộp tròn, dày 60 phân, đường kính 70 phân, nặng 28 kgs, mang theo 3.960 pin quang học sản-xuất 25 watt với điện thế 27,5 volt. Như các vệ-tinh khác, *Syncom I* sẽ được hỏa-tiến Thor-Delta bắn từ Cap Canaveral. Sự vệ-tinh sẽ không chạy đúng quỹ đạo đã định, hai bầu khí nén (dưỡng khí và đạm khí) đặt trên sườn vệ-tinh sẽ được vô tuyến điều khiển từ mặt đất để sửa đường bay. Nhưng *Syncom I* chỉ còn là một vệ-

tinh thí nghiệm. Khoảng 1.963-1.964, vệ-tinh *Syncom II* lớn hơn (đường kính 1,40 thước, nặng 240 kgs, năng suất 115 watt) được những hỏa tiễn Agena B bắn, mới là những vệ-tinh thông tin thật sự.

Và sau *Syncom* sẽ là các vệ-tinh *Ad-vent*, nghe đầu nặng đến 570 kí-lô, nghĩa là sẽ vô cùng lớn, do một hỏa tiễn *Centaure* bắn lên. Nhưng tương lai này còn xa thăm thẳm, xin đợi ít lâu nữa sẽ lại bàn đến.

VÕ-QUANG-YẾN

- Con voi vì ngà, ve sầu vì tiếng, đom đóm vì sáng mà phải lụy đến thân. Người biết yên thân không quý cái gì rực rỡ.

Lữ-Khôn

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh: PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE •
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BẢO-CHẾ VANCO

TRU'ONG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon



John Steinbeck

J. Steinbeck

với giải Nobel

TRUMAN Capote nhỏ người mà táo tợn, mới rời khỏi ghế nhà trường đã dám bịa ra một tiểu sử kỳ quái để làm cho mọi người chú ý tới mình; còn John Steinbeck thì hoàn toàn trái ngược lại. Con người to lớn đến nỗi dường như một thước tám ấy lại khiêm tốn rụt rè, e ngại, suốt đời không chịu được đám đông, ghét mọi lời quảng cáo ầm ĩ. Bước đường văn nghệ của ông bắt đầu bằng đôi ba tác phẩm thất bại, không được chú ý mấy; bỗng nhiên quyển *Tortilla Flat* ra đời năm 1935 (tác giả đã 33 tuổi) được hoan nghênh rầm rộ khắp nước. John Steinbeck đón sự thành công ấy bằng cách bỏ Nữ-Ước chạy đến Mexique để trốn cái không khí nồng nhiệt, chờ cho tới khi dư luận công chúng lắng dịu xuống ông mới dám trở về. Năm sau, cuốn *Bắt phân thắng bại* (In

dubious battle). Được hội *Commonwealth Club* ở Cựu-Kim-Sơn thưởng huy chương vàng, tác giả lánh mặt không dám tới nhận. Rồi khi các cuốn truyện *Của chuột và người* (*Of mice and men*) và *Tortilla Flat* được đưa lên sân khấu, buổi trình diễn ra mắt đầu tiên, tác giả cũng lại không dám đến xem! Người ta còn kể nhiều giai thoại nữa xung quanh tính cô độc của Steinbeck. Sau ba mươi năm làm văn nghệ, cuộc đời rộn ràng của một văn hào nổi tiếng thường khi bắt buộc phải tiếp xúc với quần chúng cũng không làm thay đổi tính tình giản dị, kín đáo ấy. Mới đây, Steinbeck phụ nhân lại xác nhận: « John không thích điện thoại ».

John không thích điện thoại, không thích đám đông, quảng cáo, không thích đô thị..., người ấy sinh trưởng

ở vùng quê phì nhiêu miền Salinas ở Californie, suốt đời vẫn mê thích cái thung lũng đẹp đẽ của mình với những nông trại, những người làm nông, hái táo v. v... Nhiều người nhận xét rằng để tài văn nghệ của ông có nhiều địa phương tính, và riêng cá nhân ông cũng không xóa hết đôi nét hơi « quê ». Các truyện ngắn đặc sắc của ông dồn vào một quyển, nhan đề là *Miền thung lũng lớn* (*The long valley*), những tác phẩm xuất sắc nhất của ông — *Chùm nho uất hận* (*The Grapes of Wrath*), *Bắt phân thắng bại*, *Của chuột và người* — đều đưa ra những khung cảnh và nhân vật cần lao ở miền quê. Riêng ông, sau một thời kỳ danh vọng trải qua ở các đô thị lớn trên thế giới, về già ông chở theo một con chó (Charley) trên xe hơi, một mình một chó dong chơi khắp nước Mỹ, để có thể tiếp xúc trở lại với cảnh thôn dã. Tác phẩm cuối cùng của ông kể đến nay là cuốn *Ngao du với chó* (*Travel with Charley*) kể lại cuộc dong chơi ấy. Và ở đây Steinbeck có nói qua về quan niệm của mình đối với miền quê và đô thị:

Trong bao nhiêu năm, tôi đã đi khắp nhiều nơi trên hoàn cầu. Tại Mỹ, tôi sống ở New-Uớc, hoặc ở giữa Chicago, hoặc Cựu-Kim-Sơn. Nhưng New-Uớc không phải là nước Mỹ, cũng như Ba-Lê không phải là tiêu biểu của Pháp hay Luân-Đôn của Anh. Do đó tôi nhận ra rằng tôi không biết rõ được xứ sở tôi. Tôi, một nhà văn Mỹ, viết về nước Mỹ, tôi viết theo trí nhớ, mà sự ghi nhận của trí nhớ thì đầy thiếu sót và đáng ngờ. Tôi đã không nghe được tiếng

nói của nước Mỹ, không tiếp xúc được với cỏ cây, với hoa màu, không trông thấy được những ngọn đồi và dòng suối, màu sắc và ánh sáng đẹp đẽ của nước Mỹ. Các điều đổi thay trên xứ sở, tôi chỉ biết qua sách vở và báo chí. Nhưng điều trăm trọng hơn cả là ngót hăm lăm năm rồi tôi không hề cảm thấy sự sống của đất nước. Tóm lại, tôi đã viết về một cái mà tôi không biết tới, và theo tôi thì đối với một kẻ mệnh danh là văn sĩ, làm như vậy là phạm một trọng tội (1).

Lạ thay, con người yêu mê cảnh thôn dã và hay nói nhiều về thôn dã ấy lại sống một cuộc đời không có chút gì giống với cuộc đời bình lặng của phần nhiều những kẻ ở đồng ruộng. Đời sống của J. Steinbeck có thể cung cấp rất nhiều tài liệu cho Truman Capote nếu ông này muốn sáng tác thêm một tiểu sử ly kỳ nữa. Trong quyển du ký nói trên, Steinbeck tự mô tả mình như một người sống xô bồ, dữ dội: rượu uồng rất to, ăn ngủ thì bất thường, có khi nhịn đói có khi ngẫu ngồn đầy bụng, có khi thức liền hai đêm trắng, có khi ngủ suốt ngày, có khi làm việc một mạch rồi có khi lại lơ mơ biếng nhác không chịu làm gì. Lại không ngại những cuộc trác táng, « làm ái tình » một cách sôi nổi, rồi sau đó dẫu có phờ phạc cũng không hề ân hận gì! Thuở mới lớn lên, ông đã phải làm rất nhiều nghề: làm thợ ở các nông trại, làm công ở một xưởng làm đường, làm thợ nề

(1) *Ngao du với chó.*

làm thợ nề và làm luôn cả nghề gác đêm giữ cổng cho người ta! Khi gom góp tất cả vốn liếng kiếm được một cách vất vả như thế để rời quê hương đi Nữu-Uớc làm báo thì giữa đường ông đâm mê một cô gái Cuba tới nỗi gần sạch túi. Rồi thì sau này trên đường tình duyên ông vẫn cứ gặp long đong luôn: bà vợ hiện sống với ông ngày nay là bà vợ thứ ba trong đời ông. Cho đến chuyện con cái ông cũng có quan niệm khá kỳ quặc:

Vợ tôi đã lấy một người đàn ông, và tôi thấy không có lý gì lại đi trao cho nàng một đứa bé làm kẻ thừa (1)

* *

Thành công đầu tiên của Z. Steinbeck trong văn nghệ, cuốn *Tortilla Flat*, là một tác phẩm có giọng hóm hỉnh hài hước. Nhân vật là một nhóm « paisano » — hạng người lai Tây-Ban-Nha, lai Mỹ-tây-Cơ, lai giống da màu, tổ tiên mới đến ở Californie cách đây chừng một vài thế kỷ — nhóm thanh niên vui vẻ hồn nhiên này chiếm hai ngôi nhà ở khu Tortilla Flat, cùng với năm con chó. Họ quây, họ nhộn, họ say sưa, họ làm ái tình, bừa bãi một cách hồn nhiên. Không khí ấy có vẻ vô luân, nhưng thực là vui! Đọc giả lấy làm thích lắm, xúm nhau hoan nghinh, nhưng bây giờ Steinbeck lại nổi giận: Ông không thích cái thái độ của nhiều người đối với nhân vật trong sách, những nhân vật tuy bị trình bày với một giọng giễu cợt nhưng rất được tác giả yêu mến trong thâm tâm. Nhân dịp sách ấy tái bản, ông viết:

Tôi viết những câu chuyện ấy ra bởi vì đó là những chuyện thật và bởi vì tôi thích nó. Nhưng cái đám mặt lưu trong văn nghệ đã đối xử với nhân vật tôi bằng cái khờ dại hèn hạ của bọn đài các khi họ khinh thị và thương hại các người dân quê. Những câu chuyện ấy đã in ra rồi, tôi không còn cách nào rút lại được nữa, nhưng từ nay tôi sẽ không bao giờ đưa những nhân vật thẳng thắn vui tươi, tốt bụng, ham mê nhục thú một cách đứng đắn và có cái nhìn ngay thẳng, có cái phong nhã vượt xa mọi khuôn phép lễ nghi ấy ra tiếp xúc với hạng người đoan trang nữa, sự tiếp xúc làm hạ phẩm giá họ. Nếu quả tôi đã làm hại đến họ trong khi kể lại một vài câu chuyện ngông cuồng của họ, tôi rất lấy làm tiếc. Từ giờ chẳng bao giờ có chuyện như thế nữa.»

Câu thể ấy thò ra năm 1937. Steinbeck giữ lời hứa được tám năm. Đến 1945 ông cảm lòng không nổi, lại đùa giễu cợt lẩn nhử trong cuốn *Con đường cá trích* (*Cannery row*): nhóm nhân vật tập trung ở một quãng đường nầy cùng một loại với nhóm nhân vật ở Tortilla Flat. Do đó, có giận dữ, thể thốt cũng vô ích, cái khiêu khích ngợm hóm hỉnh ấy, là bản tính của ông rồi, dờ hay âu cũng tính trời, ông không chạy đâu tránh khỏi (Người ta cho rằng khiêu ấy Steinbeck thừa hưởng của bà mẹ, giống Ái-nhĩ-lan, cũng như cái vóc dáng dềnh dàng kia là của người cha, gốc Nhật-nhĩ-man).

Nhưng đối với hạng dân nghèo không phải Steinbeck chỉ thú có cái

tính vô-tư-lự, những hành vi ngang tàng thành thực đáng mến của họ mà thôi. Steinbeck đã từng là thợ, đã sống cuộc đời thiếu thốn của họ, cho nên vào thời kỳ kinh tế gặp nhiều khó khăn và tổ chức nghiệp đoàn chưa đạt được kết quả mong muốn ấy, ông chia sẻ những ước vọng và nỗi bất bình của thợ thuyền, phu phen. Hai quyển *Bắt phân thắng bại* và *Chùm nho uất hận* viết theo khuynh hướng ấy. Quyển sau nói về một lớp nông dân nghèo khổ ở Dust Bowl đổ đi Californie rồi gặp cảnh thất vọng. Quyển trước nói về cuộc đình công thất bại của đám công nhân hái táo ở Californie do mấy cán bộ cộng-sản tổ chức. *Bắt phân thắng bại* ngay từ khi ra đời đã bị công kích do cả đôi bên. Phía tả chỉ trích mà phía hữu cò nhiên cũng không ưa. Rồi về sau tình trạng kinh tế nước Mỹ mỗi ngày mỗi khác, nghiệp đoàn Mỹ thay đổi hẳn tương quan giữa chủ và thợ, để tài quyền sách bị chê là lỗi thời, đáng lẽ nó đã chìm trong quên lãng theo với vô số cuốn truyện cùng khuynh hướng sản xuất theo trào lưu những năm 1930, nhưng cái tài phác họa những nhân vật cực kỳ linh động của tác giả đã cứu nó.

Tác phẩm xuất sắc nhất của Steinbeck phần nhiều là những truyện ngắn, và tập truyện dài được coi là tuyệt phẩm của ông cũng không tới hai trăm trang: đó là tập *Của chuột và người*. Cũng như nhan đề cuốn *Bắt phân thắng bại* căn cứ vào một câu thơ của Milton, nhan đề cuốn *Của chuột và người* do ở một câu thơ của Ro-

bert Burns: «những chương trình xây dựng hoàn hảo nhất của chuột và của người thường thường không thực hiện được» (The best laid schemes o'mice an'men gang aft a-gley). Quả vậy, đôi bạn chí thiết trong truyện chỉ mơ ước có mỗi một căn trại nhỏ với mấy con thỏ nuôi để vượt ải, thế mà rồi sự mơ ước ấy chẳng bao giờ thành. Đôi bạn đều không có nhà cửa, gia đình, đi lang thang làm thuê làm mướn ở miền thung lũng Salinas. Lennie vóc người to lớn nhưng lại khờ khạo dốt dần; anh ta có một sở thích là xoa vuốt mơn trớn những vật dịu mềm, xinh xắn như: chim chóc, chó con, chuột v. v. . . Hai người bạn đều mong có một ngày dành dụm được để tậu lấy một nông trại con con, chấm dứt cuộc đời làm thuê mà dừng lại sống bên nhau. Trong cái nông trại tương lai ấy, dĩ nhiên Lennie cần phải có một cái gì để vuốt ve. Anh ta bèn mơ thỏ. George hứa với bạn: thề nào cũng có thỏ, miễn là Lennie phải ngoan, đừng để xảy ra thêm chuyện gì rầy rà. (Bởi vì cái tật vuốt ve của Lennie đã gây ra lắm chuyện phiền phức, khiến đôi bạn luôn luôn bị đuổi đi hết chỗ này tới chỗ kia). Hai tâm hồn ấy nương vào nhau: trước mặt họ có một giấc mơ, có một tương lai. Hàng ngày mỗi khi rảnh tay họ lại tìm tới bên nhau, kể nói chuyện trại, người nói chuyện thỏ, mê say... Họ không cô đơn. Lennie ý thức cái đó, anh ta thấy xung quanh mình có chán vạn người sống cô độc, riêng rẽ... Còn anh ta với George thì lúc nào cũng có nhau, có

trại và có những con thỏ của ngày mai. Thề rồi chuyện đáng tiếc xảy ra : một người đàn bà lẳng lơ thích cái sức khoẻ của anh chàng không lồ Lennie, chọn một lúc vắng người lân la đến bên cạnh anh ta. Anh được phép vuốt thừ mớ tóc của người đàn bà. Lennie luôn luôn nhớ lời bạn, anh ta có thể từ chối mọi cám dỗ, ngoại trừ cái cám dỗ được vuốt ve. Nhưng anh vuốt mạnh tay quá. Người đàn bà hoảng hốt, la lên. Lennie sợ nhớ lời bạn, anh sợ quỳnh vội vàng bịt mồm người đàn bà lại. Người đàn bà càng dẫy dựa anh càng sợ hãi, bịt miệng chặt. Và anh lại hành động mạnh tay quá : người đàn bà chết trong tay anh ! Chuyện phiền phức này vô phương cứu chữa. Lúc George hay tin, chạy đến chỗ ẩn núp của Lennie, đôi bạn lại mê say nói về giấc mơ căn trại nhỏ ; trong lúc Lennie mê tơi với những con thỏ của anh ta thì George bắn vào đầu người bạn ngây ngô đáng thương của mình một viên đạn.

Người ta để ý các tác phẩm quan trọng của Steinbeck đều kết cuộc trong sự thất bại, thậm chí một cảm giác cô đơn sâu xa.

Maurice Edgar Coindreau cho rằng truyện « *Của chuột và người* » đặt hẳn Steinbeck lên hàng đầu các văn sĩ của thế hệ ông. (2) Kessel viết ở bài tựa : « Quyền sách này ngắn. Nhưng uy lực của nó sẽ lâu dài » (3) John Brown nói : truyện có « cái toàn hảo cổ điển » (4). Robert Kanters thì nói rằng « nếu chỉ được chọn lấy một

trong các tác phẩm của Hémingway thì tôi sẽ chọn cuốn *Giã từ vũ khí*, còn về Steinbeck thì chắc chắn là cuốn *Của chuột và người*. (5)

Robert Kanters chọn *Của chuột và người*, nhưng khán giả đông đảo được xem *Tortilla Flat* trên sân khấu thì lấy làm khoái lắm, và mặt khác tiếng tăm Steinbeck được vang dội rộng rãi ở Âu Mỹ độ nào lại là nhờ *Chùm nho uất hận*. Bởi vậy ta hãy coi trọng cả ba phương diện của tâm hồn nhà văn này : nụ cười hóm hỉnh, những cơn thịnh nộ âm ỉ, và cái triu mến xót thương. Tâm hồn này hướng về người bình dân, ít học, ngay thực, đơn giản.

* *

Đối với Steinbeck nhiều nhà phê bình thường gặp nhau ở mấy điểm này :

Thế giới sở trường của Steinbeck là thôn quê với hạng thất học, gần như sơ khai. Nhân vật của ông hầu như ít có tính người hơn là tính sinh vật. (người ta đổ cho mấy năm chuyên về sinh vật học của ông ở nhà trường).

Những câu nói cộc lốc, ngắn gọn của các nhân vật này thường khi tưởng không phải để diễn một chân lý nào, mà chỉ là để biểu tỏ những nhu cầu sơ đẳng của sinh vật. Bởi vậy Steinbeck viết về ngựa, về

(2) Bài Giới thiệu (Introduction) bản dịch Pháp văn cuốn *Của chuột và người*.

(3) Bài Tựa cuốn sách nói trên.

(4) *Biểu nhất lãm văn học hiện đại Hoa-Kỳ*.

(5) Báo *Le Figaro* văn học số ra ngày 3-11-62.

chuột, về thỏ, về anh chàng Lennie dở người, về đám thợ hái táo v. v... thì tuyệt hảo, nhưng khi ông sống giữa tiện nghi ở Nữu-Uớc và viết về cuộc sống ở đây thì ông hồng: sự thất bại *Mùa đông của nỗi bất bình chúng ta* (*The winter of our discontent*).

J. Steinbeck là người của thể giới cụ thể ghi nhận bằng giác quan, chứ không phải của tư tưởng trừu tượng. Ông có đôi mắt tinh tường, thu nhận các chi tiết của cảnh sinh hoạt quanh mình thực đầy đủ, và nhất là có hai lỗ tai thần tình: các lời chuyện trò của thợ thuyền, lao động, do ông ghi lại hết sức thật, hết sức linh động. Điểm này đã làm ra phần lớn giá trị của các tác phẩm ông như *Của Chuột và người*, *Chùm Nho uất hận*... Chính những gì do các giác quan sắc sảo của ông thu thập đã đem lại sự linh động và một thú vị lạ lùng cho tác phẩm. Nhưng đến khi ông lên tiếng lý luận, về bất công xã hội, về chính sách nghiệp đoàn, lao động v.v. thì luận điệu của ông xoàng xĩnh hết sức, thấp kém, nhàm... J. Brown (4) thì cho rằng đó là sự vụng về chung của người Mỹ trong thể giới của những ý tưởng trừu tượng, còn Jacques Cabau (6) thì tệ hơn, coi ông là một « tiểu thuyết gia không có tưởng tượng, không có đời sống nội tâm »!

Nhưng J. Steinbeck lại bị chê là có một lối buông tuồng tình cảm đôi khi quá dễ dãi. Những cuốn tiểu thuyết như cuốn *Chén vàng* (*The Cup of Gold*) làm cho ông có vẻ « non » quá để có thể xứng đáng được liệt

vào hàng những nhà văn lớn lao. J. Brown tưởng tượng một cách mỉa mai: giả cuốn truyện nói trên đem ra quay phim màu, để cho Tyrone Power đóng vai chánh thì tuyệt!

**

Cái tài ghi nhận bằng hai tai tinh mẫn lạ lùng của J. Steinbeck khiến cho đối thoại trong sách ông rất hay. Và ông biết khai thác cái sở trường của mình: trong hầu hết các tác phẩm thành công của ông, đối thoại chiếm một chỗ quan trọng. Đặc biệt là trong cuốn *Của chuột với người*. Cuốn này cùng với hai cuốn nữa: *Trăng lặn* (*The moon is down*) và *Ngon lửa* (*Burning bright*) tác giả mệnh danh nó là tiểu thuyết kịch (roman pièce). Để tựa quyền thứ ba trong loại này — quyền *Ngon lửa* — tác giả trình bày chủ định của mình:

Có nhiều lý do khác nhau khiến tôi muốn viết theo loại này. Tôi thấy một số kịch tuồng đem ra đọc có vẻ khó khăn và không phải chỉ riêng tôi thấy như vậy. Chuyện đọc kịch chỉ dành riêng cho hạng người chuyên môn, cho sinh viên về ngành sân khấu và cho một số độc giả tương đối ít ỏi say mê kịch nghệ thôi: Do đó, tôi muốn trước tiên là viết ra một vở kịch có thể có một số độc giả rộng rãi hơn bởi vì nó ra đời dưới hình thức tiểu thuyết thường, một hình thức quen thuộc hơn.

Lý do thứ hai là loại tiểu thuyết kịch dành một địa hạt rộng rãi hơn cho trí

(t), Tập chí *L'Express* số ra ngày 1-11-1962

tưởng tượng của diễn viên, của người điều khiển, người sản xuất và của độc giả. Trong một vở kịch, lời mô tả tâm lý thông thường là như thế này: « Kỹ nghệ gia, bốn mươi tuổi », lời ấy dành cho tưởng tượng rất ít chỗ. Dành rằng người ta có thể bảo đòi với một lời mô tả rõ gọn tới bậc ấy thì tất cả gánh nặng của sự mô tả tâm lý trút cả lên phần đòi thoại và nghệ thuật của diễn viên trên sân khấu. Và lời ấy để cho sự tưởng tượng của người điều khiển và người dàn cảnh được tự do hơn.

Có thể bác những lý lẽ đó, trước hết là vì đòi với hạng tài tử và giới sân khấu thì được biết rõ về dụng ý của tác giả hơn nhất định chỉ có lợi mà không có hại gì, và việc biết rõ ràng các chi tiết liên quan đến động tác vở kịch không hề trở ngại công việc của người điều khiển, của diễn viên hay nhà dàn cảnh, mà còn giúp ích họ nữa là khác.

Còn đòi với những ai không xem trình diễn, thì các chi tiết ấy lại thành ra một sự giúp ích mà họ có quyền đòi hỏi.

Trên đây, Steinbeek chỉ nói tới những lợi ích mà các chi tiết mô tả của thể tiểu thuyết có thể mang đến cho thể kịch. Ông không nói tới lợi ích trái lại mà hình thức đòi thoại của kịch mang đến cho tiểu thuyết. Cái lợi đó không phải các nhà đạo diễn, diễn viên, khán giả, độc giả v. v... hưởng, mà là... Steinbeck hưởng! Bởi vì đưa được cái không khí linh động của đòi thoại đó vào tiểu thuyết, ông tha hồ vùng vẫy.

Và hình như không riêng gì Steinbeck, cái tài dùng những câu nói trao đổi loạn xạ để dựng lên một cảnh

sinh hoạt, vẽ ra những nét tâm lý rất thực, rất cụ thể ấy, người ta gặp được ở rất nhiều nhà văn Mỹ sau này. Các nhà văn Châu Âu trước kia chuyên phân tích dài dòng, suy luận sâu xa, còn những nhà văn Mỹ họ đưa thẳng cuộc sống tới tập ghi nhận bằng tai, mắt, mũi, bằng các giác quan vào sách. Và họ dựng nên cuộc sống rất tài. Sở trường đó đã được châu Âu chú ý và sau cùng đòi thoại hình như càng ngày càng có một địa vị quan trọng trong tiểu thuyết.

Trong quyển *Lịch sử tiểu thuyết hiện đại* (7), R. M. Albérès có đem một đoạn truyện *Adolphe* của nhà văn Benjamin Constant viết theo lời trước kia, « phiên dịch » ra giọng tiểu thuyết ngày nay. Bản « phiên dịch » thú vị này chứa toàn đòi thoại. Albérès kết luận: « Mỗi thời có một bút pháp riêng ».

Vậy đòi thoại phải chăng đó là bút pháp của thời này? Có lẽ sự việc không đơn giản, dễ kết luận như thế. Tuy nhiên, quả là trong những tác phẩm tiểu thuyết có tham vọng đi sâu xa vào tâm hồn nhất hiện nay, người ta cũng không ngại dùng đòi thoại, thay thế sự phân tích suy luận. (Quyển truyện *Lòng xót thương của Chúa* (*La pitié de Dieu*) của Jean Cau được giải Goncourt năm ngoái cũng rất có thể xếp vào loại tiểu thuyết kịch).

*
* *

Bây giờ bỏ qua các nhận định về kỹ thuật, ta hãy xem nhà văn được

(7) *Histoire du roman moderne* của R. M. Albérès do Albin Michel xuất bản (1962).

giải Nobel năm nay quan niệm về sứ mệnh sáng tác của mình như thế nào ?

— Tại sao người ta viết một tác phẩm ư ? Bởi vì người ta tự cảm thấy sự cần thiết phải viết mạnh hơn là tất cả mọi lý lẽ viện ra để khỏi viết. Một sự cần thiết bộc lộ ra bằng cái ý muốn thỉnh linh gác lại mọi việc khác : những dự kiến khác về sách vở, những công việc khác, những nhu cầu khác.

... Đôi khi, do cơ hội, do một va chạm khám phá. Đó là trường hợp cuốn *Chùm nho uất hận* của tôi chẳng hạn. Hồi đó, tôi làm việc tại một tòa báo ở Cựu-Kim-Sơn. Người ta yêu cầu tôi viết một cái phóng sự về các nông dân miền « Dust Bowl », tôi lên đường đi viết phóng sự. Một thiên phóng sự, không phải một cuốn sách. Đến khi tôi đến giữa đám người ấy, giữa nỗi khốn khổ, hoang mang, hy vọng rồi lại thất vọng của họ, khi tôi trông thấy cuộc chạy trốn một thảm kịch của họ lại đưa tới một tấn thảm kịch khác, và lần này không phải là sự kiện của thiên nhiên mà là của con người gây ra, khi đó tôi quên hẳn là mình đến để làm một công việc do người ta yêu cầu. Tôi bắt đầu thai nghén cuốn *Chùm nho uất hận* (8).

Về vấn đề nhà văn có phải quyết định « tham gia » vào một phía nào chăng, ông nói :

— Có và không. Một nhà văn cần nói ra điều mà họ cảm thấy, và nếu có cái gì xúc động họ thực tình thì trừ phi họ không còn phải là chính họ nữa và không còn là một nhà văn nữa, họ không thể nào tự ngăn cản quyết định tham gia (8).

Nhà văn có cần được sự đồng tình của đa số không ?

— Điều cần thiết chủ yếu của họ là cảm thấy đồng tình với chính mình. Nếu đa số cũng tán thành thì càng hay (8).

Còn nếu như đa số chống lại thì nhà văn có nên thuyết phục chăng ?

— Một lần nữa, tôi bảo rằng nhà văn không có bốn phận với ai cả, với đa số cũng như với thiểu số. Nhưng nếu họ yêu ghét phải chỗ, thì trong khi phát biểu ý kiến của mình tự khắc họ cũng phát biểu được sự thực của kẻ khác (8).

Riêng về phần ông, ta đã thấy ông mền những người bình dân dốt nát, ông lại ghét sự kỳ thị chủng tộc (Về điểm này ông trái nghịch hẳn với W. Faulkner).

Còn lẽ lối sáng tác của nhà văn ấy cũng có một chỗ na ná giống với của Hémingway. Hémingway coi viết sách cũng như thể là mức nước hay như là làm ái tình : mức cạn đó rồi mạch lại tuôn ra đó, làm mệt đó rồi sức nó lại khoẻ ra để chuyên sau vẫn làm nữa... Steinbeck, thì ngay ở đầu quyển *Ngao du với chó đã ví* viết tiểu thuyết cũng như một cuộc du lịch dài.

Cuộc hành trình này, nó cũng gần giống như bắt đầu một cuốn truyện. Khi tôi tự thấy không thể nào viết nổi năm trăm trang, tự dừng tôi có một cảm tưởng thất bại. Lần nào cũng thế cả. Rồi thì tôi cứ viết dần dần hết trang nọ đến trang kia ».

(8) Phỏng vấn của Léo Sauvage trên tạp chí *Le Figaro* văn học số ra ngày 3-11-62.

Tâm sự ấy khá dĩ an ủi được những kẻ cầm bút cảm thấy bị sa lầy ngao ngán giữa một tác phẩm dài, tự thấy bất lực đâm ra nghi ngờ khả năng mình.

*
* *

Lần nào trước khi khởi sự một tác phẩm J. Steinbeck cũng tưởng mình bất lực cả, thế mà rồi dần dà từng trang một ông tạo nên một sự nghiệp văn chương để được cấp giải thưởng Nobel.

Tin đó vừa loan ra, tức thì một thắc mắc được nêu lên: Steinbeck có xứng đáng giải Nobel chăng? Dĩ nhiên là có những người đã xét là ông xứng đáng, nhưng lại cũng có khá đông người khác cho rằng ông không xứng. Giữa sự phân vân của dư luận ấy, Steinbeck đứng về phía thứ hai! (9) Tuy vậy mà vợ chồng ông vui vẻ trông thấy, trên một tấm hình của hãng *Unitel Press* chụp ngay khi tin mừng bay đến gia đình này.

Về phía những kẻ chê Steinbeck, họ cho rằng đời với sự nghiệp trước tác của riêng Steinbeck thì phần thưởng lớn lao này đến chậm mất mười lăm năm: thời kỳ oanh liệt của ông qua rồi, mười lăm năm nay ông không còn viết được gì đáng kể nữa, so với trước kia. Lại đối với sự tiến triển của trào lưu văn học thì giải thưởng trao chậm đi mất quá nửa thế kỷ: bởi vì khuynh hướng tả chân của Steinbeck đã cũ rồi, đã bị vượt qua từ lâu rồi.

Hỏi đến đương sự về vấn đề này thì Steinbeck có ý kiến rằng giải thưởng được trao cấp quá... sớm!

— Tôi thường có cảm tưởng rằng những giải thưởng văn chương lớn, trong ý nghĩa xác định tất cả một sự nghiệp chứ không phải là một tác phẩm riêng rẽ nào đó, được cấp sớm quá.

Sớm quá trong cuộc đời của nhà văn được thưởng. Một sự nghiệp nhìn chung đáng lẽ chỉ nên xét đến khi nó đã hoàn thành. (8)

Ông lại lo ngại trước những nhiệm vụ nặng nề, những dè dặt thận trọng cần thiết của một người được đưa thành linh lên một vinh dự quá cao. Trường hợp này cũng tỉ như một người chưa hề được chuẩn bị bỗng nhiên được phong chức linh mục, tự thấy đặt mình trước một nhiệm vụ dàu dàu, một sứ mệnh lớn lao.

Cái đó có thể giúp cho vị linh mục trở thành linh mục. Cái đó có thể ngăn cản nhà văn tiếp tục làm nhà văn (8).

— Tại sao vậy?

Steinbeck nêu lên vài tỉ dụ, trong số những chuyện nhỏ nhất sẽ gặm nhấm tiêu mòn cái tự do sáng tác.

Một người trúng giải như vậy có quyền đùa cợt nữa chăng?

Người ấy có quyền viết về những đề tài không cao quý chẳng, hoặc là viết một cách không cao nhã về những đề tài được xem là cao quý chẳng? (8).

Dù thế nào mặc lòng, cũng như những lần khác trước khi bắt đầu viết năm trăm trang, Steinbeck ngán ngại, nhưng ta chắc chắn lần này rồi ông sẽ làm được vai trò một nhà văn lãnh giải Nobel như bất cứ ai!

(9) Tạp chí *Thời báo (Times)* số ra ngày 2-11-1962.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim



LUÂN - ĐÔN TÔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2.



SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)



NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaup Preah Kossamac



CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Những nghề mới lạ ở xứ Pháp

NƯỚC Pháp được tiếng có nhiều tự do nhất ai muốn sống cách nào tùy thích mà đồng thời đời sống lại vừa cực khổ khó khăn vừa xa hoa phù phiếm, nên nhu cầu về vật chất và tinh thần của con người đi đến chỗ phức tạp. Có lẽ vì thế mà lần lần người ta thấy trong cuộc sống có những khoảng hở cần nối liền bằng những phương tiện thích ứng. Với sự đòi hỏi của con người ở thời đại văn minh đầy gian khổ này, mà ngoài những nghề bạn có biết qua, người ta còn tạo ra những nghề mới lạ mà bạn chưa từng nghe thấy.

Trước khi nói đến những nghề mới lạ trên đây, tôi xin kể thêm những phương tiện sống dịp hè của du học sinh và thanh niên bên này mà có lần tôi đã thuật trên mặt báo Bách-Khoa nhưng chưa đầy đủ.

Vì gặp nhiều khó khăn trong việc sống nhờ tiền trợ cấp của gia đình mà sinh viên Việt phải đi làm trong mấy năm gần đây rất đông. Thường các cậu hay lựa

những nghề nhẹ nhàng như dọn ăn trong các hiệu cơm, làm hướng dẫn viên trong các đoàn trẻ em đi nghỉ hè, giữ con còn bú cho các bà đi xem hát ban đêm, xét vé xe lửa ở các nhà « ga » lớn, lựa thơ ở sở bưu điện. Rất ít người lựa nghề khâu vác hàng hóa hoặc thùng rượu cho các hãng buôn, vì làm nghề này tuy khá lương nhưng họ phải đi theo xe giao hàng cho các tiệm hoặc ở các phiên chợ. Công việc này nặng nhọc cũng như lãnh đóng thùng bay gói đồ ở các nhà hàng to, chỉ vừa sức với sinh viên Âu-Châu hơn. Nhưng ngộ biến phải từng quyền, nhiều cậu sung sướng đã quen mà gặp cơn trống túi cũng phải vác những thùng rượu to đi lên nhiều tầng lầu thang gác cao thẳng đứng. Nhiều cậu phải thức dậy lối một giờ khuya để rửa những chiếc xe « autobus ». Vào giờ này tất cả xe đều chạy về hãng nghỉ. Xe rất nhiều nên số người lãnh rửa cũng khá đông, tuy vậy họ làm việc từ nửa đêm đến 4, 5 giờ

NHỮNG NGHỀ MỚI LẠ Ở XỨ PHÁP

sáng mới xong và rửa mỗi chiếc lảnh tiền công độ 1500 frs. Số tiền kể cũng khá nhưng đêm khuya lạnh lẽo ít cậu có can đảm lảnh rửa một mình một chiếc xe to, nên hai ba cậu chia nhau sau một đêm làm việc cực khổ tiền công cũng chẳng được bao nhiêu. Riêng năm nay, chỉ trong một hăng bảo hiểm mà có đến 80 sinh viên Việt lảnh làm về bút toán; nhiều cậu tuổi mới độ 16, 17 tuổi mà thôi.

Còn về trường hợp các cô sau đây bạn nghe qua không khỏi tức cười. Thường người ta học đến trình độ có thể ra dạy học được thì mới làm nghề giáo viên. Nhưng các cô người ngoại quốc này không biết rành Pháp ngữ mà cũng làm nghề dạy học cho trẻ em Pháp.

Các cô rất tự hào cho tôi biết rằng: lúc mới sang Pháp các cô phải lảnh làm công việc nhà rất cực khổ để học Pháp ngữ, rồi khi bập bẹ được chút ít tiếng bản xứ các cô xin vào những gia đình người Pháp dạy những trẻ em hoặc vì khó dạy hay vì bệnh mà không thể đến trường học được. Cha mẹ các em này cho các cô ăn, ở, trả tiền xe và học phí để mỗi ngày các cô vào trường ghi chép thật kỹ những gì các cô học được về dạy lại con họ. Như vậy các cô đỡ vất vả, đã có thì giờ nhiều để học mà còn nhớ và hiểu rõ bài vở của mình hơn các bạn đồng lớp.

Phương tiện sống rất nhàn và có ích lợi cho sự khai thác là nghề « expertise musicale ». Sở dĩ tôi gọi đây là một phương tiện vì người làm công việc này mà không tìm một nghề khác để sống nữa thì sẽ chết đói. Làm nghề này phải là nhạc sư hay nhà chuyên khảo âm nhạc.

Mỗi khi trong các bảo tàng viện hay đài phát thanh có những đĩa hát mà nhân viên các sở này không biết là của nước nào, thì họ phải nhờ đến các ông trên đây đến nghe để truy nguyên những tài liệu đó. Nhờ vậy nhân viên sở vô tuyến điện khỏi sợ lảm lặc mỗi khi cho một tài liệu vào chương trình phát thanh và nhân viên bảo tàng viện cũng biết rõ nguồn gốc tài liệu để xếp đặt cho có thứ tự. Công việc này đem lại tiện lợi không nhỏ cho các nhà khảo cứu âm nhạc trên thế giới đến học hỏi ở xứ Pháp.

Cũng có những người chuyên xem nhạc khí, nghe tiếng nói trong đĩa hoặc trong phim. Khi muốn thay tiếng nói cho một cuốn phim, các nhà đạo diễn thường tìm những người Việt, Miên, Lào, Tàu, Nhật v. v... giúp họ. Và hiện thời cái gì có mang mùi vị, hình dáng hoặc âm thanh Á-Đông đều đang được thanh hành bên này; cho đến nét môi dày, con mắt xếch, mũi không nhọn cũng được người ta để ý trong khi trang điểm.

Ngoài những phương tiện sống trên, tôi xin kể cho bạn nghe về những nghề mới lạ.

* *

Đây là nghề của những người không có xe hơi mà vẫn được cầm chìa khóa và lái xe đủ hiệu.

Có được một chiếc xe ở bên này rất tiện lợi cho sự đi lại, nhưng lúc bạn có việc gấp muốn kiếm chỗ đậu liền, thì có khi bạn chạy hết đường này sang đường nọ gần cả giờ cũng không tìm ra. Ở các ngã tư ngã bảy, trước các công sở hay nhà hàng to là nơi thiên hạ cả ngày tấp nập và xe cộ qua lại không ngớt, vì thế mà sở cảnh

sát ra lệnh cấm không ai được đậu xe tại các vùng đó trên một tiếng đồng hồ; các con đường bị cấm đậu xe này gọi là « zone bleu ». Nếu muốn cho hiệu buôn mình được đất hàng, chủ nhân các nhà buôn to làm những cái « Parking » cho khách hàng có chỗ đậu xe; vào đó mỗi chiếc xe phải trả 100frs. Nhiều chủ nhân nhà buôn hay khách sạn thật to và sang mà không có một cuộc đất để làm « Parking », thì bỏ tiền ra mướn những người làm nghề « đổi chỗ xe hơi » để lo liệu việc xe cộ cho khách hàng của mình. Khi có việc cần đến đây bạn cứ giao chìa khóa xe cho các chủ nhân, họ sẽ bảo người làm « nghề đổi xe » đem xe này tráo vào chỗ người nọ mỗi giờ một lần thì bạn khỏi bị phạt vạ. Luật đi đường bên này rất nghiêm, bạn dễ bị phạt nhiều lần trong một tuần thì chẳng những tiền phạt mỗi lần bị tăng gấp đôi mà còn bị thu giấy phép lái xe lại. Nhiều người muốn tránh phạt vạ mà khi có việc gấp không tìm ra chỗ đậu, họ phải để xe thật xa rồi lấy tàu hăm đi đến chỗ làm việc; đi bộ đã mệt, tốn tiền xe và mất nhiều thì giờ thật là bức dọc.

Nghề nào tương đối cũng phải cực khổ mới có sống, riêng nghề tôi sắp kể đây thật là « bất hủ ». Không biết trên thế giới có nước nào có nghề này chăng, riêng tôi, chỉ thấy có ở Pháp mà thôi; ấy là « nghề đi ăn ».

Bên này lắm người sành ăn sành uống đến nỗi họ biết phải ăn món gì với nước « sauce » (sốt) gì và uống thứ rượu gì. Có người chỉ uống vào một ngụm rượu thì họ biết ngay rượu hiệu gì và làm ra hời năm nào. Phần đông người Pháp

không biết uống nước lã, và hiện nay lại có một người nổi tiếng là sành rượu, khi uống vào không bao giờ y nói sai hiệu rượu và năm « sanh » của nó. Vì thế người ta đặt một chuyện cười rằng: Hôm nọ, trong bữa tiệc lớn có người đưa cho ông sành rượu này một ly nước lã và đánh cá với ông: đố ông biết đó là thứ rượu gì. Ông uống vào rồi ngo ngoắt cả canh và chịu thua cuộc! Tại Ba-Lê có một nhóm người giàu có ưa ăn uống cho thật ngon và mỗi khi nghe có hiệu cơm nào nổi danh là họ đi đến ăn ngay. Họ nếm qua thực phẩm, xem cách trình bày và tiếp đãi của hiệu cơm đó, nếu họ hoàn toàn vừa ý thì họ cho bằng cấp và huy chương. Hiệu cơm này sẽ phát đạt hơn xưa vì khách sành ăn ở xứ Pháp đều nghe tên và tin cậy nơi nhóm này. Lâu lâu họ bày ra những giải thưởng thật lớn cho tất cả các đầu bếp những hiệu cơm danh tiếng ở xứ Pháp đến dự. Không nói bạn cũng biết bao nhiêu đầu bếp giỏi đều phải ra sức trở tài nấu những món ngon đặc biệt đem dâng cho họ. Người nào nấu ăn vừa ngon vừa mau và trình bày thật khéo thật đẹp thì được lãnh thưởng và bằng cấp; chủ tiệm của họ hạnh diện và phát tài thêm.

Hội « Cordon bleu » và « Guide Michelin » cũng làm việc này. Chắc bạn cũng có nghe những người Việt học nấu ăn hay làm bánh ở Pháp về mà có được bằng cấp của « Cordon bleu » là danh dự ra sao rồi. Còn « Guide Michelin » thì « gắn lon » cho các hiệu cơm. Hiệu cơm nào được gắn « 5 cái nĩa » (5 fourchettes) tức là cũng giống như khách sạn được gắn « 4 ngôi sao » vậy. Họ còn cho biết những hiệu cơm sang không nên để cho phụ nữ dọn ăn, làm như vậy tiệm sẽ bị

NHỮNG NGHỀ MỚI LẠ Ở XỨ PHÁP

xuống hạng (classe) liền. Thật đúng nơi này là một xứ mà phụ nữ được ưu đãi trong khắp chốn.

Cuốn « Guide Michelin » mỗi năm bán ra được hàng mấy triệu. Du khách bốn phương đều tin cậy nơi cuốn « Guide » này và mỗi khi họ muốn đến xứ Pháp du lịch thì họ kê cứu trong đó để biết qua nơi mình sắp đến và sẽ ăn ở.

Trong nghề ăn có ông Robert Courtine là danh tiếng và được cho là sành ăn nhất nước Pháp. Ông có viết mấy cuốn sách nói về cách ăn, cách nấu ăn, cách dọn ăn và cách tiếp đãi. Chu đáo và hưởng lạc trong chu ện ăn. Ông Robert Courtine chắc còn hơn Thi sĩ Tân-Đà gấp mấy lần ! Khi ông Robert Courtine đến hiệu cơm nào mà chủ nhân đã nhận ra mặt, thì chẳng những họ không dám lấy tiền ông mà còn tự cho mình được một ân hạnh. Chủ nhân tiếp đãi vô cùng nồng hậu còn đầu bếp thì vái tỏ rồi đem hết tài nấu một bữa cơm ngon xuất thần để đãi ông. Khi ông vừa ý và viết báo khen tiệm nào rồi thì nhất định tiệm đó sẽ phát tài.

Đây, qua bao nhiêu cách sống, bạn thấy con người lo cho được no lành, thỏa thích rồi lại nghĩ đến êm ấm trong việc lập gia đình.

Nghề đăng báo kiếm bạn cho thiên hạ bên này có giống phần nào với « mục tâm tình » của vài tờ báo bên nhà. Nhưng tôi gọi đây là một nghề vì — khác hơn bên nhà — những người muốn kiếm bạn phải trả tiền hẳn hoi cho người coi sóc việc kiếm bạn ; giống như những người muốn mua nhà vườn đất bên mình phải trả một số tiền cọc cho người trung gian vậy. Người muốn kiếm bạn đời thuộc nam hay

nữ đều phải gửi đến phòng chu ện lo việc này những giấy tờ cần thiết để kê rõ tên họ, nghề nghiệp, tuổi tác, gia thế tính tình. Ví dụ : Ua thích những gì ? Có nhà cửa gia tài chẳng ? Nếu có số làm thì lương bao nhiêu một tháng ? Đẹp hay xấu ? Có bệnh chẳng ? Có kết hôn lần nào và có con riêng chẳng ? Muốn kiếm bạn người như thế nào ? Và điều kiện sau hết là đừng quên kèm theo một tấm hình và số tiền cọc độ 7.000 (bảy ngàn đồng bạc ta). Tùy theo đó người có phận sự lo việc kiếm bạn xem xét hình dáng, tánh tình và điều kiện giao kết của hai bên.

Cặp nào có nhiều điểm hợp nhau thì họ cho hai bên cùng biết sơ qua người bạn tương lai khả dĩ đó. Nếu hai người bằng lòng thì trao đổi hình và thơ từ cho nhau qua tay nhân viên của phòng này, bao giờ hai bên chịu gặp nhau tức là người đưa mối đã làm xong phận sự và số tiền cọc kể như tiền công. Họ xe to theo thời nguyên tử nên chỉ lấy tiền công, không hưởng mâm to hồng, không đầu heo, nhưng duyên số và may rủi đều tùy hai người kia định đoạt, họ không chịu trách nhiệm như mai dong bên mình.

Nhưng đây cũng chỉ là đưa đường dắt ngõ về một mặt thôi. Nghề dưới đây mới thật có ích lợi cho thiên hạ về tất cả mọi mặt mà trừ một số của người Pháp ở tại Ba-Lê thì trên thế giới không đâu có nữa.

Tên sở này tôi tạm dịch là « xin ông vui lòng » (S'il vous plaît). Mỗi khi bạn thắc mắc điều gì hay cần biết tất cả chi tiết trong một ngành nào, bạn đều có thể kêu điện thoại đến hỏi thăm sở « S'il vous plaît ». Ví dụ về :

Luật pháp: bạn muốn mượn tiền để mua nhà thì bạn phải mượn ở đâu? cần phải có những điều kiện gì? phải trả tiền lời bao nhiêu? Kiện tụng giữa vợ chồng, ly dị, chia gia tài, hợp đồng giữa chủ với người làm công v.v...

Thương mại: Bạn muốn mở hiệu buôn lớn về một món hàng gì, bạn có thể hỏi thăm họ để biết đã có bao nhiêu hiệu buôn về món hàng đó rồi? Hàng của các hãng này bán giá bao nhiêu? Muốn buôn bán về xuất nhập cảng hàng đó phải có bao nhiêu vốn? Tiền môn bài (patente) và thuế má ra sao? Làm sao xin được mẫu hàng? Nếu bạn muốn nhờ họ xin mẫu hàng ở nhiều nơi bạn cũng được như ý.

Kinh-tế: Hàng hóa và giá trị về ngoại tệ trên thị trường thế giới v.v...

Nghề nghiệp: Bạn muốn biết nên học nghề nào để khi ra đời sống được dễ dàng. Học bao lâu xong? Tốn học phí bao nhiêu mỗi tháng? Học thành tài làm việc ở đâu và được bao nhiêu lương một tháng? Và bất cứ bạn muốn học nghề nào bạn đều có thể nhờ họ cho biết rõ tất cả chi tiết.

Văn hóa: Bạn có thể hỏi Triết học Sartre, hay đạo Cao-đài là gì chẳng hạn; họ cũng trả lời cho bạn được.

Tiện lợi như thế, nhưng nếu bạn muốn biết các điều trên đây trong lúc cần thì trước hết bạn phải có điện thoại trong nhà rồi bạn xin thêm « con số » của số « S'il vous plaît ». Như số điện thoại, bạn đóng tiền thuê cho họ mỗi tháng là 3.500 frs. Số này có liên lạc với số bưu điện nên hàng tháng bạn có thể thanh toán tiền điện thoại và tiền thuê một lần cho số bưu điện. Khi bạn hỏi thuê, họ sẽ cho

bạn một con số, rồi khi bạn có việc cần hỏi thăm bạn chỉ quay ba chữ S.V.P. thì nhân viên số này sẽ hỏi tên họ và con số họ đã cho bạn. Khi thấy con số và tên họ bạn đúng như họ đã ghi trong sổ thì họ mới chịu tiếp chuyện với bạn. Nếu họ không biết rõ ràng những chi tiết về việc bạn hỏi thì 15 phút sau họ sẽ kêu điện thoại lại trả lời cho bạn rành rẽ. Sự làm việc của số S.V.P. đem tiện lợi cho mọi người trong các giới và nhất là cho thương gia. Người trên thế giới ngợi khen và hoan nghinh người có sáng kiến lập ra số này. Trên bốn chục nhân viên của họ học lực đều đến cỡ tấn sĩ, cử nhân, bác sĩ và những chuyên gia các ngành. Bạn có thể hỏi về thuốc, về đời sống hằng ngày cho đến việc giải trí như: chương trình các rạp hát lớn, các vũ trường hay rạp chớp bóng. Chẳng những họ giải thích cho bạn rã rã căn kê mà còn mua được vé hát đem đến tận nhà cho bạn nữa. Tất cả những công việc họ lo cho bạn ngoài sự trả lời điện thoại, bạn phải trả công thêm cho họ.

Người sống đã có người lo về tiện lợi và hạnh phúc mà những người thất chí muốn từ bỏ cuộc đời thì cũng có người lo khuyên nhủ.

Thỉnh thoảng trong đài vô tuyến điện và vô tuyến truyền hình có nhân viên của số khuyên người đừng tự tử nhắc đi nhắc lại cho thiên hạ nhớ số điện thoại của ông (nên nói rõ là người làm việc này không lấy tiền của ai cả), để khi có một người vô phước nào không giải quyết được việc mình đến muốn tự tử mà còn bám níu cõi đời một lần cuối thì gọi điện thoại đến số trên đây. Họ sẽ giúp người đó giải quyết việc riêng, giải thích khuyên nhủ,

NHỮNG NGHỀ MỚI LẠ Ở XỨ PHÁP

cho người đó thêm can đảm và tin tưởng để loại bỏ ý định tự tử đi.

Bên này đến tuổi râu tóc bạc phơ người ta vẫn làm mướn kiếm sống. Nhưng ông già thường lãnh giữ nhà, lượm giấy và quần áo cũ trong thùng rác bán lại cho các hãng làm giấy hoặc đi quét hăm « métro ». Các bà lão không còn bươn chải nổi thì ngồi một chỗ bấm vé cho hành khách đi tàu hăm hoặc làm nghề giữ cầu tiêu. Nghề sau này tuy không được sạch sẽ nhưng các bà cũng được sống nhàn; khách vào phóng uế ở vài nơi phải trả theo giá nhất định từ 10 quan đến 20 quan cũ, còn hầu hết các nơi khách muốn cho bao nhiêu tùy ý. Chỉ có nghề dưới đây, khi nghe đến chắc bạn không khỏi buồn như lúc tôi kể lại.

Hẳn bạn đã biết ở trường dạy môn hội họa và các họa sĩ thường mướn những người đàn bà ngồi làm mẫu khỏa thân để vẽ. Bạn có vào trường dạy sửa sắc đẹp và dạy « đấm bóp » (massage) thì bạn sẽ thấy thêm người ta mướn những bộ ngực đàn bà cho học trò học. Những người sống với nghề này tuy không sung sướng chi nhưng họ còn cả một chuỗi đời dài trước mắt; họ có thể đổi nghề tìm phương tiện đi lên. Bạn có thấy những bà lão cho mướn đầu bạn mới thấm thía sự tủi cực của con người khi họ muốn sống mà sức đã tàn.

Những bà lão không có một nguồn lợi hoặc chồng con để nương tựa thì sống nhờ bộ tóc. Không phải họ để tóc dài rồi cắt ra kết tóc mướn bán như người Tàu người Việt khi túng ngặt mà bạn có thể gặp một vài lần trong đời bạn đâu. Các bà cho mướn tóc trong các trường dạy uốn

tóc mỗi ngày 4 tiếng đồng hồ (vì chịu không nổi trọn ngày) và mỗi giờ lãnh độ 600 quan cũ. Mỗi kỳ thi thí sinh các trường này chọn cho mình cái đầu và bộ tóc nào hợp với tay mình, mỗi lần như vậy thí sinh phải trả cho các bà giá tiền sáu bảy lần đắt hơn giá ngày thường.

Tôi đã chứng kiến nhiều cuộc thí nghiệm trên những cái đầu bạc phơ này và tôi không có can đảm đứng nhìn lâu. Nhiều bà hoặc bị học trò vô ý để chất thuốc uốn tóc lên đầu quá nhiều hoặc vì coi thường các bà xả nước gội đầu quá nóng hoặc họ xử dụng đồ nghề chưa quen tay làm phỏng cả da đầu các bà. Đáng rằng không có cách nào khác nhưng tôi không thể đứng nhìn những bà lão mặt mày đỏ gấc ngồi chịu trận cho các cô học trò khỏe mạnh vừa cười vừa nói vừa rèn luyện tài nghệ mình một cách thần nhiên. Tôi khó chịu nhất khi thấy các cô một tay chải mạnh mớ tóc đã bị chất thuốc và hơi nóng làm cho hết mượt, khô khan ngay đừ, một tay xử dụng cây kéo thật nóng để học uốn cho tóc dợn sóng. Mỗi khi thấy đôi vành môi không răng méo mó xuýt xoa trên bộ mặt nhăn nhó, lúc các cô ghệt tới ghệt lui, ề cả đầu nhóm cả tóc mà tôi ước rằng: phải chi đó là những cái đầu « nộm » thì đỡ hơn nhiều.

Tôi có tiếp chuyện với vài bà sau buổi cho mướn đầu. Bà cho biết bà chỉ chịu trận vài lần một tuần để có đủ ăn thôi chớ không thể chịu hơn nữa. Bà thích làm mẫu cho những người Á-Đông hơn, vì tay họ làm việc nhẹ nhàng các bà ít bị phũ phàng cũng đỡ tủi thân.

Người ta tranh đấu có khi đổ máu chỉ vì muốn sống cho được sung sướng

MỘNG-TRUNG

và hạnh phúc. Nhưng mãi đến bây giờ cuộc sống chung của loài người cũng vẫn bày ra bao cảnh chênh lệch như tự thuở nào. Hơn xưa về nhiều mặt, cuộc sống ngày nay trong các nước tiên tiến, với những thành công rực rỡ của con người về khoa học và kỹ nghệ đã cho chúng ta rất nhiều tiện lợi, thoải mái, nhưng bên cạnh đó cũng không thiếu những vất vả, cơ cực.

Rồi đây trí thông minh và óc tìm hiểu của con người sẽ đẩy bánh xe tiến hóa

của nhân loại ngày càng đi xa những nẻo đường lạ lùng nào nữa, và thế hệ sau này không biết sẽ còn nảy sinh ra bao nhiêu nghề mới lạ hơn thế hệ chúng ta chăng?

Chỉ mong những nghề mới lạ sau này (nếu có), sẽ không dùng con người — dầu chỉ đôi khi — làm nấc thang kinh nghiệm cho sự tiến hóa một cách phũ phàng như dùng con vật.

MỘNG-TRUNG

- Đem cái thói kiêu căng khinh bạc đối đãi với người quân tử, thì tự mình làm cho mình thất đức; đem cái thói kiêu căng khinh bạc đối đãi với kẻ tiểu nhân, thì tự mình làm cho mình hại không.

Tuân-Sinh-Tiên

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỀ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone: 20.821 — SAIGON

Cuộc đời trong thơ

● Trần-Đại

tuổi

trẻ

Tôi lớn lên ở ngoại ô căn cõi
Niềm vui tươi trơ gốc giữa bơ vơ
Bỏ gia đình xa bạn hữu làm thơ
Cùng đón nhận trong tay đời khổ ải
Vòng tóc thơm ngày thơ trời đã hái
Chiều lang thang đầu phố với buồn riêng
Tôi vào đời lạc lõng giữa anh em
Cùng xa cách với các người tuổi trẻ
Tôi lớn lên mắt dương nhìn thế kỷ
Đầy lo âu dấu mặt lệ ưu tư
Bỏ gia đình quên bạn hữu say thơ
Cùng nhận thấy tình yêu xa mình mãi
Tôi biết tôi không thể nào trở lại
Được một lần như tôi cất lời ca
Bên mẹ hiền trong hạnh phúc nhưng tơ
Cùng sung sướng như lời ru dịu ngọt
— Anh yêu em để quên mình nhớ nhớp
Nhưng tháng ngày lệ nhỏ trái tim non
Và đây em bao nhiêu những tủi hờn
Đã đóng lại vai mình không cất nổi
Có nhiều khi tôi băn khoăn tự hỏi
Sao tôi buồn trong thế kỷ hai mươi
Rồi nín cảm tôi nhìn lại niềm vui
Chợt nhỏ lệ vì không còn dấu vết

T. Đ.

● Hoài-Giang LBD

thung lũng

Những que củi đi vào trong đời người
nhịp guốc mòn khi mùa lên đôi môi
tiếng eon chí cười trên bờ tóc nhỏ
và gầy thêm — gầy thêm — là cuộc đời

Môi cắn nhẹ như than hồng bếp lửa
những ngón tay bắc cầu đại dương
lá thư xanh thêm duyên hoa tình ái
nụ cười khó rút ngắn đoạn đường

những hơi thở đo lường sức khỏe
lời nói nầy mằm trong ống kính hiền vi
những con kiến lội ngược dòng sông
chai dầu thơm tự nhiên bốc hơi

những gương mặt bố trí toàn dây kẽm gai
trái bom nổ trong mắt người bọc nhựa
cuộc du lịch kéo dài bằng hai tay
bỏ hòn đá vào lon người ăn mày

H. G. L.B.D.



● Lữ-Quỳnh

tuổi thơ và tình yêu

Rồi anh vẫn là loài cầm vĩnh-viễn
đi bơ-vơ trong thế giới loài người
Anh sẽ xin trời từng ánh sao rơi
để đốt lửa lên cho lòng ấm lại
Lúc mở mắt gặp mùa thu chín trái
nên lời anh vi-vút tiếng chim rừng

nên hồn hiền như những lúa nam-trân
và hơi thở thơm mùi hoang dã-thảo
Hoa cỏ kết cho anh vô cùng áo
mặc làm vua cai-trị tuổi thơ mình
Lâu-đài xây bằng những buổi chiều xanh
và linh của anh ngàn chim đậu sẵn
Anh ôm-ấp trong lòng miền quang-đăng
không nghĩ gì ngoài lãnh thổ thân yêu
Thượng Đế trao anh như thế quá nhiều
Nhưng lúc lớn lên bị đời phá hoại
Anh tức giận kéo tháng ngày mệt mỏi
Sống bằng hai tay còn chút mặt trời
Trước oán thù anh phải cố im hơi
để cảm thấy anh vẫn còn rộng lượng
Hồn em sẽ phiêu-du không định hướng
Ta tìm nơi có suối ngọt cây lành
Em cùng chim rừng tấu nhạc ngày xanh
Còn anh sẽ làm thơ tình mãi mãi
Biển hằng nói thành lời ca thần thoại
anh sẽ ru em — giấc ngủ núi đồi
Trả đũa cay vè hết với cuộc đời
cho hồn nhẹ bay dừng đâu mỗi cánh.
Mỗi anh sẽ nở hoa trên vầng trán
hoang-vu buồn quá-khứ hơi mười năm
Bởi hãy còn nhớ mãi đến tiền thân
nên lòng rộng bao-la niềm biển núi
Anh muốn biến em thành ra khói bụi
Rồi bơ vơ trong thế giới loài người
anh sẽ xin trời từng ánh sao rơi
để nam ngọc những ngày thần-thoại đó.....

L. Q.

Tử-Kỳ

của... loài kê

NẾU định nghĩa « du đãng » là một tên vô gia cư, vô nghề-nghiep thì đúng là trường hợp của thằng Định. Nếu hiểu thêm rằng hạng du-dãng còn dám giết người, cưỡng hiếp thì thằng Định không phải. Nếu gọi « lưu manh » là những tay lương gặt, xảo quyệt, mưu mô dễ sống thì thằng Định chưa tới trình độ đó. Nhưng nếu lưu manh còn gồm cả những mảnh khoe lặt vặt, gian xảo trong xóm thì hẳn ta đã thuộc vào hạng đó rồi. Vậy tóm lại, thằng Định chưa tới hai mươi tuổi, con của ông Sáu Bón ở xóm Chuông-bò là một tay bán du đãng, bán lưu manh.

Và năng khiếu của hắn độc phát triển ở địa hạt các giống gà! Hắn không thích gì cả: không thích đi học vì ghét sự tù túng của bốn bức vách và sự kềm kẹp đạo đức của ông thầy, không thích làm bất cứ một việc gì vì làm việc gì cũng phải chú ý mà

mắt công mong kết quả, mà cũng không thích ở trong cái nhà ôi ọp, ẩm-ỉ của cha mẹ nó, dù là chỉ ở nhà để nằm dài ra ngủ. Hắn lại cũng không thích chưng diện nốt, vì muốn đẹp thì phải săn sóc và gia giữ quần áo, điều ấy làm tốn hao đến sự tự do của hắn.

Hắn chỉ thích có mỗi một thứ là mấy con gà! Nhưng không phải thích nuôi mà là thích nhìn ngắm và nhất là nghe nó gáy! Mà hắn chỉ thích, tiếng gáy vào buổi trưa, trễ lắm là xế chiều! Tiếng gà gáy ban đêm không hề làm hắn xao xuyến.

Gặp một con gà đẹp mắt, hắn có thể đứng ngắm hàng giờ, say mê như các họa sĩ say mê tranh của những cây cọ chứa. Hắn lại còn dám so sánh rằng một con gà đẹp giá trị hơn cả một bức tranh, vì theo lời hắn, có vài lần tình cờ bước du lang đưa ngang các phòng tranh và cũng tình

cờ nhìn xuống thấy mình tương đồ sạch sẽ, hân đã có du ngoạn qua nơi ấy rồi! Một bức tranh dù đẹp đến đâu — vẫn theo lời hân — cũng chỉ là một vật chết mà thôi, không thể bì với một cái đẹp « sống » là con gà! Nhất là khi nó cất tiếng gáy! Hãy coi nó rút hơi từ dưới bụng lên ngực, lên cổ rồi đưa ra họng, cho thoát ra thành một giọng thanh tao « ò... ó o... ò... o... » và chấm dứt bằng một tiếng « ư » nhỏ trong cổ, chỉ ai đứng gần mới nghe hay không biết sao mà tả nữa! Dễ ai bắt chước được! Hân đã từng có trong túi vài chục bạc vào một chỗ ngồi hạng « băng gỗ » để nghe Trần-Văn-Trạch hát rồi! Anh chàng tóc dài ấy bắt chước được nhiều thứ tiếng: xe hơi, xe lửa, xe đua, xe lật, giọng ông già, giọng trẻ con, giọng chỉ lương, hát bội, giọng đào Âu, đào Á, nhưng hân chưa hề nghe anh ta bắt chước giọng gà gáy! Làm thế nào cho tiếng trong vất được mà dám « gáy »? Nhất là trường hợp này không chấp nhận ngoại lệ, không thể tha thứ một giọng khàn, giọng rè nào cả. Anh chàng « quái » ấy không « gáy » trước công chúng vì anh ta không thể làm được hơn là vì lý do điều ấy tầm thường thẳng Định tin chắc lắm như vậy.

Ấy là chưa kể có những, nhiều lần, trong cuộc đời vô công việc của hân, hân lang thang thơ thẩn theo các « con đường nho nhỏ, gió xiêu xiêu » trong xóm. Gặp lúc mặt trời hơi xè bóng như bây giờ đây thì cái cảnh « la lá cành hoang vắng trở chiều » tuyệt vời không biết mấy nữa!

Mặc cho ở ngoài kia, cách đó không đầy một cây sồ là đường nhựa dọc ngang, xe lao vun vút, tiệm buôn cửa mở sát lề đường hứng bụi, mặt trời đổ ánh sáng chói chóa như những nhát búa đập xuống đầu, xuống sọ các công dân, nhưng ở đây, xóm nhỏ yên lành đằng kia, hân thật được cực tĩnh để thưởng thức bức tranh mà hân ưa thích nhất: con gà trống đứng dưới bụi tre!

Hân ngồi trên trụ của một thành mộ xưa bằng đá ong. Mộ xưa lắm rồi, bia đã mờ dù có tấm kiềng che trên mấy hàng chữ. Mộ vô chủ, cũng như hân vô... vô tất cả vậy. Cả hai đều tự do.

Hân chống hai tay hai bên, chân đánh đưa hay đánh nhịp tùy thích, mắt quan sát con gà. Hân tự phụ là đã từng thấy những con gà đẹp. Gà tre tuy nhỏ con nhưng dáng hùng dũng, lông nhiều màu, đuôi vòng lên, oai nghi như... như con gà... hiệu trên thùng dầu lửa! Có một loại gà lông tuyến trắng, móng cao và đỏ thẫm, trông cũng được mắt! Nhưng chưa lần nào hân gặp một con gà đẹp như con gà này! Nó thuộc một giống thường, ta gọi là gà tàu. Lông nó màu vàng sậm, lộn nâu trên lưng. Cánh và đuôi lẫn mấy cọng lông màu xanh đen. Bộ lông nó mượt như thoa mỡ, như có bôi nhẹ qua một lớp dạ quang.

Thằng Định bâng khuâng nghĩ, không rõ trong tạo vật có một bàn tay nào pha màu tuyệt khéo và sắp đặt cảnh thần tình như vậy chăng? Cả

hàng rào tre dài, lá xanh mướt mướt, ngọn dừa cao phất phơ nhẹ trên nền xanh dương của da trời như mây đột chổi quét qua quét lại các vệt mây trắng. Thân tre màu xanh sậm hơn lá, cặm thẳng xuống đất. Ở mấy mắt tre, lại có những bẹ màu đất sét như để điểm tô cho cây tre. Cuối cùng dưới gốc, lại có một sinh vật đẹp!

Chắc con gà không đói vì Định không thấy nó bươi đất kiếm ăn. Nó đứng thẳng, đầu ngừng lên, thỉnh thoảng chớp cánh gáy, nẩy cái ức hực màu chuối hồ. Mông trên đầu con vật lông ánh sáng, ửng đỏ trong suốt, tươi hơn cả màu son.

Thấy con gà đứng yên, hần đoán là nếu không mơ mộng, chắc đang suy nghĩ. Hơn năm phút, con gà không nhúc nhích, trừ những khi gáy. Tuy nhiên, nó có vẻ lảng tai, mắt nhìn như nghĩ kỹ, quan sát. Định mỉm cười, bảo thầm:

— Yên tâm đi, bạn! Tôi không hại bạn đâu, đầu tôi sẵn ná thun trong túi! Tôi không cần đổi là hạng «đang tay phá vỡ bất cứ cái gì» đâu! Chắc bạn có hẹn với chị mái nào đây! Đời bạn đang bốc hương, vui quá!..

Nụ cười trên môi Định chưa khép lại thì hần thấy, từ sau bụi tre, một anh gà nòi xông ra! Từ dáng điệu xông ra cho đến hình thể đều tỏ cáo cái bản năng háo chiến và sự được rèn luyện của anh chàng sau này. Cổ dài cả gang, sạch nhẵn lông, phơi màu da đỏ như màu hai má của kếp hát bội, lông vuốt sát vào mình,

đuôi chìa ra như mây cây cán viết đẹp găm vào đất.

Nó xông ra như một tướng giặc quau nhất thời xưa, không cần giáo đầu, không giàn trận, chạy thẳng tới con gà tàu, hươi đôi cựa được chuốt nhọn quốt, trắng ngà, đá thốc vào một cú, như muốn thỉnh linh áp đảo tinh thần đối tượng.

Cồ nhiên, anh gà tàu không thể nào «đổi» được — nếu không ở trong phạm vi thẩm mỹ — nên hần thi sĩ vụt bay đi đâu mất, anh ta quay trở lại, chạy tròn cuồng cuồng. Nhưng khoảng đó tre dày bịt, lại vốn không phải giống lạnh lẽ, không quen xông xáo thêm to xác, con gà tàu cứ hoảng hốt chun càng qua cái kẹt tre. Được nửa mình thấy không lọt, nó lại lùi ra, chạy tới tìm chun lỗ khác. Trong khi đó thì anh gà nòi rượt sát đất, phùng cánh, dừng đuôi, mông dựng, đầu quơ lia lịa, hờm sẵn sàng, đợi con mồi vừa quay đầu lại là tồ thêm một cú nhì, quyết «khai vựa lúa».

Thằng Định không kịp nghĩ sao hết, rút ná thun giương thẳng, buông vào gà nòi một phát. Viên đạn đất sét khô trúng mình nó nghe một tiếng «bồ» nhỏ. Thay vì chạy trốn, nó phản ứng bằng cách dang thân lực búng luôn đôi cựa vào phía sau con gà tàu khi đó đang mắc kẹt giữa hai cây tre gai. Định nhảy tuột xuống,, lượm một cục đá, chọi thẳng tay vào con gà nòi.

Bị cú tàn công nặng quá, con gà nòi nhào trái lại, nhảy dựng ngược mấy cái, rồi dấy đành đập, quay tròn

giữa một khoảng gần hai thước vuông, cánh đập phành phạch như người ta quạt lúa gập.

Bây giờ thằng Định thấy cơ sự, mới hết hồn. Hắn nhìn con gà dầy dẹt! Hắn biết đó là con gà của ông Lý, trị giá bạc ngàn, chuyên đá độ ở các vùng xa, được chăm nuôi kỹ hơn cả một đứa trẻ con nhà trung lưu. Thức ăn, thuốc tắm cho nó là cả một sự nghiên cứu công phu. Lông nhót nó còn thoáng khí, sạch sẽ hơn cả nhà ở của hắn. Không hiểu sao nó lại sút chuồng ra đây! Nhà ông Lý chỉ cách đó một thửa đất!

Chừng ấy thứ trong đầu khiến thằng Định đứng chết trân, thầy óc mình trống rỗng, không nảy ra được một phương kế nào để ổn định tình thế. Gần nửa phút như tỉnh ra hắn chụp cổ con gà vắn một cái, treo ngọat ra sau. Con gà tàu đã rút mình ra được đứng sững nhìn hắn. Hắn cảm thấy đôi mắt con gà tàu có vẻ nghiêm khắc như đôi mắt cảnh sát. Hắn bối rối, cuộn xác con gà nồi vào áo, bưng bả đi.

Nhưng sau lưng hắn con gà tàu lại đập cánh gáy lên một tràng lạnh lốt.

Hắn thở dài, tưởng như con gà tàu đó tha thứ cho hắn.



Nhưng hàng xóm thì không tha thứ. Sự buộc tội thầy rõ trong thái độ của họ. Bỗng hắn tới đâu, là người ta lên tiếng kêu kiếm gà inh ỏi. Đôi khi gặp một con gà đẹp, hắn đứng lại nhìn. Tức thì người chủ gà — nếu có ở gần đây — vội vàng lùa con gà về nhốt kỹ.

Hắn biết thế, nên cố gắng tìm một sinh thú khác. Nhưng trong cuộc đời bán du đãng của hắn, chỉ thầy ngày dài lê thê. Chỉ khi nào gặp một con gà đẹp, mắt hắn mới sáng lên, lòng bừng hạnh phúc, hắn đứng lại nhìn mê man.

Nếu bắt thẩn giữa cơn ấy mà nghe động tiếng chân người, tức thời hắn hoặc đặt hai bàn tay lên đầu như che mỏ ác, hoặc vòng ra sau đít như có ý muốn chứng minh sự lương thiện của mình.

VĂN-TRANG

● Muốn tìm hiểu giá trị của một người nào, không gì hay bằng quan sát cách cư xử của người đó đối với kẻ dưới.

Pécaut

● Không có một cơn gió nào giúp được ta nếu ta không có một bến đỗ mà tới.

Montaigne

● Trên đời này chỉ có những người yêu đời mới làm nên việc. Những người chán đời chỉ là những kẻ đứng ngoài nhìn.

Guizot

Mây đứng, dờn xơ bóng
 Nhớ thương gì đâu
 Phố dài ngủ
 lá câm đờ về giã
 Còn đây kia, trước song, từ bao năm
 trưa vắng mênh mang trời lặng ngắt

Cửa đông, sân im, ngò khách
 Bước lẹ vừa tan
 Có người trộm hoa
 đã sao? Cánh chim vờn nắng
 Thơ lên về ru buổi thiếu ca

Dợi tiếng, nghe chiều khác
 Mỗi giây buông ngắn
 dẹt giờ lả dịu như yêu
 Bỗng quên thì tiếc
 Vớt đẹp bay qua, phí đã nhiều

Đàn quện gió
 đang đi, lời vện ý hôm nay
 nói cho tươi lại thời đương úa
 giữ hẹn nở ngăm trong ráng biếc
 che khuất hộ các trùng cao lộng sáng
 Nghĩ thăm chưa đáng

Vấn ước chẳng tơ đón giọng kiều

Hòa-Âm XV

Đ. T.

Tuổi trẻ ra đi

HỮU - PHƯƠNG

Những chàng trai trẻ ấy
Sự nghiệp quyết đi tìm
Nắng mưa nào ái ngại
Còn vui chỉ bút nghiên

Chia nhau buồn thế hệ
Làm hành lý ra đi
Quán trình xa mấy dặm
Rày rút mảnh tình quê

Những hoa này mới nở
Khô cành mẹ gió xiêu
Tuổi thơ đành bỏ lại
Mang theo mến thương nhiều

Xông pha đời bão loạn
Giành cho cuộc đấu tranh
Bao nhiêu niềm khoan khoái
Bao nhiêu ý trong lành

Những chàng trai trẻ ấy
Ra đi đúng nẻo đường
Dù buốt đau tình mẹ
Dù xót nỗi ly hương

Trên chuyến tàu hôm nay
Bốn phương chấn mây dày
Mưa thu, trời ảm đạm
Chi người vẫn không lay

Đường thâm sâu nghĩa vụ
Rộng mấy biển Nam này
Xa mấy dòng Sông Cửu
Cao mấy Trường-Sơn đây ?

Dù có xa, cao, rộng
Cách trở mấy gian nan
Bước chân đâu biết nản
Nắng mưa đâu thổ than...

Những chàng trai trẻ ấy
Quyết một lòng ra đi
Tìm vui trên sóng gió
Tìm vui trong chia ly

Miền ngày mai Đất nước
Nắng đẹp bốn phương trời
Hoa đơm say cảnh mẹ
Tình thương dâng muôn nơi...

1962

Tư Gấu

Nguyên tác : « Johnny l'Ours » của JOHN STEINBECK

Bản dịch : ĐẶNG-TRẦN-HUÂN

MANG một tên Tây-Ban-Nha, làng Lộ-Man được tạo lập ngay trên một ngọn đồi tròn nằm sừng sững giữa cánh đồng trông như một hải đảo trên đường vào thung lũng Sa-Linh thuộc miền Trung tiểu bang California. Về phía Bắc, ở bên tay phải những hầm bùn than nối tiếp nhau dài hàng chục cây số, nhưng về hướng Nam cánh đồng lầy đã được tháo cạn nước. Nhờ công cuộc tháo nước đất đen xám vùng này trở nên phì nhiêu, đến nỗi xu hào, bắp cải trồng ở đây lớn mau như thổi.

Chủ nhân các vùng lầy phía Bắc bắt đầu thêm muốn đất đen miền Nam. Họ họp nhau tìm cách biến cải vùng này và ký hợp đồng với một công ty đào một hố lớn cho tiêu những vùng sinh trũng. Máy vét bùn được điều động tới và bắt đầu khởi sự đào hố ngay giữa đồng lầy. Tôi là một nhân viên của công ty này.

Mới đầu tôi định ở lại khu cơ xưởng nổi lênh bênh giữa sinh lầy cùng với bạn hữu. Nhưng không thể chịu nổi

những đám sương mù dày đặc bốc lên ngót ngát mỗi buổi chiều và những đàn muỗi lớn như ong lượn vờ trên khu máy vét bùn tôi đành dọn vào làng Lộ-Man. Tôi thuê một căn phòng trong nhà bà Rạng, tuy có sẵn đồ đạc nhưng có lẽ là căn phòng tồi tệ nhất mà tôi chưa bao giờ thấy. Tôi cũng có thể kiếm phòng tốt ở một nơi xa hơn nhưng vì biết thư từ gửi tới bà Rạng không hay thất lạc nên tôi bỏ ý nghĩ rời đi. Hơn nữa, căn phòng lạnh lẽo và đơn chiếc ấy tôi cũng chỉ ngủ đêm mà thôi. Ban ngày tôi ăn ngay trên quán ăn ở cơ xưởng nổi.

Dân cư làng Lộ-Man không quá hai trăm người. Nhà thờ xây ở nơi cao nhất trên đồi : đứng xa hàng mấy cây số cũng trông thấy gác chuông.

Một tiệm bán đồ sắt, dăm cửa hiệu chạp phô, và tư quán Con Trâu là tất cả những nơi mà ông chúng thường lui tới. Những căn nhà dân chúng nằm rải rác hai bên sườn đồi. Phía đất phẳng là khu gia cư các địa chủ giàu

có, nhà cửa phần nhiều xây theo kiểu biệt thự có hàng rào trắc bách điệp bao quanh, ngăn cả gió mạnh buổi chiều.

Ở Lộ-Man, người ta không biết làm gì vào lúc tối nếu không là cà ra quán cà phê. một căn nhà ván kiểu cổ, có hiên gỗ che ra tới bờ hè và cửa ra vào có hai cánh lững. Dù rằng có cấm đoán hay đe dọa thu giấy phép chẳng nữa cũng không làm quán cà phê này mất khách, làm việc buôn bán suy giảm hay làm cho rượu uýt-ky kém ngon. Mỗi chiều đàn ông và thanh niên làng Lộ-Man từ mười lăm tuổi xấp lên phải tới tửu quán Con Trâu ít nhất một lần, uống một ly rượu, chuyện trò dăm ba câu rồi mới trở về nhà.

Cự-Mập người chủ quán, mỗi khi thấy một khách hàng mới tới đều gật đầu chào với vẻ lãnh đạm khó chịu nhưng bên trong hẳn là một người rất thân mật và có cảm tình. Vẻ mặt hần cau có, khả ố, nói năng cẩn thận, cộc lốc, thế nhưng... Tôi không biết dùng chữ gì thích hợp để nói về hần. Tôi có một cảm giác rất khoan khoái khi nhận ra là Cự-Mập đã biết tôi và dần mớm về phía tôi hỏi một cách nóng nảy « Nào! anh dùng gì? » Bao giờ hần cũng hỏi như vậy tuy rằng hần chỉ có uýt-ky; một thứ uýt-ky mang nhãn hiệu duy nhất. Có lần tôi đã thấy Cự-Mập thẳng thắn từ chối không tiếp một khách lạ khi ông này đòi vắt thêm chanh vào rượu. Cự-Mập ghét những sự ồn ào, lời thối. Mãn quán một chiếc sa rộng rộng quanh mình và vừa đi vừa lau cốc. Sàn nhà bằng gỗ trần rải rác mặt cửa, bàn ghế ngay đuron và cứng nhắc. Tranh ảnh trang trí độc nhất trong quán là những bích chương, các bảng kê mẫu hàng, những tranh cổ động các ứng cử viên hội đồng hàng quận, các bản cáo thị của hồ giá viên hoặc một vài hãng thương mại. Có những tờ quảng cáo lâu đã vài năm. Cảnh sát trưởng Ry-Tan

chết đã bảy năm nay nhưng trên tường vẫn còn tấm bích chương cổ động dân chúng bầu ông trong kỳ ông tái ứng cử.

Thực ra, đối với tôi, tửu quán Con Trâu cũng có tác dụng gây nên một khung cảnh khủng khiếp. Nhưng có những đêm trường, dạo bước theo những vỉa hè gỗ để mặc sương gió lạnh buốt từ đồng lầy thổi lên quật vào mặt như roi vệt thì hình ảnh tửu quán Con Trâu trở nên quyến rũ. Người ta thấy khoan khoái nhẹ nhõm lắm khi đẩy hai cánh cửa lững bước vào quán, khi trông thấy trước mắt mình từng đám người ngồi rải rác đang chuyện trò, nhậu nhẹt và nhất là Cự-Mập vội vã tiến tới phía mình. Người ta không còn tự chủ được nữa.

Trong quán có một bàn pô ke để khách gãi trí. Ông Rạng, chồng bà chủ trọ của tôi, chơi bịp một cách trơ trẽn, luôn luôn thắng cuộc và chỉ gọi rượu khi nào được bạc. Tôi đã thấy có lần ông được năm ván liền. Khi thắng, ông xếp bài lại thật cẩn thận rồi mới đứng dậy tiến về phía quầy rượu với một vẻ hân hoan. Cự-Mập cầm chai rót tới nửa ly trước khi ông tới, rồi mới hỏi:

— Nào! Ông dùng gì?

Rạng trả lời lè nhè:

— Một uýt ky.

Trong căn nhà rộng, những nông dân và những người trong làng ngồi trên các ghế rần hoặc tựa vào quầy hàng. Thường thường chỉ có tiếng nói chuyện sầm si và đều đều. Chỉ trong dịp bầu cử hay những kỳ đấu quyền Anh mới có các diễn giả to tiếng hoặc những lời tranh luận sôi nổi tiên đoán võ sĩ nào thắng hay thua.

Tôi ghê sợ khi đi trong đêm tối của vùng đồng lầy ấy, xa xa tiếng động cơ Diesel của máy vớt bùn và tiếng thép va chạm từ chiếc guồng nước vọng lại. Tôi lẳng lặng trở về căn phòng buồn thắm ở nhà bà Rạng.

Tôi tới Lộ-Man được ít lâu, đã quen cô Mộng-Lan, một thiếu nữ lai Mễ-Tây-Cơ xinh đẹp. Một vài lần, tôi cùng cô thủng thủng dạo chơi ở chân đồi phía Nam, mãi tới khi sương mù xuống đặc mới trở về làng. Tôi dẫn cô về tới nhà, rồi trở lại tửu quán.

Một buổi chiều, tôi vào quán ngồi nói chuyện với ông A-Lịch, chủ nhân một căn trại xinh xắn ở Lộ-Man. Chúng tôi đang nói chuyện đi câu thì cánh cửa quán bật mở, rồi khép lại.

Mọi người trong quán đều ngưng nói, một không khí im lặng nặng nề bao trùm căn phòng. A-Lịch huých khuỷu tay vào sườn tôi và nói «*Tư Gấu đấy*». Tôi ngược mắt nhìn lên.

Quả là cái tên đã nói đúng hình dáng. Nó có vẻ giống một con gấu lớn ngây dại đang mỉm cười. Cái đầu đeo sì, tóc rậm rạp lác lác về phía trước, hai tay buông thõng xuống như xira nay vẫn quen bò dưới đất, nếu nó đi hai chân chỉ vì nó mới học được tư thế này. Đùi nó ngắn ngắn và cong, hai bàn chân vuông một cách lạ lùng. Nó mặc một áo choàng rộng thùng thình màu xanh biển, chân không mang giày. Hai bàn chân không tàn tật cũng không biến dạng nhưng vuông quá, chiều ngang và chiều dài bằng nhau. Nó đứng sững ngay cửa thỉnh thoảng lại lác lác đôi tay buông thõng như thàng điện. Nó mỉm cười ngây dại rồi tiến vào quán. Mặc dầu béo ú và nặng nề, nó đi nhanh như lướt qua. Nó đi không có dáng người mà giống như một con thú đi ăn đêm. Tôi quây rượu nó đứng lại, đôi mắt sáng long lanh nhìn từ người này qua người khác như dò xét rồi nó cất tiếng hỏi trống không: «*Uýt-ky?*».

Ở làng Lộ-Man không có ai hào hoa phong nhã cả. Nếu có một người nào bỏ tiền mời người khác uống thì hẳn phải tin chắc rằng người được hẳn mời sẽ trả lại tức khắc một món gì tương

xứng. Vì vậy tôi rất ngạc nhiên khi thấy một ông khách trầm lặng tiến tới quây rượu móc túi lấy tiền đặt lên mặt quây. Cụ-Mập rót một ly đầy. Tư Gấu chộp lấy ly uýt-ky uống thủng một hơi.

Tôi lăm băm:

— Cái gì lạ vậy!

Nhưng A-Lịch đã lấy khuỷu tay huých tôi bảo im lặng.

Và một màn kịch cảm kỳ-dị bắt đầu khai diễn. Tư Gấu đi ra phía cửa, rồi từ cửa lộn trở lại bằng một dáng điệu lén lút, vụng trộm. Nụ cười ngây dại vẫn không tắt trên môi nó. Tôi giữa phòng, nó nằm phệt bụng xuống. Một giọng nói thốt ra từ cổ họng nó, tôi nghe rất quen thuộc.

— Nhưng em đẹp quá sao lại tới sống một vùng bần thiều như vùng này.

Giọng nói trở nên thanh hơn, một giọng đàn bà êm dịu:

— Anh cứ nói thế chứ!

Tôi tưởng rằng tôi có thể ngắt đi: Máu dồn lên hai mang tai tôi. Mặt tôi đỏ như. Đó chính là giọng nói của tôi từ họng Tư Gấu thốt ra, giọng nói và câu nói của chính tôi. Câu sau là lời Mộng-Lan: Nếu tôi không đứng trước con quái vật đang nằm sấp trên sàn, chắc tôi đã tưởng Mộng-Lan ở đâu đây và cất tiếng gọi. Những lời đối thoại tiếp diễn, những câu nói thật vô lý khi do một người khác nói ra. Tư Gấu vẫn tiếp tục nói hay đúng hơn chính tôi nói ra. Nó vừa nói vừa bắt chước dáng điệu cử chỉ tôi. Dần dần, những khách hàng trong quán không nhìn Tư Gấu nữa mà quay cả về phía tôi cười gằn. Tôi lúng túng không biết xử trí ra sao. Tôi biết nếu tôi ngăn lại không cho Tư Gấu nói tiếp sẽ có một cuộc cãi lộn ngay, vì vậy nó cứ tự nhiên tiếp tục những mâu thuẫn của tôi cho tới hết. Khi nó dứt lời, tôi thở dài khoan khoái và cũng mừng thầm khi biết Mộng-Lan không

có anh hay em trai. Tư Gấu cầu nhàn thêm vài câu vô nghĩa rồi đứng dậy. Nó vẫn giữ nụ cười ngây dại và gọi thêm :

— Uýt ky ?

Tôi tin rằng những khách hàng trong quán đều thương hại tôi. Tư Gấu trườn về phía cuối phòng chui xuống gầm bàn nằm cuộn mình như một con chó, rồi ngủ thiếp đi.

A-Lịch nhìn tôi bằng một cái nhìn thương hại.

— Chắc là lần đầu tiên anh nghe nó nói.

— Phải, thằng đó là ai thế ?

A-Lịch im lặng một lúc lâu không trả lời câu tôi hỏi.

— Anh khỏi lo cho danh dự Mộng-Lan. Chính Tư Gấu trước đây đã theo cô ta.

— Nhưng tại sao nó nghe được chúng tôi. Tôi không trông thấy nó mà.

— Không người nào có thể trông thấy hay nghe Tư Gấu khi nó đang làm việc. Có lúc nó đi, mà mới trông người ta tưởng nó vẫn ngồi yên một chỗ. Anh có biết ở đây thanh niên mỗi lần đi chơi với tình nhân phải làm thế nào không ? Họ phải dắt chó đi theo. Chó sợ Tư Gấu lắm nên mỗi lần Gấu tới gần, chó ngửi thấy mùi ngay.

— Thế nhưng, còn giọng nói...

A-Lịch lắc lư cái đầu.

— Tôi biết. Có vài người đã viết thư cho Trường Đại Học yêu cầu giải thích về trường hợp Tư Gấu. Trường cử một người trẻ tuổi tới đây. Ông ta thoáng gặp Tư Gấu một lát rồi nói với chúng tôi về trường hợp Thơm Mù. Anh đã nghe nói tới Thơm Mù rồi chứ ?

— Có phải người nhạc sĩ dương cầm da đen không ? Nếu thế thì tôi có biết tiếng.

— Phải đó ! Thơm Mù là một người rất ít học. Hắn không biết gì về nhạc, nhưng có thể bắt chước tất cả những tiếng âm điệu hắn nghe được, dù là một bản đàn thật dài. Người ta đã thử hắn với nhiều nhạc sĩ có tài. Không những hắn bắt chước chơi lại đúng bản nhạc mà còn chơi đúng theo từng nốt lấy cá biệt của mỗi nhạc sĩ nữa. Muốn để cho hắn lạc hướng có nhạc sĩ đã cố tình chơi sai một hai cung bậc nhưng khi chơi lại hắn cũng bắt chước cả những cung sai. Hắn đập lại đúng tới những chỉ tiết tỉ mỉ nhất. Nhân viên Trường Đại Học tới đây nói rằng trường hợp Tư Gấu cũng giống như thế nhưng Tư Gấu chỉ nhại giọng nói và câu nói. Người ta đã thử nói một câu bằng tiếng Hy-Lạp, thì Tư Gấu cũng nhắc lại đúng nguyên văn. Nó không hiểu những câu mà nó nói ra, nhưng nó khoái khi được nhắc lại đúng những gì nó đã nghe. Nó không đủ trí thông minh để bịa đặt ra chuyện này chuyện nọ nên người ta đều tin những điều nó nhắc lại đều đúng sự thật.

— Nếu vậy nó làm thế để làm gì ? Có ích lợi gì cho nó để đi nghe ngóng những điều nó không hiểu ?

A-Lịch quán một điếu thuốc, đánh diêm châm lửa.

— Không ích lợi gì, nhưng nó rất thích uống uýt-ky. Nó biết nếu nó nghe trộm trên cửa sổ những gì rồi về đây nhắc lại sẽ có người trả tiền uýt-ky cho nó. Nó đã nhắc lại lời bà Rạng nói trong tiệm hay là cuộc cãi vã giữa hai mẹ con Gie Ry nhưng không ai thích loại chuyện đó nên nó không có rượu uống.

Tôi nói :

— Thế mà tại sao chưa có ai bắn vào óc nó khi nó đang leo lên rình trên cửa sổ.

A-Lịch hít một hơi thuốc :

— Nhiều người đã định làm thế lắm nhưng điều rất giản dị là không sao trông thấy hay bắt được Tư-Gấu cả. Vì vậy người ta phải đóng cửa sổ thật cẩn thận, và nói chuyện thì thầm để tránh Tư-Gấu nghe trộm rồi kể lại. Hôm nay, trời tối âm u không trăng sao thế này mà nếu nó gặp anh, nó có thể nhai lại cả những cử chỉ của anh trong đêm tối. Anh chưa được thấy Tư-Gấu tự làm biến dạng mặt cho giống mặt một thiếu nữ. Thật là kinh khủng.

Tôi nhìn lại cái hình thù kinh dị nằm dưới gầm bàn. Tư-Gấu xây lưng ra phía ngoài. Anh sáng chiếu vào chùm tóc đen rối bù trên đầu nó. Tôi thấy một con ruồi lớn đậu trên da đầu, rồi cả mảng da đầu chuyển động giống như một con ngựa rung chuyển làn da để đuổi muỗi. Con ruồi bay lên rồi lại đậu xuống. Mảng da đầu Tư-Gấu lại rung chuyển để xua ruồi. Tôi cũng rung cả toàn thân khi chứng kiến cảnh tượng đó.

Những câu chuyện trong quán trở lại mức buồn nản thường lệ. Cụ-Mập lau đi lau lại cái cốc vào sa rồng có lẽ tới mười phút rồi. Một nhóm người bên tôi đang chuyển từ chuyện chó cắn nhau, chuyện chọi gà sang chuyện đấu bò rừng.

A-Lịch bảo tôi :

— Chúng mình uống một ly chẳng ?

Chúng tôi tiến tới quầy rượu. Cụ-Mập với hai chiếc ly không.

— Nào ! Hai anh dùng gì ?

Chúng tôi không ai trả lời cả. Cụ-Mập cầm chai uýt-ky xăm màu. Hắn nhìn với một vẻ sâu thẳm, hạ thấp cặp lông mày dày mỏng mỏng thật rồi nháy tôi một cái. Không hiểu tại sao tôi thấy hơi vui vui. Cụ hát hăm về phía bàn *pô ke* :

— Anh thắng chứ ?

Tôi cũng nháy mắt thay câu trả lời.

— Lần sau nhớ dắt theo chó, nghe không ?

Tôi bắt chước những câu nói gọn của hắn. Chúng tôi uống hết rượu lại trở về bàn ngồi. Ông Rạng vừa được một ván, đang xếp bài lại và tiến về quầy rượu.

Tôi nhìn về phía bàn Tư-Gấu đang ngủ. Nó nằm sấp trên sàn gỗ, mặt quay ra phía ngoài vẫn cười ngây dại trong khi ngủ. Bỗng nhiên nó nhúc nhích đầu mở mắt nhìn xung quanh như một con thú sửa soạn ra khỏi hang. Rồi từ gầm bàn nó bò ra, đứng lên. Cử động của nó có vẻ lạ lùng, phi lý. Nó đi với dáng điệu quẩn quại, chán nản.

Tư-Gấu tới quầy rượu, vừa đi vừa nhe răng cười với những người mà nó đi qua mặt. Tới quầy, nó lại cất tiếng hỏi bằng giọng như thường lệ :

— Uýt-ky ? Uýt-ky ?

Tiếng nói lí nhí như tiếng chim. Tôi không xác định được là giống chim gì nhưng tôi đã được nghe hai tiếng kêu giọng cao vút nhắc lại hai tiếng quen thuộc một lần nữa :

— Uýt-ky ?

Trong quán, mọi người ngừng nói chuyện, nhưng không ai đứng dậy để tới quầy chi tiền. Tư-Gấu mỉm một nụ cười ai oán :

— Uýt-ky ?

Rồi nó bắt đầu kể hoạch quyền rũ quần chúng. Từ trong họng nó, một giọng đàn bà cáu giận hét lên :

— Tôi đã nói với anh rằng toàn là xương. Hai chục bạc một cân mà một nửa xương thế này à ?

Rồi giọng người đàn ông :

— Thừa bà, đúng. Tôi cũng không biết điều đó. Tôi xin bù cho bà một ít xúc xích.

Tư-Gấu nhìn quanh như chờ đợi.

— Uýt-ky ?

Vẫn không ai nhúc nhích. Tư trườn ra cửa rồi ngồi chồm hồm giữa lối ra vào. Tôi thì thầm :

— Nó sắp dở trò gì đây ?

A-Lịch nói :

— Im. Nó đang nhìn qua cửa sổ. Chờ mà nghe !

Một tiếng đàn bà cất lên, giọng nói lạnh lùng, chắc nịch và gãy gọn :

— Tôi không thể hiểu được. Cô có phải là một con quái vật không ? Nếu chính mắt tôi không trông thấy thì tôi không thể nào tin được.

Một tiếng đàn bà khác đáp lại, giọng trầm và khàn khàn như đau đớn lắm :

— Có lẽ tôi là quái vật thật đấy. Tôi chẳng biết làm thế nào bây giờ. Tôi chẳng biết làm thế nào bây giờ.

Giọng nói lạnh lùng lúc trước cắt ngang :

— Bây giờ cô phải tính làm sao cho đẹp đẽ chứ. Trời ơi, thà rằng cô chết đi còn hơn.

Tôi nghe một tiếng nấc qua cặp môi đầy tươi cười của Tư Gấu. Tiếng nấc của người đàn bà tuyệt vọng. Tôi quay mắt nhìn A-Lịch. Ông ngồi ngay người, mắt nhìn thẳng mở miệng như muốn nói. Tôi toàn bối rối thêm ông một câu, nhưng ông ra hiệu bảo im. Tôi đưa mắt nhìn quanh phòng. Mọi người đều ngồi im lặng, chờ đợi. Tiếng nước nổ vừa dứt.

— Chị không bao giờ cảm thấy như thế chứ, chị Mai-Liên ?

A-Lịch, như nheët thở, khi nghe thấy nói lên. Giọng lạnh lùng đáp lại :

— Chắc chắn là chưa bao giờ.

— Cả về đêm cũng không thấy thế ? Không một lần nào... chưa một lần nào trong đời chị ?

Giọng nói lạnh lùng lại trả lời :

— Nếu điều đó xảy tới chẳng may xảy tới cho tôi, thì tôi, thì tôi cắt phăng cái bộ phận ấy đi còn hơn.

Thời cô cũng không nên khóc nữa, Ai-Mỹ. Tôi không chịu nổi nữa rồi... Nếu cô không nên được thì nên kiếm thuốc uống. Bây giờ thì hãy cầu nguyện đi.

Tư Gấu vẫn toe toét miệng cười.

— Uýt-ky ?

Hai người tiến tới quầy rượu không nói năng gì, cùng móc túi lấy tiền. Cụ-Mập rút đầy hai cốc và khi Tư-Gấu uống cạn cả hai, Cụ-Mập rút thêm một ly thứ ba. Ai cũng biết là nó cảm động lắm vì xưa nay chưa bao giờ chủ quán Con Trâu chịu thưởng rượu cho nó. Tư-Gấu quay tròn, cười với mọi người rồi lủi ra khỏi quán. Đôi cánh cửa nhẹ nhàng bật lại không một tiếng động khi nó ra tới ngoài đường.

Trong quán, chưa ai nói chuyện lại. Hình như người nào cũng đang bận suy nghĩ tính toán một vấn đề gì trong óc mình. Khách hàng lúc đặc ra về từng người một và mỗi lần hai cánh cửa lưng bật lại, mang vào phòng thêm ít sương đêm. A-Lịch đứng dậy và ra ngoài. Tôi bước theo ông ta.

Đêm càng trở nên ghê gớm với những làn sương mù nồng nặc, Sương như bám lấy các mái nhà rồi vươn lên không trung những cánh tay dài quái quỷ. Tôi rảo bước và theo kịp A-Lịch :

Tôi hỏi :

— Đó là chuyện gì thế ?

Tôi chờ một lúc, và cho rằng A-Lịch sẽ không trả lời. Nhưng sau đó ông ngừng lại, quay sang tôi :

— Thật là vô phúc ! Anh biết chứ ! Ở đâu thì cũng phải có những người quyền quý, những gia đình giàu có, suốt đời không vương một vết nhơ và đáng cho ta kính phục. Ở đây, hai chị em bà Ai-Mỹ và Mai-Liên là

những nhà quý phái của chúng tôi. Hai bà là những bà cô, gái già không chồng nhưng là những người gương mẫu. Ông thân sinh hai bà trước là dân biểu. . Tôi không bằng lòng về chuyện đó. Đáng lẽ Tư.Gấu không nên làm như vậy. Mà nhất là nó cũng nhờ hai bà nuôi nấng. Đáng lẽ họ không nên trả tiền rượu cho nó. Từ nay nó sẽ rình rập quanh nhà ấy... Nó biết rằng, nó có cách kiếm rượu uống dễ dàng.

Tôi hỏi:

— Chắc ông có họ hàng với hai bà ấy.

— Không, nhưng họ là... tóm lại, họ không phải như những người khác. Họ có một căn trại giáp với căn trại của tôi, và đang cho mấy người Trung-Hoa làm xâu để chia lời. Anh biết đấy, thật là khó nói quá. Hai chị em bà Ai-Mỹ là những thần tượng. Khi rần dây con cái, chúng tôi ở đây thường mang các bà ra để làm gương. Các bà là tượng trưng cho điều tốt, điều thiện, hay sao đó?

Tôi cãi lại:

— Nhưng tôi nghĩ Tư.Gấu đã nói điều gì hại lợi thanh danh các bà đâu?

— Tôi cũng không biết gì hơn. Tôi cũng chưa biết nó ám chỉ chuyện gì. Hay là, tôi... thôi chúng ta nên về ngủ là hơn. Tôi không mang xe theo, thôi đành về bộ vậy.

A.Lịch chia tay tôi rồi vội vã đi vào trong sương.

Tôi trở về buồng trọ nhà bà Rang. Tôi lại nghe những tiếng động cơ Diesel nổ từ đồng lầy vọng lại, tiếng sắt cọ sát vào nhau. Hiện nay là chiều thứ bảy. Chiếc máy vệt bùn sẽ được ngưng hoạt động vào sáng chủ nhật từ bảy giờ, tới nửa đêm. Tôi nghe tiếng máy nổ, cũng biết công việc đều tốt đẹp cả. Tôi leo cầu thang thật hẹp để về buồng. Nằm xuống giường, tôi để đèn sáng thêm lát nữa và đưa mắt lơ đãng ngắm những bông hoa

nhợt nhạt in trên giấy dán tường. Tôi miên man nghĩ tới hai giọng đàn bà thốt ra từ miệng Tư.Gấu. Đó là những tiếng nói thực sự chứ không còn là những câu nhái lại. Nhớ tới giọng nói, tôi hình dung được hai người đàn bà, Mai-Liên với giọng nói lạnh lùng và Ai-Mỹ với nét mặt đau khổ, cay đắng. Tôi tự hỏi không biết có điều gì gây nên sự đau đớn cho gia đình này? Hay đó chỉ là sự đơn lạnh của người đàn bà luống tuổi thiếu tình yêu? Điều đó chắc không đúng vì trong giọng nói còn nhuốm vẻ lo lắng kinh hãi. Tôi ngủ thiếp đi để nguyên đèn sáng, mãi sau mới tỉnh dậy để tắt.

Tám giờ sáng hôm sau, tôi qua cánh đồng lầy để tới chỗ máy vệt bùn. Toán thợ đang chuẩn bị thay một dây cáp mới và cuộn dây cũ bị cắt đi. Tôi trông coi thợ làm việc tới mười một giờ mới trở về Lộ-Man. Tới nhà, đã thấy A-Lịch đỗ xe Ford ở cửa chờ tôi. Ông lên tiếng gọi tôi và nói:

— Tôi vừa tới cơ xưởng tìm anh. Hôm nay tôi mời cho giết hai con gà và muốn nhờ anh ăn giúp một phần mời xuề.

Tôi vui vẻ nhận lời. Người đầu bếp của xưởng tôi nấu ăn khá lắm, nhưng ít lâu nay tôi không có cảm tình với y. Y thường hút thuốc lá Quy-Bà trong một cái tần bằng tre. Tôi không ưa cái điệu nham nhai của y mỗi sáng của y. Tay y sạch sẽ nhưng làm tấm bột như tay thợ làm bánh. Tôi trèo lên xe ngồi bên A-Lịch xe bon bon xuống đồi tiến về phía ruộng đất phi nhiêu miền Tây Nam. Ánh mặt trời rạng rỡ chiếu xuống đất đen xám. Hồi tôi còn nhỏ, một đứa trẻ theo đạo Gia-Tô bảo tôi rằng chủ nhật nào cũng phải có mặt trời dù rằng chỉ trong một lát vì ngày đó là ngày của Chúa. Tôi luôn luôn nghĩ tới câu nói đó để chiêm nghiệm xem có đúng không. Chúng tôi vừa tới cánh đồng phẳng, xe lăn bánh trên những mảnh sắt vụn.

A-Lịch hỏi:

— Anh còn nhớ câu chuyện em chị bà Ai Mỹ không ?

— Có chứ !

— Ông chỉ tay về phía trước mặt :

— Nhà họ đấy.

Người ta cũng không biết gì hơn về căn nhà này vì một hàng rào trắc bách điệp bao vây xung quanh. Có lẽ bên trong còn có một thửa vườn nhỏ. Chỉ có mái nhà và mấy chiếc cửa sổ cao vượt khỏi vòm cây. Tôi cũng thoáng thấy tường nhà màu lông đỏ trứng, trang trí những dây hoa vẽ bằng vôi màu hạt dẻ xẫm, hai màu hòa hợp mà ở tiểu bang California này thường dùng cho các nhà trường và ga xe lửa. Có hai cửa chấn song mở qua hàng rào kho lúa ở phía sau nhà, bên ngoài vòm cây. Hàng rào sắt xen vuông vẫn có vẻ dày dặn, vững chắc.

A-Lich nói to, cổ át tiếng động cơ xe :

— Hàng rào cây này để ngăn cản gió.

Tô ỏi :

— Nhưng không ngăn nổi Tư - Gấu.

Một bóng cây chạy qua mặt ông. A-Lich dơ tay chỉ một căn nhà vuông vẫn quét vôi trắng toát trơ vơ giữa cánh đồng.

— Những tá điền người Trang-Hoa ở đằng kia. Họ rất chăm chỉ, ngoan ngoãn tôi thích những người như vậy lắm.

Vừa lúc ấy một cỗ xe ngựa từ trong hàng rào cây nhô ra đường. Con ngựa xám già nua nhưng được chăm sóc sạch sẽ, cỗ xe và yên ngựa bóng loáng. Mỗi bên vĩ che mắt ngựa đều có gắn một chữ H màu bạc trắng toát, chữ tắt của giòng họ gia đình bà Ai-Mỹ. Tôi cảm thấy những dây cương quá ngắn đối với một con ngựa quá già.

A-Lich kêu lên :

— Họ kia kia ! Họ đi lễ nhà thờ.

Họ đã trông thấy chúng tôi. Chúng tôi cúi đầu khi qua mặt hai bà và họ cũng gật đầu chào lại. Tôi quan sát họ rất kỹ và tôi đã vô cùng sửng sốt. Họ có vẻ mặt giống hệt như tôi đã tưởng tượng trong óc. Tư-Gấu quả là còn quý quái hơn tôi đã nghĩ vì chỉ nhờ có giọng nhái lại của nó mà khiến tôi hình dung được cả các nhân vật. Tôi không cần hỏi xem ai là Ai-Mỹ và ai là Mai-Liên.

Đôi mắt trong và sắc, cằm nhọn và quả cảm, miệng mím chặt, vẻ mặt gầy, khác hẳn chính là Mai-Liên. Ai-Mỹ cũng có nhiều nét giống chị nhưng có những điểm khác biệt nhỏ. Mặt bà tròn trặn hơn, cặp môi đầy đặn, mắt chứa nhiều tình cảm. Ngực bà tròn nở, và tuy vậy nói chung bà rất giống Mai-Liên. Nhưng nếu miệng Mai-Liên có vẻ rắn dõng thiên nhiên thì trái lại Ai-Mỹ có vẻ cố làm ra như vậy. Mai-Liên trạc độ năm mươi hay năm mươi lăm tuổi và Ai-Mỹ kém chị độ chừng mười năm. Tôi chỉ có một khoảnh khắc để nhìn họ và sau này không bao giờ còn gặp lại nữa. Thế mà kỳ lạ thay, có lẽ không một người nào ở trên đời này lại được tôi nhớ rõ hơn là hai người gái già này.

A-Lich nói :

— Bây giờ hẳn anh đã hiểu tại sao tôi dùng danh từ quý phái để nói tới họ. Tôi gật đầu đồng ý. Thật là dễ nhận thấy quá.

Một xã hội cộng đồng có thể yên lòng về nền đạo đức nếu có hai người đàn bà như thế. Một làng như làng Lộ-Man lúc nào cũng mờ mờ sương khói với những cánh đồng lầy nhầy nhựa như một tội lỗi thường xuyên thực ra rất cần sự hiện diện của những người như hai chị em bà Ai-Mỹ. Ở lại đây vài năm, người ta có thể trở nên xấu xa tất cả vì ảnh hưởng khung cảnh nơi này, nhưng

sở dĩ điều thiện còn giữ được là ở hai chị em Mai-Liên quân bình hóa cán cân.

Bữa cơm trưa hôm ấy thật là tuyệt diệu. Cô em gái A-Lịch quết bơ vào gà, chiên vàng ngậy lên và chế hóa các món khác rất khéo léo. Tôi càng thấy kém cảm tình và trở nên hoài nghi tài nấu nướng của người bếp ở xưởng tôi. Chúng tôi ngồi ở bàn ăn, uống một ly rượu thật ngon.

Tôi nói :

— Rượu ở nhà anh tuyệt thế này mà không hiểu sao anh vẫn phải tới tửu quán con Trâu. Thử ực ky này thì...

A-Lịch ngắt lời tôi :

— Tôi biết, tôi biết. Nhưng tửu quán Con Trâu là linh hồn của làng Lộ-Man. Nơi đó vừa là tờ nhật báo, vừa là hí viện lại vừa là hội quán của chúng tôi.

Quả A-Lịch nói đúng vì khi ông lái chiếc xe Ford ra đường sắp sửa đưa tôi về, thì cả tôi và ông đều biết rằng chúng tôi sẽ về tửu quán Con Trâu là cả ở đó một hay hai giờ nữa.

Chúng tôi về gần tới khu đông dân cư. Ánh sáng phản chiếu từ thành xe nhẩy nhót trên mặt đường. Một chiếc xe khác nhẩy chồm chồm trên đường, đi ngược chiều chúng tôi. A-Lịch lái xe chặn ngang đường rồi tắt máy.

Ông giải thích :

— Xe bác sĩ Hương đấy !

Chiếc xe vừa tới bắt buộc phải đỗ vì nửa đường còn lại quá hẹp không đủ chỗ vượt qua. A-Lịch cất tiếng gọi :

— Bác sĩ ! Tôi đang đi mời bác sĩ tới thăm bệnh cho em gái tôi. Cô ấy bị xưng trong cổ họng.

Bác sĩ Hương trả lời :

— Được ! Rồi tôi sẽ tới sau. Bây giờ lùi xe lại đi, tôi đang có chuyện gấp.

— Bác sĩ đi thăm cho ai đấy ?

— À, bà Ái-Mỹ hình như khó ở. Bà Mai-Liên mới điện thoại cho tôi, mời tôi tới ngay. Lùi xe lại hộ đi, mau lên !

A-Lịch rú ga lùi xe, nhường lối đi cho người thầy thuốc. Chúng tôi lại tiếp tục nốt đoạn đường. Tôi vừa có ý nghĩ rằng đêm nay trời rất trong sáng nhưng nhìn về phía trước lại thấy những đám sương mù cuộn cuộn từ phía đồng lầy trôi về phía đồi, lượn lờ như những con rắn lười quẩn quít lấy làng Lộ-Man. Chiếc xe Ford dừng lại trước tửu quán Con Trâu. Chúng tôi xuống xe, vào quán.

Vừa lau cổ Cự Mập vừa đi về phía chúng tôi. Hắn thò tay xuống gầm quây lấy sẵn chai rượu.

— Nào ! Các anh dùng gì ?

— ực ky.

Một nụ cười nhẹ nhẹ thoáng trên khuôn mặt thô cằn và buồn thảm. Gian phòng đã bắt đầu đông khách. Toàn thợ trông máy vét bùn có mặt đủ cả chỉ thiếu người bếp. Có lẽ lúc này y đang ngồi trên bờ lầy hút thuốc lá Quy Ba trong chiếc tàu tre. Y không uống rượu, không có điều gì đáng ngờ y cả. Hai người thợ hằm, một người thợ máy và ba người thợ máy khác đều có mặt tại đây. Những người thợ máy đang bàn bạc về việc đào một con lạch thoát nước. Câu ngạn ngữ cổ của tiều phu có lẽ cũng rất hợp với họ lúc này : « Ở rừng thì nói chuyện đàn bà, ở nhà điếm lại nói chuyện kinh doanh ».

Đây là một quán rượu hiền từ nhất mà tôi chưa từng thấy. Không có chuyện ầu ẩu, rất ít tiếng hò hét, ca hát, và không bao giờ có thủ đoạn xấu xa. Với cặp mắt rầu rĩ, buồn nản Cự-Mập như ngồi cầm chịch khách hàng. Ông Rạng vẫn luôn luôn thắng trên các bàn bạc. Tôi và A-Lịch ngồi uống ực ky. Không còn bàn trống, chúng tôi đành ngồi chống tay lên quây rượu nói chuyện thể thao, chuyện buôn bán, kể lại những

ngày phiên lưu đã trải qua hoặc mong mỗi sẽ được thực hiện... tóm lại, những chuyện tầm phào trong quán nước. Chốc chốc, chúng tôi lại gọi thêm rượu. Có lẽ chúng tôi ngồi đấy tới một hay hai tiếng đồng hồ rồi. A-Lịch nói là ông muốn về và tôi cũng có ý định ấy. Toàn thợ làm nhà máy vét bùn ra về cùng một lượt vì họ sắp tới giờ phiên làm đêm.

Hai cánh cửa lừng lặng lẽ mở ra, Tư-Gấu trườn vào trong quán, hai tay buông thõng, tóc rối bù đầu lác lác và vẫn cười ngây dại. Hai bàn chân vuông trông giống như chân mèo.

Nó chặc lưỡi thành một tiếng kêu lớn :

— Uýt-ky ?

Không ai nhúc nhích. Nó bắt đầu khai diễn trò vui, nằm xếp xuống sàn như lần trước tôi đã chứng kiến. Những câu nói ngọt ngào bằng giọng mũi thốt ra. Tôi nghe như giọng nói của một người Trung-Hoa. Rồi hình như cũng những câu nói ấy được một giọng khác nhắc lại, lần này chậm rãi và không còn giọng mũi như trước, Tư-Gấu ngóc cái đầu tóc bù xù hất hàm hỏi :

— Uýt-ky ?

Nó từ từ đứng dậy không có vẻ khó nhọc như mọi lần. Điều này làm tôi thích chí. Tôi muốn biết nó còn có những tài ba gì nữa. Tôi móc tiền đặt lên quầy. Tư-Gấu chộp lấy ly rượu nốc một hơi. Ngay sau đó, tôi hơi hối tiếc về hành động của tôi. Tôi không dám nhìn A-Lịch khi Tư-Gấu trườn tới giữa phòng và bắt đầu dáng điệu một người đang rình mò bên cửa sổ.

Giọng nói đánh thép của Mai-Liên cất lên :

— Thưa bác sĩ, cô ấy nằm kia.

Tôi nhắm mắt lại để khỏi trông thấy Tư-Gấu nhưng đúng lúc ấy cũng không

còn ai chú ý tới nó nữa. Chỉ còn giọng Mai-Liên vẳng lên trong quán.

Tôi đã nghe tiếng nói của bác sĩ Hương khi gặp trên đường về quán và bây giờ thì cũng chính tiếng bác sĩ nói qua cổ họng Tư-Gấu :

— Bà bảo sao ? Bị ngất đi à ?

— Thưa bác sĩ, phải.

Một khắc im lặng, rồi tiếng bác-sĩ nói một cách dịu dàng :

— Bà Mai-Liên ơi, tại sao bà ấy lại làm như thế.

— Bác sĩ bảo cô ấy làm sao ?

Trong câu hỏi lại của người đàn bà có một vẻ như dọa nạt.

— Bà Mai-Liên, tôi là thầy thuốc của gia-đình bà. Tôi cũng là thầy thuốc của cụ Nghị, thân sinh hai bà. Bà cần phải kể hết cả với tôi. Vết hằn ở trên cổ tôi chưa thấy có trước đây. Khi bà trông thấy thì bà ấy treo cổ đã lâu chưa ?

Lần này, thời gian im lặng lâu hơn. Rồi một giọng đàn bà thì thào, yếu ớt :

— Độ hai hay ba phút. Như thế có sao không hả bác sĩ ?

— Không sao, rồi bà ấy sẽ tỉnh lại. Không có gì trầm trọng. Nhưng tại sao bà ấy lại hành động đại dột thế ?

Giọng trả lời lạnh lùng hơn lúc ban đầu. Có thể nói là một giọng đánh thép bằng giá.

— Thưa ông, tôi không biết.

— Phải chăng bà muốn nói rằng tôi không nên nói rõ sự thực hơn nữa ?

— Tôi muốn nói như tôi đã nói với ông.

Tiếp theo là tiếng bác sĩ dặn dò cách dùng thuốc, khuyên nên nghỉ ngơi, uống sữa và một chút rượu uýt ky.

Ông nói :

— Bà nên khéo léo một chút. Cần nhất, bà phải dịu dàng nhún nhường với em bà.

Giọng Mai-Liên hơi run run :

— Bác sĩ... đừng nói gì nhé.

Tiếng trả lời êm dịu :

— Tôi là thầy thuốc của bà. Tất nhiên là tôi sẽ không nói với ai. Chiều tôi sẽ gửi thuốc an thần đến cho bà.

— Uýt ky ?

Tôi giật mình mở choàng mắt. Từ Gấu đã hiện nguyên hình quay mặt cười với những người xung quanh.

Mọi người đều im lặng, có vẻ hồ thẹn, Cự-Mập nhìn chăm chăm xuống đất. Tôi biết tôi là kẻ chịu trách nhiệm về chuyện này nên quay sang A-Lịch kiểm lời xin lỗi :

— Tôi không ngờ nó lại làm thế. Tôi rất tiếc.

Tôi ra khỏi quán, quay về căn phòng tôi tán nhà bà Rạng. Tôi mở tung cửa sổ, ngấm ngia những giọt sương mù lượn lơ trên không gian. Xa xa tiếng động cơ Diesel bắt đầu nổ. Và một lát sau tôi tiếng chiếc gầu máy xoay vào lòng đất.

Sáng hôm sau, một loạt tai nạn dồn dập xảy tới cho chúng tôi, những tai nạn thông thường của nghề này. Một sợi giây cáp mới vừa kéo lên bị đứt ngay, thiếc gầu máy từ trên cao rơi trúng cầu nổi làm cả toán thợ và cầu chìm xuống bùn tới ba thước. Khi chúng tôi dùng một giây khác để kéo cầu lên, giây này lại đứt nữa và nghiêng đứt chân một công nhân. Chúng tôi vội băng bó ngay vết thương và đưa anh về bệnh viện ở Sa-Linh. Rồi trong lúc vận xui, các tai nạn lật vật khác liên tiếp xảy tới. Một thợ máy vướng giây cáp trầy da, vết thương xưng mủ làm độc. Tên đầu bếp lên bàn đồ ma túy cho công nhân. Cơ xưởng bốc rối, không lúc nào yên. Phải mất hai tuần lễ chúng tôi mới làm lại được cầu nổi, mướn đủ thợ và đầu bếp cho công việc tiến triển đều hòa. Người đầu bếp mới

thân hình nhỏ nhắn da nâu nhờn, có vẻ thâm hiểm. Mũi hăn dọc dừa, mồm mép béo lẻo rất khéo nịnh hót.

Sự tiếp xúc của tôi với cuộc sống trên làng Lộ-Man như vừa rơi xuống vực sâu. Nhưng khi thiếc gầu máy được sửa lại, bắt đầu xoay đất và tiếng động cơ Diesel lại vang động ròn rã từ đồng lầy vọng lại thì tôi đã thành thói hơn.

Một hôm tôi đi bách bộ tới thăm trại A-Lịch. Khi tới khu nhà Ái-Mỹ, tôi ghé mắt trông qua những chiếc cửa chắn song ngoài rào nhìn vào phía trong. Trong nhà tối om, và một ánh sáng leo lét nơi cửa sổ như làm căn nhà tối hơn nữa. Chiều hôm ấy, gió thổi nhẹ đẩy trôi vật vờ những đám sa mù. Đầu không mưa, có lúc tôi đi vào trong sương, có lúc bước vào một khoảng quang đãng. Qua ánh sao, tôi thấy những tầng sương mù trắng bạc di chuyển trên cánh đồng như những bóng ma, tôi tưởng như nghe thấy tiếng than vãn thầm thì đằng sau hàng rào trắc-bách-diệp khu nhà Ái-Mỹ. Rồi đột nhiên, từ bên trong một bóng người xò ra rào bước về phía đồng như lần trốn. Nhìn dáng điệu lết sệt trên đường, tôi nhận ra ngay đó là người tá điền Trung-Hoa đi dép săng-đan, đang làm cho gia đình chị em bà Ái-Mỹ. Người Trung-Hoa thường có thói quen kiểm ăn mò mẫm trong đêm khuya.

Tôi gõ cửa thì A-Lịch đích thân ra mở. Ông mừng rỡ được gặp lại tôi. Em gái ông đi vắng. Tôi ngồi xuống bên lò sưởi, A-Lịch kiếm một chai rượu mạnh mang tới. Ông hỏi tôi :

— Tôi nghe nói công việc làm ăn của anh dạo này gặp nhiều trắc trở phải không ?

Tôi gật đầu, kể lại mấy tai nạn vừa qua.

— Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chi. Người ta đã nói rằng cái họa nó không tới một mình mà phải tới đồn ba, năm bảy hay chín tai họa một lúc.

A-Lịch gật đầu tán thành.

— Tôi cũng có cảm tưởng như vậy.

Tôi hỏi :

— À, còn hai chị em bà Mai-Liên giờ ra sao? Tôi vừa qua nhà, hình như bên trong có người khóc.

A-Lịch hình như không muốn nhắc tới chuyện gia đình này, mà đồng thời trong thâm tâm lại rất chú ý tới những chuyện đó.

— Cách đây một tuần tôi có tới thăm. Bà Ai-Mỹ chưa được khỏe lắm. Tôi không gặp bà ta mà chỉ nói chuyện với bà chị.

Rồi A-Lịch nói thẳng, không ngần ngại :

— Hình như có điều gì bí ẩn bao trùm gia đình này, có một cái gì là lạ..

Tôi nói :

— Đúng là ông có họ với nhà đó.

— Không hẳn thế. Tuy nhiên hai gia đình chúng tôi thân nhau. Ông thân sinh bà Mai-Liên và ông thân tôi là bạn cố tri. Chúng tôi vẫn gọi bà Mai-Liên và bà Ai-Mỹ bằng dì. Các bà không thể làm một điều gì xấu xa được. Giả thử nếu có sao, cũng chẳng ảnh hưởng gì tới chúng tôi.

Tôi hỏi :

— Nhưng, còn tình đồng hương?

— Vấn đề đạo đức! Ở đây trẻ nhỏ có thể kiếm được bánh ngon. Ở đây, các bà có thể kiếm được nguồn an ủi. Họ

kiêu hãnh lắm, nhưng họ tin tưởng vào những điều mà chúng tôi hy vọng là chân thực. Họ sống như là... như là... sự trong trắng là chính sách tuyệt hảo và lòng bác ái là phần thưởng thực sự. Chúng tôi cần có các bà.

— Tôi hiểu.

— Nhưng bây giờ bà Mai-Liên đang phải phấn đấu chống lại một sự gì ghê gớm lắm và... tôi không tin là bà sẽ thắng nổi.

— Ông muốn nói sao?

— Tôi cũng không biết là tôi muốn nói cái gì. Nhưng có lúc tôi có ý định giết chết Tư-Gấu rồi quăng xác nó ra đồng lầy.

Tôi nhận xét :

— Cũng không phải là lỗi tại nó. Nó chỉ là cái máy ghi âm rồi lại phát ra mà thôi. Chỉ vì người ta đã dùng ực ký thay cho tiền bạc.

Chúng tôi còn nói một vài chuyện khác nữa rồi tôi mới trở về Lộ-Man. Sương mù như bám vào hàng rào trức bách-diệp xung quanh nhà bà Mai-Liên. Từng tầng sương xô đẩy nhau bên ngoài hàng rào, một vài tầng khác từ từ trôi vào trong nhà. Tôi vừa đi vừa tìm tìm cười nghĩ tới thái độ kỳ lạ của con người lúc nào cũng tưởng tượng cảnh vật thiên nhiên phải vui hay buồn theo hoàn cảnh, theo ý nghĩ của riêng mình. Khi qua nhà bà Mỹ-Liên, trong nhà không đèn tối om.

CÁO LỖI

Vì lý do sức khỏe của bạn Nguyễn-Ngu-Í nên loạt bài « Phỏng-vấn về quan-niệm Hội-họa » và « Giải thưởng văn chương miền Nam » phải tạm gác lại một vài kỳ.

Tòa soạn Bách-Khoa xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc thân mến.

Công việc của tôi lại tiến triển đều hòa. Máy đào hồ hoạt động như cũ. Thợ thuyền cảm thấy vận rủi đã qua. Người đầu bếp mới mớm mếp béo lẻo thuyết phục công nhân quá khéo đến nỗi có lần họ thấy trong mâm cơm có cả một miếng xi măng rán mỡ. Thế mới biết cái xã giao của người đầu bếp cần thiết cho thợ thuyền hơn là những món ăn do anh nấu ra.

Ghiều hôm ấy, đúng hai ngày sau hôm tôi ăn ở nhà A-Lịch, tôi thủng thẳng dạo bộ trên vỉa hè gỗ kéo theo những vết sương mù trước khi bước vào quán Con Trâu. Cụ-Mập vừa lau cốc vừa tiến tới phía tôi. Tôi gọi « Uýt-ky » để chặn trước không cho hắn nhắc lại câu hỏi quen thuộc. Tôi cầm cốc rượu mang lại chỗ ghế xấu ngồi xuống nhắm nháp. A-Lịch chưa có mặt tại đây. Ông Rạng vẫn tiếp tục được bạc. Có lúc ông ăn bốn ván liền và uống liền bốn ly. Khách hàng mỗi lúc một thêm đông. Tôi nghĩ nếu không có tửu quán Con Trâu, không biết chúng tôi dùng thì giờ dư để làm gì.

Khoảng mười giờ, mọi người đều biết tin đó. Người ta không thể nhớ một cách chắc chắn rằng bắt đầu tin ấy loan ra như thế nào? Một người nào đó bước vào quán, một vài tiếng thì thầm ở góc phòng, thế rồi tất cả mọi người đều rõ chuyện gì đã xảy ra với những chi tiết đầy đủ. Bà Ai-Mỹ đã tự tử. Ai mang tin ấy tới? Tôi cũng không thể nào biết được. Bà đã treo cổ tự tử. Trong quán, người ta cũng không bàn tán sôn sao về vụ này. Tôi thấy những khách uống ở đây đều giữ một thái độ dè dặt. Đây là một trường hợp lạ lùng lắm không giống những chuyện tầm phào hàng ngày ở quán rượu. Họ ngồi thành từng bộn năm ba người và nói chuyện khe khẽ.

Cánh cửa lừng từ từ mở và Tư-Gấu trườn vào bên trong, cái đầu đồ sộ lắc lư, nụ cười ngầy dại vẫn giữ trên môi.

Hai chân nó lê trên sàn gỗ. Nó nhìn từ phía rồi lên tiếng rờn rờ:

— Uýt ky? Uýt ky cho Tư?

Mọi người thực tình đều nóng lòng muốn biết tin tức đặc biệt ấy. Họ cũng cảm thấy tò mò muốn biết chuyện này là xấu lắm nhưng họ không thể tự chủ nổi. Cụ-Mập với chai rót một ly uýt ky. Ông Rạng xếp cổ bài lại và đứng lên. Tư-Gấu uống một hơi hết ly rượu. Tôi nhắm hai mắt lại.

Bác sĩ có một giọng nói khô cằn:

— Bà Mai-Liên, bà Ai-Mỹ đâu?

Tiếng đàn bà trả lời, bằng một giọng cương nghị lạnh giá, một giọng tôi chưa từng nghe thấy bao giờ. Giọng nói vẻ ngoài như bình thản nhưng bên trong giấu kín một nỗi đau đớn cay đắng tôi tội diêm.

— Thưa bác sĩ, cô ấy kia.

— Hừ — im lặng một lát — Bà ấy treo cổ như thế độ bao lâu?

— Thưa bác sĩ, tôi cũng không rõ là bao lâu.

— Tại sao bà ấy lại hành động như vậy bà có biết không, bà Mai-Liên?

Lại vẫn giọng bình thản đáp lại:

— Thưa bác sĩ, tôi không... biết.

Im lặng. Rồi tiếng bác sĩ nói:

— Bà Mai-Liên! Bà có biết là bà Ai-Mỹ đang có thai không?

Tiếng nói lạnh lùng như vỡ ra, sau một tiếng thở dài.

— Dạ, tôi biết.

Rồi một giọng rất nhỏ.

— Nếu chỉ vì thế mà bà đã ngập ngừng... không, bà Mai-Liên, tôi không định nói như vậy.

Giọng Mai-Liên lại giữ được vẻ tự chủ lúc đầu:

Bác sĩ có thể cấp cho một chứng nhận mà đừng có ghi...

— Được! Được! Việc đó chắc chắn tôi có thể giúp bà. Tôi thu xếp cả cho vấn đề mai táng nữa. Bà đừng có lo lắng gì cả.

— Cảm ơn bác sĩ.

— Để tôi gọi giầy nói báo cho các nơi. Tôi không muốn bà ở lại nhà một mình trong lúc này. Bà sang buồng bên kia nằm nghỉ đi. Tôi sẽ kiểm cho bà một ống thuốc an thần.

— Uýt-ky! Uýt-ky cho Tư.

Tôi nhìn thấy cái miệng toé toét và cái đầu rậm tóc đang lắc lư. Cụ-Mập rót đầy một cốc rượu nữa. Tư-Gấu uống xong trườn về phía cuối phòng, chui vào gầm bàn gục xuống ngủ.

Không ai nói gì cả. Họ lẳng lẳng tới quầy trà tiền. Vài phút sau, A-Lịch lẳng lẽ vào quán. Ông tiến vội tới tôi:

— Anh biết tin rồi chứ?

— Biết.

— Tôi sợ quá anh ạ! Tôi có nói với anh một lần rồi, tôi sợ quá.

Tôi hỏi:

— Anh cũng biết là bà ta có chữa rồi chứ?

A-Lịch rúm người lại. Ông nhìn một lượt khắp phòng, rồi nhìn tôi:

— Tư-Gấu nói?

Tôi gật đầu.

A-Lịch lấy tay che lên mắt.

— Tôi chưa tin điều đó.

Tôi vừa toan trả lời thì có tiếng sột soạt ở cuối phòng. Tư-Gấu chui ra khỏi bàn, đứng lên, len lén như con chồn tiến về phía quầy rượu.

— Uýt-ky?

PHẠM CÔNG-T HIỆN

CA SĨ

Cô đơn về trắng sương rừng
Anh nghe tiếng hát hoang đường
nửa đêm

Khuya buồn tủi nhọc môi em
Mưa run lặng lẽ trên thềm bờ
vờ

Tiếng em vàng xuống đôi bờ
Hoang vu anh đứng đợi chờ
chim kêu

Tay gầy ôm chặt tình yêu
Anh về phủ gục những chiều hư-
vô

Đời đi trên những năm mố
Đau thương em hát cơ hồ khăn
tàng

Phổ chiều tôi bước lang thang
Như con sông nhỏ mơ màng
biển xanh

Nửa đêm khói đốt đời anh
Yêu em cảm lặng như cảnh hư-
đông

Đời em như một dòng sông
Đôi bờ anh đứng giữa lòng hoa-
niên

Mưa chiều nước chảy triền miên
Một con chim đại lạc miền hoang
lương

Về đâu thương những con đường
Lê thê pho cũ nghe buồn hè xưa

P. C. T.

Nó cười với Cụ-Mập rồi, chờ đợi.

Ngay lúc đó, A-Lịch đứng lên, nói lớn với tất cả mọi người :

— Này ! Các anh em nên nghe tôi. Thế đã là quá lắm rồi, chúng ta đừng đi xa hơn nữa. Tôi không muốn những chuyện đó.

Nếu A-Lịch chờ đợi mọi người phản đối ý kiến của ông, thì ông đã thất vọng. Tôi thấy mọi người trong quán đều ra hiệu đồng ý với A-Lịch.

— Uýt-ky cho Tư ?

A-Lịch quay về phía nó :

— Mày phải biết xấu hổ chứ. Bà Ái-Mỹ đã nuôi mày ăn, bà ấy cho mày quần áo để mà che thân chứ không mày sơ sác như con nhộng.

Tư-Gấu cười vào mặt ông.

— Uýt-ky ?

Đã tới lúc nó thấy cần phải trở tài. Tôi nghe một giọng nói từ cổ họng nó thốt ra, tiếng nói ngọt ngào bằng giọng mũi. Đó là tiếng một người Trung-Hoa. A-Lịch có vẻ hơi yên tâm.

Rồi tiếp theo là một giọng nói khác, chậm hơn và ngập ngừng, nhắc lại những tiếng nói mà không còn giọng mũi như trước.

A-Lịch nhảy vọt lên, nhanh như cắt. Ông thoi một quả đấm vào miệng Tư-Gấu đang toé toét cười. Ông hét lên :

— Tao đã bảo mày thế là đủ rồi.

Tư-Gấu ngồi dậy, lấy lại thăng bằng. Mũi nó nứt đôi, rớm máu nhưng vẫn giữ nụ cười. Nó cử động nặng nề, chậm chạp. Hai tay nó vòng ra ôm chặt lấy A-Lịch như con bạch tuộc quấn một con cua. A-Lịch ngả người về phía sau. Tôi vội vã nhảy tới nắm lấy

một tay nó vặn mạnh nhưng nó cũng không buông. Cụ-Mập cầm một cái vò, nhẩy qua quầy rượu. Hắn bỏ liền tiếp lên đầu Tư-Gấu cho tới khi nó buông lỏng tay và ngã gục xuống. Tôi xốc nách A-Lịch lôi ông ngồi lên ghế.

— Anh có bị thương không ?

A-Lịch thở hồn hển :

— Có lẽ tôi bị trẹo sườn. Nhưng chắc không sao đâu.

— Anh có mang xe theo không. Tôi lái xe đưa anh về.

Khi qua nhà bà Mai-Liên cả hai chúng tôi đều không nhìn lên. Tay tôi tỳ trên vô lăng, mắt chăm chú nhìn đường. Tôi dẫn A-Lịch vào nhà, diu tới giường đặt ông nằm xuống và rót cho ông một ly rượu nhẹ. Trên đường về, ông chưa nói câu gì. Bây giờ nằm yên trên giường rồi, ông mới cất tiếng hỏi :

— Anh thấy trong quán có ai chú ý và nhận thấy không. Chắc tôi đâm nó vừa đúng lúc đấy chứ ?

— Anh muốn nói gì ? Chính tôi cũng không hiểu tại sao anh đánh nó.

— Tôi chắc phải nằm liệt mất vài ngày. Trong những ngày đó nếu anh thấy ai nói năng gì lời thôi anh ngăn cản hộ tôi nhé. Đừng để họ nói điều ấy ra.

— Tôi vẫn không hiểu anh định ám chỉ chuyện gì ?

A-Lịch nhìn vào mắt tôi một lúc lâu rồi mới nói :

— Tôi tưởng đối với anh thì cũng chẳng cần phải giấu diếm nữa. Giọng nói tiếp theo tiếng tên tá điền Trung - Hoa là tiếng... bà Ái-Mỹ đấy.

ĐẶNG-TRẦN-HUÂN

● Câu khen quá đáng của người bạn còn hại hơn câu chê quá đáng của kẻ thù.

Lôi-Mã-Bại

FOREIGN EXCHANGE BANK
THE BANK OF TOKYO LTD

HEAD OFFICE : TOKYO JAPAN

SAIGON OFFICE

No 12 - 22, Dai lo HAM NGHI

Tel : 25.807-25.808 P.O. Box No M. 7

DOMESTIC OFFICES

Head Office - Ginza - Yaesu-dori - Ningyocho - Marunouchi -
Yurakucho - Hibiya - Shimbashi - Asakusa - Uchisaiwaicho -
Yokohama - Shimizu - Nagoya - Akatsuka - Osaka - Senba -
Shinsaibashi - Kobe - Tor Road - Hiroshima - Shimonoseki -
Fukuoka - Nagasaki - Sapporo - Otaru.

OVERSEAS OFFICES

New York - San Francisco - Los Angeles - Seattle - Rio De
Janeiro - Sao Paulo - Buenos Aires - London - Hamburg -
Dusseldorf - Paris - Karachi - Bombay - Calcutta - Vientiane -
Kuala Lumpur - Singapore - Hong Kong - Bangkok.

REPRESENTATIVES OFFICE

Chicago - Houston - Toronto - Mexico City - Lima - Brussels -
Lagos - Johannesburg - Beyrouth - Baghdad - Teheran - New Delhi -
Rangoon - Phnom-Penh - Djakarta - Manila - Sydney - Cairo -
Frankfurt - Vancouver.

THE BANK OF TOKYO OF CALIFORNIA

San Francisco - Los Angeles - Gardena - San Jose

THE BANK OF TOKYO TRUST COMPANY

New York

Niềm tin chưa mất

THĂNG con tôi ở trần và đang nắng cả ngày. Hỏi lý-do vì sao, nó không chịu nói. Tôi phải ôn tồn giảng cho nó nghe rằng đang nắng tắm nhiều khi cũng nguy-hiêm : có thể bị nhức đầu, bị cảm nắng sinh bệnh.

— Con đừng nên làm phiền Ba. Ba đi làm vắng cả ngày thế mà lỡ con đau bệnh thì ai săn sóc cho con ? Những lần con đau con có nhớ rằng Ba phải thức suốt đêm bên giường con không ?

Thầy tôi thật tình lo lắng, nó nói :

— Nhưng mà... lũ học trò nó cứ gọi con là heo luộc.

— « Heo luộc » là cái gì ?

Tôi ngờ ngác hỏi.

— Tụi nó nói da con trắng như heo luộc.

Không thể nín được, tôi bật cười to một tràng dài. À ra con heo luộc phải đang nắng để thành con heo

quay đây mà ! Thời đại đổi thay, ngày xưa người ta yêu màu da trắng trẻo còn ngày nay người ta chuộng màu da rám nắng. Quả tình có nghe con tôi nói tôi mới để ý thấy rằng độ này da dẻ nó có rám đen đi phần nào. Ngày còn má nó, da nó trắng như da con gái. Tôi nhớ đến những buổi trưa 10 giờ bãi biển đầy những cô gái nằm phơi nắng. Họ đội mũ lác rộng vành và đeo kính râm. Những chàng trai da nâu hãnh diện đi đi lại lại. Quan niệm Đẹp có thay đổi nhiều thật nhưng tôi không ngờ nó lại ăn sâu cả vào lớp trẻ con mới mười tuổi. Hồi tôi còn nhỏ đi học thầy giáo yêu nhất những đứa học trò mặt mũi trắng trẻo đã đành, cả đến chúng tôi cũng chỉ thích chơi với những đứa bạn mặt mày trắng trẻo. Những đứa đen đui nhiều khi bị chê giễu một cách tàn-nhẫn. Tôi nhìn kỹ lại con tôi hơn. Nó chỉ đánh một cái quần đùi ngắn màu đỏ, — mãi đến bây giờ

tôi mới tự hỏi tại sao chị ở lại cứ bắt nó mặc quần đùi đỏ, mua chỉ mà một lần đến 3, 4 cái quần đùi đỏ, — còn thì mình trần cả ngày. Tôi tưởng tượng đến một lúc nào mình nó sẽ đen như một con heo quay. Và tự nhiên tôi nghĩ đến một hình ảnh, không phải trong Tương-lai mà chính ngay trong Quá-khứ tôi đã sống. Tôi nhớ đến anh Tộc, người bạn học của tôi hồi còn lớp Tư. Lúc bấy giờ chúng tôi vào khoảng 10, 11 tuổi. Mình Tộc gầy đét, hai chân như hai cái que. Đã thế lại chuyên môn mặc quần đùi khiến chúng tôi mỗi lần gặp anh là phải để ý ngay đến cặp chân que tằm. Không biết anh ta khéo xếp thế nào mà cái quần đùi nào anh mặc cũng cũ, cũng sờn dít hoặc rách dít. Tôi chưa hề thấy anh mặc một cái quần đùi mới. Không mới mà có cũ, thế có lạ không? Anh không bao giờ mặc áo. Đi từ đầu làng đến cuối làng mà cũng để mình trần. Đánh bi đánh đáo cả ngày, hết bắt dề đến câu cá, lúc nào anh cũng phơi mình giữa nắng khiến da cứ tím sạm lại. Người lại gầy, xương sống chạy một hàng dài gồ lên, còn xương sườn thì dẹt đủ mười hai đôi. Hai núm vú thâm dãn sát vào da như đầu của hai chiếc đinh bẩy phân ai đã đóng vào ngực. Ngực lép và bụng lép nhưng cái rún lại béo bở. Rún của ai cũng thõm vào, hoặc tròn như lỗ đáo, hoặc méo xệch như một cái miệng cười mỉm, chỉ riêng rún của Tộc thì lộ ra một đoạn dài gần hai phân, trông như cái núm vung. Rờ tay vào thấy mềm mềm những thịt.

Lúc bấy giờ ở xóm tôi có một gánh hát bội đến trình diễn thường xuyên, chúng tôi cứ đợi đến 9 giờ khuya rạp thả giàn là ùa vào coi khỏi mất tiền. Rạp hát lấy tên là rạp Thanh-Xương. Thấy Tộc mình chỉ toàn những da và xương, một người bạn có nhiều sáng kiến bỗng đặt tên cho Tộc là thằng Thanh Xương. Tộc không phản đối mà nhận cái biệt hiệu mới một cách vui vẻ. Do đó mà những khi đùa nghịch chúng tôi có thể gọi tên Tộc hay tên Thanh Xương cũng được.

— Ê Tộc, thách mày lặn một hơi cho qua bờ bên kia sông đó.

— Thanh Xương, Thanh Xương, leo lên cây bàng gỡ dùm con điều cho tao một tí mày.

Tộc không chịu thua một cuộc thách đố nào, không từ chối một sự nhờ vả nào. Kết quả của những cuộc mạo hiểm là mình Tộc mang đầy những vết sẹo. Anh em ai cũng mến Tộc vì Tộc chấp nhận mọi sự đùa nghịch của anh em. Tộc không bao giờ cáu gắt. Hoặc là thách đánh nhau hoặc là tha thứ không thêm chấp, thế thôi. Không thêm trả thù ngầm, không thêm nói láo.

Tộc ham chơi đáo đến nỗi có hôm mê mãi ăn thua mà đũa nào giấu áo không biết. Đến lúc trông đánh, chạy đi tìm áo, hỏi ai cũng bảo không biết, lấy ai cũng không chịu chỉ dùm khiến Tộc òa ra khóc. Tộc sợ thấy lắm. Nhưng mà cái tật ở trần cỡi áo vắt vai, Tộc vẫn không thể bỏ. Đến sân trường thì bỏ sách vở xuống cỏ, đặt

áo đê lên trên rồi thì chơi mãi chơi mê không còn biết trời đất gì nữa. Mãi đến khi trống đánh vào lớp mới lật đặt bỏ trò chơi mà vội vã mặc áo vào. Có lần vừa cài vớ ăn thua vừa hện hò tái đầu, anh cài hột nút này sang khuy áo kia mà không biết. Khi sắp hàng vào lớp, ai nấy đã ngồi an vị rồi thì thấy Nghĩa, thấy giáo chúng tôi, đi soát qua lớp một lượt. Thấy chỉ tay sang Tộc, gọi :

— Tộc, lên bảng.

Tộc đứng vụt dậy, nhanh quá, như một cái gân bị giật. Có lẽ người anh chỉ có gân và xương nên sự phản ứng mới lẹ như thế. Anh thoăn thoắt bước lên bảng, vô tư như khi đi nhặt một hòn bi. Đứng cứng nhằm bảng đen mới dừng lại. Rồi im lặng, một ngón tay bôi lên bảng vẽ hình con cua con quạ gì đó. Thấy Nghĩa quát :

— Quay mặt trở lại !

Anh vâng lời quay mặt trở lại và cả lớp cười rộ lên vì hai cái vạt áo gài khuy so le. Anh ngỡ ngác không biết vì sao các bạn cười mình. Thấy hỏi :

— Hỏi trưa mày làm gì ?

Tộc trả lời ngay, không phải suy nghĩ :

— Dạ thưa thầy hỏi trưa con ăn cơm xong thì mẹ con sai con gánh nước mắm qua nhà bà Chức Ba. Kỳ nước mắm trước bị thiếu nắng, đang không kỹ nên mới để nửa tháng mà đã trở, thúi quá...

Lũ học trò cười rộ lên, to hơn trước, thề mà Tộc vẫn điềm nhiên nói tiếp. Nhưng tiếng ồn ào lớn quá, chắc cả lớp không nghe được gì, duy chỉ có những đứa ngồi bàn đầu như tôi là nghe rõ tiếng Tộc chăm rãi tiếp :

— ... bà Chức Ba bắt đền nói mẹ con mà không đổi nước mắm khác cho bà ta thì bà ta...

Đền đây thấy Nghĩa đập mạnh thước gạch vào mặt bàn một tràng dài và cả người nói lẫn người cười đều im lặng. Thấy giận dữ nói :

— Ý tao hỏi mày hỏi trưa mày làm gì mà đi học mặc áo xộc xệch như vậy. Chứ mày gánh nước mắm cho bà Chức Ba hay bà Chức Tư gì thì tao đâu cần biết, nước mắm của mẹ mày thúi hay thơm cũng thay kệ mày.

Tộc cúi nhìn xuống vạt áo của mình và lặng lẽ cời nút ra rồi gài lại, vẻ thản nhiên như không có việc gì xảy ra. Thấy nói :

— Thôi cho đi xuống.

Tộc « dạ » một tiếng, lúi thủi đi xuống nhưng khi đến dãy bàn thứ tư không quên nháy mắt sang một đứa bạn bên cạnh. Chúng tôi ai cũng biết thấy Nghĩa không có cảm-tình với Tộc nhưng Tộc, hình như anh lại không để ý đến điều đó. Tỉnh thấy Nghĩa cẩn thận, ư sắp đặt trang hoàng cho lớp đẹp đẽ. Những khẩu-hiệu « Tiên học lễ hậu học văn, Trọng thầy mới được làm thầy, chăm chỉ sạch sẽ... » được thầy cắt bằng giấy màu treo cân đối. Những

hình vớ vẩn xanh đỏ lờ lợt như hình Phúc Lộc Thọ, Sư-Tử hí cầu thấy cất ở nhân pháo hay nhân hương những tấm bùa thiếp hình chợ hình phố, thậm chí có những ảnh á xam thấy cũng lỏng giấy bóng treo khắp tường, chi chít, rộn ràng bên cạnh những tấm địa đồ, bảng đồ nghiêm trang đứng đắn. Thấy coi chừng tóc tai và quần áo của học-sinh luôn. Không phải với mục-dịch bảo vệ sức khỏe, chắc thề, mà chỉ vì sợ Đốc-học hay Thanh tra bắt chợt tới. Sách vở bút mực thì khỏi phải nói. Mỗi lần sắp có Thanh tra tới khám trường thì chúng tôi thật là khổ sở với thầy. Thầy tập đứng dậy, tập ngồi xuống thầy bắt bao lại sách vở, bắt cắt tóc, bắt cắt móng tay bắt mặc bộ quần áo nào đẹp nhất. Sợ lữ chúng tôi quên đi những lễ nghi tồi thiểu, thầy bắt chép và học thuộc lòng một bài nhan đề «Lời khuyên học trò». Bắt đầu như thế này :

« Trông trường vừa đánh mau mau
Sắp hàng ngay ngắn trước sau
đàng hoàng

Đừng nói chuyện, chớ làm ồn

Học trò như vậy mẹ cha vui mừng ».

Sau này tôi mới biết rằng đó là một bài thơ dở sai âm luật Chắc do thầy sáng tác. Vì lâu lâu thấy lại cho chép thêm một đoạn ám-chỉ một khuyết-điểm nào đó mà ông vừa khám phá ra. Ví-dụ hôm thấy đề cổ thành Hùng đánh 3 roi vì tội hái trộm dưa leo bị bà Tang lên mét giữa lớp thì chiều đó thầy bắt chép thêm một đoạn «Lời khuyên học trò» (tiếp theo) :

Dưa cà là của người ta

Minh đừng khuấy phá hái mà
không nên

Bắt được đã phải chịu đòn

Lại làm xấu hổ tổ tiên ông bà.

Tôi không biết bao giờ bản trường ca này mới chấm hết. Chỉ biết mỗi lần thấy dạy dư giờ hay những chiều mùa đông chưa tan học mà trời tối quá không thấy mặt chữ thì thấy bắt cả lớp ê-a đọc bài «Lời khuyên...» như những tín-đồ tụng niệm giáo-điều. Tất nhiên là với một thầy giáo cẩn thận đường ấy và nhất là sợ Thanh tra tới mức ấy thì Tộc không phải là một cái hoa đẹp đáng để cho lớp và cho thầy hãnh diện. Tóc thì dễ thường đến hai tháng mới cạo một lần, cạo chứ không phải cúp, thành ra tóc mọc lên xuống trán, tóc mai chia nhọn xuống nửa má. Cái mặt trở nên choắt lại bằng bàn tay. Áo quần thì như trên đã nói. Thành ra thầy có nhiều thành-kiến đôi với Tộc, những thành-kiến khiến có lần Tộc bị mắng oan. Một hôm giữa lúc sắp hàng, thầy khám sạch sẽ. Thấy kéo hẳn Tộc ra khỏi hàng, chỉ vào cặp chân đen :

— Mày ở bàn thề kia ?

Tộc thưa liền :

— Thưa thầy con mới tắm ạ.

— Mới tắm cái gì ? — Thầy sừng sộ nói — Cái cổ đầy những đất thề này.

Thầy vừa nói vừa lùa ngón tay kỳ cọ nơi cổ của Tộc. Nhưng quả không

có một lần đất nào dính nơi tay thấy cả. Thấy hơi ngượng, đứng im nhìn kỹ Tộc từ đầu đến chân. Rồi thấy chỉ xuống hai cái mụt Tộc mang ở cổ chân :

— Ở bần ghê chốc thề kia mà nó còn cái tao nữa.

Tộc vẫn trả lời tỉnh bơ :

— Dạ, thưa thầy không phải ghê ạ. Đây là vết đĩa cắn. Hôm chủ nhật con đi mót lúa đám ruộng ông Thuận bị đĩa bầu cắn. Con rịt thuốc mãi mà chưa lành. Mẹ còn nói đĩa mền nó cắn là độc lắm.

Thầy giáo không trả lời, nhún vai một cái rồi ra lệnh cho vào lớp. Ở trong lớp ai có làm quấy, ví dụ làm đổ mực xuống nền xi-măng, bôi tay bẩn lên vách, ném đá vỡ ngói... mà thầy chưa tìm ra thủ phạm là y như thầy nghi cho Tộc. Chúng tôi cứ tưởng Tộc thù thầy, nhưng tuyệt-nhiên không. Đi cùng chúng tôi đến nhà thầy nộp bài, Tộc hay đảo mắt nhìn khắp đó đây rồi liên-tiếp đề-nghị :

— Thưa thầy cây cau ở ngang chái bếp của thầy đã có buồng dấy rồi đó. Để con leo bẻ cho thầy. Hai hôm nữa thì già mất.

Thầy hỏi :

— Mày leo gì được ?

Thì Tộc vốn vấ ngay :

— Ồ ! Con leo giỏi lắm. Để con leo thầy coi. Con leo không cần « nài » mà.

Thề là từng thối một, Tộc thoăn thoắt leo lên bám ở trên đọt cau, nhanh nhẹn bẻ cả một buồng rồi tuột xuống. Lần khác đến thăm thầy, sau khi cả bọn chia tay nhau vục gạo vào vò nước lã uồng lầy uồng đẽ, Tộc bỗng nhăn mặt nói :

— Nước hôi bần quá !

Chúng tôi đưa mắt lờ Tộc, có ý bảo :

— Chết ! Sao mày ăn nói hỗn thề ? Nước nhà thầy mà mày chê hôi.

Nhưng Tộc thần nhiên nói bô bô :

— Muốn hết hôi thì phải đào. Ở dưới đáy giếng thiếu gì bần non rồi những dây gàu đứt, đồng xu, mề sành, các bạc.

Thề rồi bỏ chúng tôi, Tộc chạy lên nhà trên thảo luận gì với thầy không biết. Lúc ra về, Tộc nói :

— Chủ nhật tới, tao lại đào giếng dùm cho thầy.

Tộc sống tự-nhiên quá, thầy việc thì làm không câu nệ, nghĩ gì nói nấy không giấu giếm. Hình như anh không có mặc cảm. Nhà nghèo, mặt mũi không đẹp, áo quần xộc xệch, nhưng tôi chưa bao giờ thấy anh ngượng ngập rụt rè. Tôi có cảm tưởng tâm hồn anh lành như một cây xanh, cây ổi cây bàng nào đó đang sức lớn. Đâm chổi, ra lá, nứt hoa..., cây cứ bình tĩnh làm nhiệm-vụ của mình, không cần nhìn xem những phản-ứng của các cây đứng xung quanh nó. Không thấy cây xấu hổ vì những lá héo, giấu giếm những cành gãy mà cũng

không thấy nó hãnh diện vì chói xanh non nót hay hoa nở đầy cành. Tộc cũng giống như vậy. Nhưng tội nghiệp cho Tộc là Tộc không hoàn toàn được là một cái cây. Cái cây không phải học bài và làm bài. Còn Tộc thì phải khổ tâm rất nhiều mỗi khi phải mớ vào sách vở. Tộc học rất dốt, không mấy khi thuộc bài. Tính thấy Nghĩa lại thích lái cho học sinh không thuộc bài nói bậy mà Tộc thì nói bậy một cách tin-cần. Đủ biết anh chẳng hề ngó qua bài một lần. Mỗi khi thấy nhắc sai và anh dò dẫm nói theo là cả lớp im phăng phắc để đợi nghe những sự bất ngờ lý thú. Chẳng hạn bà Trưng thù ông Thi-Sách đã giết chồng bà là Tô-Định... hoặc nước Việt-Nam đông giáp vịnh Thái-Lan, tây giáp bể Nam-Hải v. v... Đến giờ đọc tiếng Pháp thì thật là không thể nín cười được. Anh không phân biệt được chữ nào đọc là «ơ» chữ nào đọc «e», chữ z, w, ch anh đọc cứ lộn phèo cả lên rồi thêm dầu huyền dầu nặng, rồi ậm ừ, rồi cả lăm nữa. Một người pha trò khéo cũng không thể làm cho lớp học nào hoạt hơn anh. Tật cả lăm sau này gán thành một cô tật của anh. Tôi cho rằng đó là do những giờ học Pháp văn mà ra. Mới đầu năm khi còn học bài 1 bài 2 thì anh cả-lăm ít, đến chừng sang bài 27, 28 thì anh cả-lăm nặng hơn, cuối cùng thì anh chỉ «cà» chứ không nói nữa. Mà mỗi lần «cà» như vậy thì trông anh khổ lắm. Mắt cứ nhắm tít đi còn cái lưỡi và hai hàm răng thì run bần lên. Thấy giáo chịu thua phải cho anh về chỗ.

Lẽ cớ nhiên là học hành như vậy anh không đỡ nổi bằng Sơ-học yếu lược. Và cuối niên-khóa anh phải nghỉ học. Khi chúng tôi, vài đứa, mang sách đi học ở trường Huyện, chúng tôi thỉnh thoảng gặp anh ở bên đồ đầu làng. Vẫn gầy, vẫn đen, trông chừng nếu xòe một cây diêm châm vào là anh bốc cháy thành ngọn lửa ngay. Gặp chúng tôi, anh toe toét cười :

— Đồ tội mày «la ma-rơ» là cái gì?

Rồi không đợi chúng tôi trả lời, anh nói luôn :

— Tao ngồi buồn mở cuốn sách *Langue française* đọc lại mà hóa ra giỏi tội mày ơi. Té ra bây giờ tao mới biết chữ Tây là gì. Nè, tao đọc cho tội mày nghe, nghe không : la lame, le lac, papa a vu le kilo, A Hanoi il y a un pont... Anh đọc hàng tràng dài, đọc sai âm sai giọng nhiều lắm nhưng trông chừng hỉ hả và không còn ngọng khỏ ngọng sở như ngày xưa nữa.

Tôi hỏi :

— Bây giờ mày ở nhà làm gì?

— Tao đi củi.

— Có còn đánh đáo nữa không?

— Tao đánh í-xì, bài cào, không thèm đánh đáo nữa. À, bữa nào tao cho mày một cái ná cao-su. Tao đi củi kiếm được nhiều cái chạng «ngon» lắm.

Sau đó, tôi càng ngày càng ít gặp Tộc dần. Có một độ nào tôi nghe Tộc mê con gái ông Xã Chín nhưng bị cô

này chề. Tộc thất tình bỏ ăn bỏ uống và đâm ra lờn như người sắp điên. Người ta tưởng Tộc nhào xuống Bàu-Di nay Cầu Ông Chử để tự-tử vì vụ thất tình này nặng lắm. Người nhà phải canh gác dòm chừng Tộc luôn. Nhưng bỗng một hôm Tộc mất tích. Cả nhà đồ xô đi tìm. Mẹ Tộc khóc mếu máo. Tự-tử thật chẳng? Nhưng tự-tử sao lại đem hết cả quần áo, nịt, mũ và cái bi-đồng nước theo làm gì? Tuy vậy mẹ Tộc vẫn khóc mếu máo đi tìm. Chợt nghe tin ở xóm Long-hòa con Lành con ông Câu Hồ cũng mất tích đúng vào đêm đó. Ông Câu không khóc mếu máo mà chỉ chửi. Ông nốc rượu vào thật nhiều, — nhà ông nấu rượu lậu nên tha hồ cao ông nốc, — khiến mặt đỏ tía như một con gà đá rồi oang oang kể tội con gái ra mà chửi. Ông bảo con ông mê ngu mê dại một thằng chỉ có cái rựa và đôi dép cao-su. Ông bảo cái nhà thằng đó không bằng cái chuồng heo nhà ông. Ông bảo con mẹ nó không đáng xách giày xách dép cho ông. (Say rượu rồi nói khoác vậy thôi chứ thực-tế ông không bao giờ mang giày mang dép, chỉ thỉnh thoảng lắm mới mang guốc). Người ta đồn rằng hai đứa, Tộc và con Lành rủ nhau bỏ đi hoang nhưng người ta không biết hai đứa đi đâu. Nhà Tộc nghèo không có phương-tiện đi tìm xa còn nhà ông Câu đông con nên bỏ đi một đứa cũng không thiếu. Đi đâu thì đi, hết muốn đi thì về, chẳng ai thêm tìm. Tôi không phải là bà con của hai người nên tôi càng có lý do để không

biết rõ hành tung của hai người, sau đó.

Lẽ ra thì sự quan-hệ giữa tôi và Tộc chỉ có thể, chỉ dừng lại ở mức đó mà thôi. Nếu không vì một thằng con thích ở trần và đang nắng thì tôi đã quên hẳn người bạn ngày xưa của tôi rồi. Cuộc sống bon chen bận rộn đâu có cho phép tôi năng nhìn về dĩ-vãng để tìm gặp lại những dáng người quen? Và lại, mỗi khi có dịp hồi-ức tôi cũng ít khi chịu khó vẹt đám đồng dao lẫn lộn ngày xưa để tìm cho ra đúng cái dáng gầy gò đen đui của anh. Thế mà, ngược với ý muốn của tôi, sự việc đến đây vẫn chưa chịu chấm dứt. Trong khi tôi ngồi mơ màng nhớ đến anh, đến giai-đoạn cuối cùng của cuộc đời anh mà tôi biết, giai-đoạn bỏ nhà ra đi với đủ cả dây nịt và bi-đồng nước, có thể với cô gái ông Câu Hồ vì đó chỉ mới là, dư luận, ước-đoán, thì — có bắt ngờ không, — ở một nơi xa xôi kia anh cũng nghĩ đến tôi. Một bức thư không mong đợi đem đến cho tôi sự khám phá êm đềm này. Sờ là cách đây chừng nửa tháng tôi nhận được một bức thư. Nhìn nét chữ lạ viết ở phong bì, nhìn con dấu nhà bưu-điện Ban-Mê-Thuột, tôi rất hồi-hộp. Tôi không thích những bức thơ của người lạ vì nó hay làm cho tôi bối hồi lo lắng. Ở Ban-Mê Thuột tôi không chắc có người quen nào. Hay có ai gửi làm chẳng? Nhưng nhìn lại địa chỉ người nhận thư thì quả là tên tôi. Tôi lật đặt xé toét phong bì, không kịp lấy kéo cắt. Nội dung bức thư như sau:

NIỀM TIN CHƯA MẤT

Ban-Mê-Thuột ngày... tháng...

Thưa anh,

Tôi là Trần - Văn - Tộc. Anh có còn nhớ Trần-Văn-Tộc không, Tộc « Thanh-Xương » của các anh đó mà. Riêng tôi vẫn còn nhớ anh rõ lắm, anh học trò trắng trẻo mà tôi thường gọi đùa là « con chuột rút rề ». Anh còn nhớ không, anh tức mình gọi lại tôi là « con mèo khiêu khích » nhưng thay vì là con mèo mun (vì tôi đen) anh lại gọi ác là con « Bạch-Tuyết ». Nhưng con mèo không vỗ con chuột mà yêu con chuột lắm. Đền bây giờ xa cách vài mươi năm rồi mà vẫn nhớ đền con chuột đây.

Tôi có đọc mấy truyện của anh viết về những ngày thơ-ấu của chúng ta khi còn học ở trường N.S. Tôi cảm động nhớ lại những ngày xưa, nhớ lại ông Cai Tròn, nhớ lại thầy Nghĩa mà trong truyện anh đổi tên lại là thầy Hiến. Thầy Nghĩa đã chết rồi, chắc anh đã biết. Bây giờ ngồi nhớ lại thầy, tôi thấy tôi thương thầy hết sức. Đánh rằng tôi học hành chẳng đỗ đạt được gì, nhưng đó toàn là lỗi của tôi. Tôi học dốt mà lại lười quá. Giá vào tay một thầy giáo khác thì tôi đã bị đuổi học lâu rồi. Thế mà thầy vẫn chịu đựng, vẫn chấp nhận tôi, vẫn cố dạy cho tôi biết rằng la mare là cái ao, le kilo là quả cân... Những kiên-thức đó, ra đời tôi không dùng được gì, nhưng chúng cho tôi một cảm-tưởng êm-đềm là ngày thơ-ấu của tôi không đến nỗi bị bạc đãi. Lớn lên khi được biết rằng những người học trò tệ lậu như tôi dễ làm

cho thầy giáo bị ghi điểm xấu, bị chậm tăng lương, chậm thăng ngạch trật, tôi thấy áy náy trong lòng vì tôi cho rằng sở dĩ thầy phải già đời ngồi dạy ở một xó nhà quê này, biết đâu chẳng phải vì tôi. Năm 195... tôi và nhà tôi cùng mấy cháu có về quê thăm. Lúc bấy giờ mới được biết rằng ngôi trường cũ của chúng ta ở đầu núi đã bị phá hoại vào những năm kháng chiến. Cây cà-te cao to, trụ-sở của lũ ma quỷ mà ngày nhỏ các anh sợ, đã bị chặt mất rồi. Tất cả chỗ ấy bây giờ còn là khoảng không. Hình ảnh chỉ còn lại trong tâm hồn của chúng ta thôi.

Anh bây giờ đã được mấy cháu rồi ? Tôi thì được năm cháu. Ba cháu lớn học ở Lycée Yersin. Vợ tôi cũng thường ở Đà-Lạt hơn ở Ban-Mê-Thuột, chúng tôi có tậu được một vi-la ở Cité Saint Benoît. Tôi bây giờ nhờ Trời làm ăn cũng khá dư đủ. Có được hai nhà máy cưa và một rạp hát. Anh có biết tôi đặt tên cho rạp hát của tôi là rạp gì không ? Chắc anh không đoán được đâu. Tôi đặt là rạp Thanh-Xương. Để nhớ lại những kỷ-niệm ngày xưa.

Thôi, giấy ngắn tình dài, chúc anh và quý quyền sức khỏe. Nghỉ hè rảnh rồi mời anh lên Ban-Mê-Thuột chơi nghe ? Tụi mình gặp nhau mới nói hết chuyện.

Nhớ ghi địa-chỉ là :

Ông Trần-Minh-Thạnh
41, đường Ama-Trang-Long
Banmêthuột

Đọc xong thư Tộc, — bây giờ là Trần-Minh-Thạnh, — tôi vui vẻ như chính tôi đã làm giàu, đã làm chủ hai máy cưa và một rạp hát. Thạnh-Xương. Tộc không nói rõ về người vợ Tộc, tưởng như ai cũng đã biết rồi, nhưng tôi định ninh rằng đó là cô Lành con ông Câu Hồ. Tôi tưởng tượng thấy một chiếc ô-tô sang trọng chở Tộc và cô Lành đỗ xích trước cái quán của bà mẹ Tộc ở đầu làng. Bao nhiêu người hàng xóm bầu lại xem, trầm trồ bàn tán. Những đứa trẻ con ở trấn và đen đầu như Tộc ngày xưa đứng vây quanh chỉ trò, sờ mó. Chiếc xe ấy lại đỗ xích trước nhà ông Câu Hồ. Ông Câu Hồ hẳn là thôi không chửi nữa. Nghĩ đến ông Câu tôi chợt cười thành tiếng. Tôi nhớ đến những đôi giày đôi dép tưởng tượng của ông ngày xưa khi ông cắt tiếng chửi « thẳng » Tộc đi hoang đã dụ dỗ con Lành ngu dại của ông. Niềm vui khi đọc thư Tộc, tôi giữ cho đến suốt ngày. Tôi cảm thấy bớt đơn chiếc và cuộc đời dễ sống hơn. Tộc đại diện

cho một loại nhân-cách miễn nhiễm, không tà-khí. Lúc nào cũng nghĩ tốt cho người, không ác ý, không đố-hị, không bị lời cuốn, và sẵn sàng làm điều tốt cho người, không mưu-tính, không mặc cả. Tôi tin chắc sự làm giàu của Tộc rất trong sạch. Lòng thương yêu thấy mà Tộc nói trong thư chắc chắn là thành thật chứ không phải là một lời sáo, một công-thức xã giao. Những mẫu ~~nh~~ hoạt vận vật của Tộc khi còn đi học chắc chắn là không chịu sự chi phối của một thành-kiến nào. Tâm hồn Tộc như cái phòng rộng trống trơn, không có xó kẹt, không có bóng tối. Tộc làm những điều mình nói và có thể nói những điều mình làm. Có thể nói cả những điều mình nghĩ nữa. Trong một xã-hội nhiễm-độc mà dối trá đã thành điển-lệ, mà thù hận đã thành khí-giới phổ thông, quả tình nhân-cách của Tộc vươn lên như một chồi cây mạnh giúp tôi tin cậy ở cuộc đời.

VÕ-HỒNG

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « Cuộc đời và sự nghiệp nhạc sĩ Claude Debussy » của Trần-Văn-Khê đăng trên Bách-Khoa số 139 nơi trang 101, chúng tôi có đề những lỗi sau đây mong bạn đọc sửa giùm :

— Trang 102, cột 1, dòng 12 :

« Từ năm 1902 đến năm 1923, tức 4 năm đại chiến » xin sửa là « tức 4 năm **sau** đại chiến ».

— Trang 102, cột 1, câu chót :

« Nhạc phẩm **đi** sau... » xin sửa là « nhạc phẩm **đó**,... »,

— Trang 104, cột 1, dòng 17 :

« Trong lúc hòa âm với... » xin sửa lại : « Trong lúc **học** hòa âm với... »

— Tên Guiraud trong bài có chỗ sắp Guirand xin sửa lại là Guiraud cho đúng.

B. K.

**TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VON : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BAO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Điện thoại : 21.253 — 23.913

ĐIỂM SÁCH

TRẦN-THIÊN

QUYỂN truyện của Nhuệ-Hồng mới xuất bản là một trường hợp đáng chú ý trong những hoạt động văn nghệ gần đây.

Tác phẩm này gồm chín câu chuyện, toàn lấy đề tài ở tòa án. Có chuyện nêu lên một vụ án mạng rồi trình bày đôi ba bản cung khác nhau, cho ta thấy sự khó khăn của tòa trước những giả thuyết mâu thuẫn (*Vụ án giết vợ*). Có chuyện đưa ra bản cáo trạng về một vụ hiếp dâm, rồi cho ta thấy một ông phó biện lý làm sáng tỏ công lý bằng cách đứng ra bên vực nỗi oan khiên của bị can thay vì làm công việc buộc tội như thường lệ (*Một vụ xử kín*). Có chuyện nêu ra một trường hợp pháp lý, dẫn giải qua loa, kể sơ lược một vụ án làm thí dụ, rồi biện luận rành rẽ cho sáng tỏ (*Cấu phát tội phạm lý tưởng*). Lại có chuyện mượn lời luật sư hoặc để trình bày cân nhắc phần lỗi, phần phải trong hành động của một người vô ý gây thương tích cho kẻ khác (*Bác sĩ giải phẫu tạo hình*), hoặc để phanh phui các uẩn khúc trong vụ án một kẻ bị tố cáo oan uổng (*Biến thái*

Tên sách : Truyện Tòa-Án

Tên tác giả : Nhuệ-Hồng

Nhà xuất bản : Liên minh xã hội

công quỳ). Lại cũng có chuyện như chỉ nhắm giới thiệu một trường hợp éo le, khiến người luật sư trong truyện khó xử, mà độc giả cũng phải mỉm cười vì pháp luật bị trêu đùa (*Của chồng công vợ*)...

Người đọc theo từ đầu sách tới cuối sách khá thú vị. Tác giả kể chuyện khéo linh động, biện luận chặt chẽ và sáng sủa.

* *

Cầm tác phẩm của Nhuệ-Hồng trong tay chắc hẳn có nhiều người nhớ đến tác phẩm của Hoàng-Đạo trước kia : quyển *Trước vành móng ngựa*. Trước vành móng ngựa được coi là một tập phóng sự, còn quyển sách của Nhuệ-Hồng thì được tác giả xác nhận hai lần trên bìa sách là nó thuộc vào loại truyện : Ông đặt cho cái nhan đề *Truyện tòa án*, ông lại ghi rõ là *truyện ngắn*. Tuy thế có đọc bên trong ai cũng nhận thấy sách của ông chứa ít truyện hơn sách của Hoàng-Đạo. Thực vậy, ở nhiều «truyện» của Nhuệ-Hồng, biện luận chấm đến bảy tám phần mười còn câu chuyện may chỉ được đôi ba.

Trong tác phẩm của Hoàng-Đạo chỉ có việc và người, rất ít lý luận; ở tác phẩm của Nhuệ-Hồng thì nhiều khi không thấy cảnh vật, mà cũng không có cả bóng dáng một nhân vật nữa: có một cái tên (Trần-văn-Này hay Nguyễn-văn-Nọ), có một nghề nghiệp (bác sĩ hay cô mục), chứ không có mặt mũi, tính tình, hình dạng.

Một tác phẩm xây dựng như thế có thể nói là truyện được chăng? Tại sao tác giả không gọi đó là một tập tiểu-luận. Thiếu gì người viết sách khảo-luận mà có xen chuyện vào cho thêm linh hoạt? Trong các sách dạy làm người của Dale Carnegie chẳng hạn có biết bao nhiêu là truyện mà có được mệnh danh là tập truyện đâu? Khi dụng ý chứng minh một quan niệm của tác giả đã thẳng rõ rệt, đã lấn át trọn vẹn cái phần thể hiện diễn tả sự sống thì tác phẩm có được coi là «truyện», tức là một tác phẩm nghệ thuật nữa chăng?

Có lẽ trường hợp *Truyện tòa án* của Nhuệ-Hồng cũng có thể nêu lên nhiều điều rắc rối, như là một vụ án có lẽ khiến công lý phải phân vân trong sách của ông.

Gần đây ranh giới của thể «truyện» mở ra rất rộng, đến nỗi nó thành ra mơ hồ, không còn biết đâu là ranh giới nữa. Truyện, có khi nó là một thứ thơ bí hiểm, có khi nó là một triết luận nặng trĩu có khi nó là một tập nghiên cứu về phân tâm học, có khi nó như lời kinh, lời cầu nguyện v, v... Hiện thời, khó bề tìm được một định nghĩa thích đáng cho cái hình thức nghệ thuật gọi là «truyện». Một nhà phê bình ở Pháp nhận thấy tiểu thuyết ngày nay đang bị giằng xé giữa hai hướng: một bên là bản chất nguyên thủy của nó, tức cái tánh cách một câu chuyện cốt làm

vui người đọc; một bên nữa là cái nhu cầu của con người muốn sử dụng nó để gỡ gắm những xúc cảm rạo rực tình cảm những băn khoăn triết lý, tôn giáo, để thể hiện những quan niệm thẩm mỹ v. v... Giữa đôi đường, thể tiểu thuyết tự phân thân ra làm trăm, nghìn vẻ khác nhau, nó thiên biến vạn hóa như con quái vật Protée tả trong sách của Virgile.

Vậy quyển sách của Nhuệ-Hồng đâu có dành một phần lớn cho sự suy ngẫm về pháp luật tưởng cũng không vì đó mà không thành truyện nếu trong công trình ấy có một dụng ý nghệ thuật. Dụng ý ấy ở đây không phải là không có.

Một tác phẩm nghệ thuật lấy luật pháp làm đề tài! Việc ấy tự nó có một ý nghĩa lý thú. Vì đối với con người, đôi bên — nghệ thuật và luật pháp — có thái độ hoàn toàn trái nhau. Luật pháp lấy lý mà phán xét hành động của con người, trong khi nghệ sĩ cố đi sâu vào tâm hồn để tìm sự cảm thông. Mỗi người, kể cả những người phạm tội, hành động trong những hoàn cảnh riêng biệt, vì những lý lẽ, những động cơ riêng, đều suy tưởng, không ai giống ai; thế nhưng khi lỡ gây nên tội phải đả tòng đình thì pháp luật đều căn cứ vào những qui tắc chung mà xét xử. Nghệ thuật, trái lại, tìm đến từng lý do u ẩn, từng hoàn cảnh cá biệt. Đối xử với những con người phức tạp, sinh sống, cảm nghĩ và hành động trong những hoàn cảnh hoàn toàn khác nhau bằng một thái độ y hệt nhau, luật pháp có vẻ lạnh lùng, tàn nhẫn.

Ở trong tác phẩm của Hoàng-Đạo có nhiều chỗ nói đến điểm ấy! Một số đông

người rách rưới, mỗi người một vẻ, ăn mặc một cách, kiếm miếng ăn bằng một lối riêng, họ bị đưa tới tòa và đều bị ông chánh án ung dung khép vào tội du đang. Kế tiếp hết người nọ tới người kia, mỗi người bước ra trước vành móng ngựa đều bị ông ban cho « ba tháng một ngày nhà pha » ; ông xử như máy và « lương tâm không mảy may bút rứt ». Lại một dãy người khốn khổ khác ra tòa vì tội nấu rượu lậu, mỗi người tới lượt mình đều toan kể lẽ trường hợp riêng, bộc bạch riêng của mình, nhưng ông chánh án đối với bất cứ ai đều vẫn tắt hạ một câu : « Hai nghìn quan tiền phạt ».

Cái đơn giản ấy có tính cách máy móc, cứng nhắc. Vì thế nó vừa tan nhẫn mà lại vừa hài hước. Nó hài hước như thể tiếng « Không hồi môn ! » nhắc đi nhắc lại mãi của ông lão Harpagon, hài hước vì tính cách máy móc, không thích ứng được với cái linh động của sự sống. Đối với cái luật pháp như thế, Hoàng-Đạo không ngần ngại chỉ trích nặng lời. Người đến trước vành móng ngựa, Hoàng-Đạo xem đó là « ngơ ngác đi tìm công lý, một ông thần lừa », hay « ngơ ngác... như chim chích vào rừng pháp luật ». Giọng của Hoàng-Đạo đùa cợt mà sâu độc.

Nhuệ-Hồng thì không thế. Ngay ở lời nói đầu, ông có nói đến tính cách duy lý, phi tình của pháp luật, nhưng trong tác phẩm ông không để cho pháp luật đến nổi phi tình. Có khi nó lắm (*Vụ án giết người*) nhưng không khắc nghiệt, có khi nó sai nhưng nó chịu nghe lời trần tình và tác giả khiến ta tin rằng nó còn thì

giờ sửa chữa (*Lời khai cuối cùng của một kẻ tử tù*), có khi làm phiền người nhưng rồi lại cũng tỏ ra khá rộng lượng (*Tám vé số độc đắc*), có khi nó có thái độ hoàn toàn hiểu biết, thông cảm (*Một vụ xử kín, Bác sĩ giải phẫu tạo hình*). Mà dầu cho nó có làm điều sai lầm đi chăng nữa thì tác giả cũng có lời để đỡ vớt : « Trong cuộc đi tìm sự thật, Công lý ắt phải trải qua những sự dò dẫm, những bước lạch lạch. Có như thế Công Lý mới vững chắc và nhân đạo. » (trang 140).

Dĩ nhiên, Pháp luật trong tác phẩm của Nhuệ-Hồng chưa thể làm cho ai nấy đều vừa ý, thỏa mãn, nhưng nó đã tỏ ra một cố gắng đầy thiện chí. Cứ xem những đoạn kể lại mỗi tình thơ đại của cặp Đề-Én, đoạn tả hình ảnh anh Đoàn-văn-Tùng nho nhã và tính tình chị Hoàng-kim-Ngân vô tư v.v... thì tưởng luật pháp không phải thật là vô tình mà không biết đến từng cuộc sống cá biệt.

Thời thường người ta hay phàn nàn Pháp luật không chịu cảm thông những uẩn khúc éo le phức tạp của con người, rằng này Nhuệ-Hồng một mặt tuy cũng có nhắc đến lời trách cứ đó, nhưng một mặt lại tỏ ra rất « thông cảm » những khó khăn của Pháp luật : ông đi bước trước tiên đến sự gần gũi giữa tình người và lý của luật. Ông không đòi luật pháp tìm đến để hiểu mình, mà tự mình đi tìm hiểu giữa những nỗi bút rứt bản khoán của pháp luật. Ông khiến người ta nghĩ rằng sau bộ mặt lạnh lùng kia, pháp luật không phải không có những cảm xúc tế nhị. Ở đây, nghệ thuật lại hướng thái độ cảm thông, không phải về phía con người mà về phía pháp luật, một đối tượng vốn

thường bị chê là thiếu sự cảm thông. Đó chẳng phải là một sáng kiến ngộ nghĩnh 320 ?

Giai đoạn hiện nay của sự phát triển bộ môn tiểu thuyết thực là một giai đoạn lộn xộn, không có một trường phái nào qui tụ được một số đông đảo tiểu thuyết gia, không có một đường lối kỹ thuật nào, không có một tiêu chuẩn thẩm mỹ nào được chấp nhận; một bậc đàn anh trong giới tiểu thuyết ngày nay hầu như không thể truyền dạy được bao nhiêu cho những kẻ đi sau. Hiện thời người ta đang ra

sức khai phá tìm tòi những con đường mới, mạnh ai nấy tìm, gần như mỗi người đi về một hướng. Tìm tòi nội dung mới, đề tài mới, tìm tòi những kỹ thuật mới, những quan niệm thẩm mỹ mới v.v... Cái quang cảnh lộn xộn đó có làm cho giới độc giả hoang mang, nhưng chắc chắn nó sẽ làm phong phú thêm bộ môn tiểu thuyết.

Nhuệ-Hồng đưa từng xấp hồ sơ tòa án vào truyện, cũng du nhập được thêm một cái mới mẻ trong đề tài tiểu thuyết gần đây.

TRẦN-THIÊN

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

吸請 金字烟

Cigarettes **JOB** Surfiner

COPAT CHOLON

Bách-Khoa vừa nhận được :

- Mặt hồ ; Lộ ngàn... (Hàn-Bô) Giải bày (Dã-Thảo) Xin làm... (Linh-Thùy-Giang) Tác phẩm của người sắp chết (Bửu-Ấn) Một tối lên ga (Hồ-Thanh-Đức) Dậm buồn ; Lối đi của người (H.L.K.) Đêm (Hồn-Thiên-Thu) Nuối tiếc... (Hoài-Duy-Minh) Liêu Trai (Dã-Thảo) Khi người thương đi (Thành-Nam) Đá mẹ bông con ; Đầy tàu đi (Yên-Vũ) Nhớ đến thu sang (Lê-Hoàng-Thanh-Việt) Nỗi buồn trong mắt ; Mù sương... (Trường-Thy) Nguyệt (Nguyễn-Nho-Sa-Mạc) Bài thơ tình của Tấn ; Tình buồn ; Tình yêu học sinh... (Lê-Vĩnh-Tấn) Ma ; Nguồn thương... (Hồ-Minh-Cảnh) Niềm đau sau cùng ; Âm ca (Tĩnh-Huyền) Nhớ mẹ... (Ng. Lê-Cang) Siêu thoát ; Rồi sẽ ra sao (Lan-Sơn-Đài) Mùa thu Saigon (Anh-Phong) Tâm sự chim lồng (Hoài-An) Đời (Thùy-Dương-Tử) Điềm sàng ; Ngoại đạo (Đoàn-Minh-Hải) Tượng người chiêm nữ (Cao-Phan) Mây buổi sáng... (Ngọc-Hương-Dương).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng **trừ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

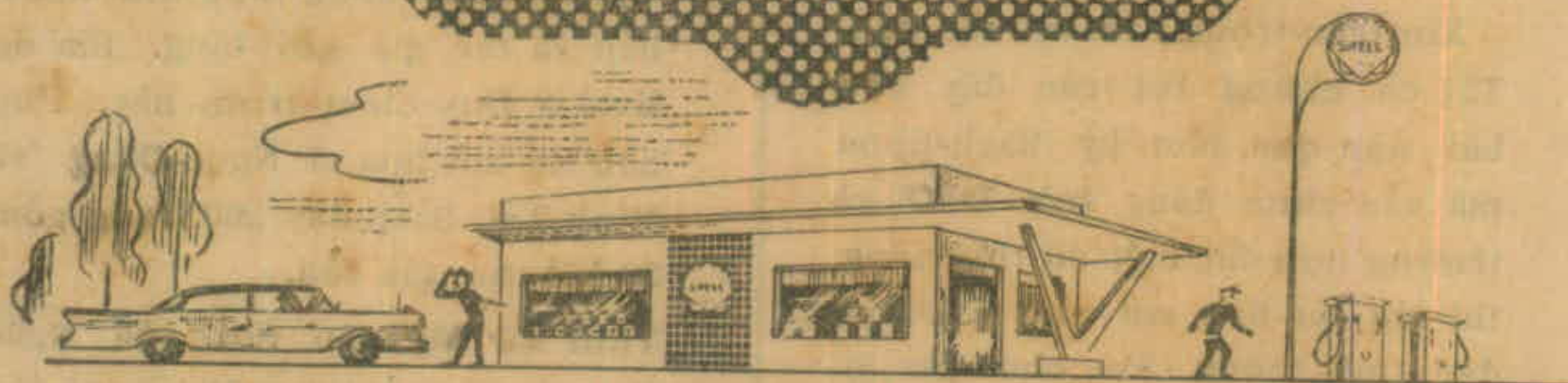
- **Anh Lê-Đình Phạm-Phú.**— Đã nhận đủ thơ của anh. Sẽ góp ý sau về toàn thể các bài anh gửi.

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Bút-Hoa** giai phẩm (năm thứ 3 tập 7 và 8) do O. Trần-Xuân-Chấn chủ trương và gửi tặng. Báo dày 86 trang giá 20đ.
- **Truyện tòa-án** truyện ngắn của Nhuệ-Hồng, Liên-Minh xã-hội xuất bản, tác giả gửi tặng. Sách dày 140 trang gồm 9 truyện ngắn về tòa án, giá 30đ.
- **Khúc ca nhược tiểu** (tập thơ của Cao-Đan-Hồ. Đại-nam văn-hiến xuất-bản và gửi tặng.— Sách in ronéo, dày 24 trang, gồm 25 bài thơ giá 30đ.
- **Thử đặt một hướng đi.**— của Giác-Lượng, do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 70 trang, giá 40đ.
- **Ý-thức luận** (Essai sur les données immédiates de la conscience) của Henri Bergson, do L. M. Cao Văn Luận dịch, Đại Học Huế xuất bản và gửi tặng. Sách dày 152 trang, giá 50đ.
- **Hoang-Vu** tập thơ của Nguyễn-Vỹ, do Phổ-Thông tùng-thư xuất-bản và tác giả gửi tặng. Bia do Họa sĩ Duy-Liêm trình bày. Phụ bản do hai họa sĩ Ngọc-Dũng và Minh-Tải. Sách dày 260 trang gồm 50 bài thơ, giá 85đ.
- **Tình xứ Mỹ** tập thơ của Ngũ-Yên, do Sông-Ngân xuất-bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 50 trang, in khổ lớn gồm 30 bài thơ, trình bày trang nhã, giá 26đ.

Dầu nhớt giữ máy xe luôn luôn sạch-sẻ



hơn **50** năm tại Việt-Nam



**BẠN ĐỌC MUA BÁCH-KHOA
DÀI HẠN CHÚ Ý**

Từ 1-1-1963 trở đi, giá mua Bách - Khoa dài hạn sẽ là :

100 \$: 6 tháng — 200 \$: một năm

Tuy nhiên bạn đọc nào gửi mua trước ngày 31-12-1962 vẫn còn được hưởng giá bán dài hạn cũ (90 \$: 6 tháng và 180 \$: một năm). (« Phiếu mua dài hạn » ở mặt sau)

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ-DO

hằng ngày các bạn hãy đọc

nhật báo **TỰ-DO**

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

XIN GIỚI THIỆU VỚI BẠN ĐỌC BÁCH-KHOA

THỜI BÁO

tờ báo của mọi gia đình

đang in :

ALBERT. CAMUS I

tuyển-tập đoản-thiên và tiểu-luận



Trần-Phong (Phong-Giao) dịch

Nguyễn - Văn - Trung giới thiệu

Quý bạn yêu **SÁCH ĐẸP**
xin liên-lạc với :

Ô. TRẦN-PHONG

38, Phạm - Ngũ - Lão, Saigon



Bản đặc-biệt giá 70 đồng
(kể cả bưu-phí bảo-đảm)

BÁCH-KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ
160, Phan-Đình-Phùng
Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON.

:-

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA DÀI HẠN

Phương danh độc giả.....

Địa chỉ.....

Thời hạn mua (1)..... bắt đầu từ.....

Thẻ thức trả tiền.....

..... ngày..... tháng..... 1962

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm: 180 \$

6 tháng : 90 \$

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

• Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 180 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (20 số thường 200 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 240 \$)

• Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.